

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 25 tháng 07 năm 2024)

### CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 13 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 01 năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày \_\_\_/\_\_\_/2024 tại:

#### CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

**Trụ sở chính:** Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên hệ: 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Điện thoại:** (+84) 28 7300 6071

**Fax:** (+84) 28 3910 1073

**Email:** [ir@yeah1.vn](mailto:ir@yeah1.vn)

**Website:** <https://yeah1group.com/>

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

**Địa chỉ:** Số 7, lô 28A đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

**Điện thoại:** (+84) 0225 3842 335 **Fax:** (+84) 0225 3746 266

**Website:** <https://haseco.vn/>

#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Lê Phương Thảo

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số điện thoại: (+84) 28 7300 6071

(QUYÊN 2/2)

TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 54

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 30 ngày 11 tháng 1 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch	
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên	
Ông Kim Min Soo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban	
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên	
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên	từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Văn Hạnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2023
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2023
Bà Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2023

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám Đốc	từ ngày 2 tháng 11 năm 2023
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám Đốc	đến ngày 2 tháng 11 năm 2023

Ông Chế Đoàn Viên được Bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 35-2401-UQ-YEG có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 1 năm 2024.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty và các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 15.1* của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:


Chê Đoàn Viên  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 12925844/67488977

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 31 tháng 3 năm 2023.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Đức Hoàng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2787-2022-004-1

Tôn Thiện Bảo Ngọc  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1477-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>550.345.281.762</b>	<b>291.336.732.031</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>6.392.544.437</b>	<b>17.365.013.108</b>
111	1. Tiền		2.192.544.437	17.365.013.108
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.200.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>230.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		230.000.000	50.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>522.012.565.290</b>	<b>272.339.132.314</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	112.326.811.147	27.748.139.261
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.549.093.165	156.181.002
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	270.238.767.925	173.136.646.038
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	9	159.015.726.054	91.598.166.013
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(22.117.833.001)	(20.300.000.000)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>18.471.428.571</b>	<b>-</b>
141	1. Hàng tồn kho	11	18.471.428.571	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.238.743.464</b>	<b>1.582.586.609</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.238.743.464	1.582.586.609
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.393.011.400.848</b>	<b>1.003.844.072.670</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>227.793.196.854</b>	<b>220.139.444.500</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	21.412.263.754	119.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	206.380.933.100	101.139.444.500
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>78.555.370.522</b>	<b>2.108.361.872</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	181.819.198	293.235.502
222	Nguyên giá		695.101.954	1.833.778.240
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(513.282.756)	(1.540.542.738)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	78.373.551.324	1.815.126.370
228	Nguyên giá		85.512.962.231	2.524.382.154
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.139.410.907)	(709.255.784)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>1.080.639.622.715</b>	<b>774.002.931.326</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.342.337.412.233	1.206.677.412.233
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		231.761.250.000	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.715.625.000	17.715.625.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(511.174.664.518)	(450.390.105.907)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.023.210.757</b>	<b>2.593.334.972</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.023.210.757	2.593.334.972
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.943.356.682.610</b>	<b>1.295.180.804.701</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>259.891.332.597</b>	<b>113.841.039.853</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>165.525.413.280</b>	<b>113.841.039.853</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	67.795.676.253	1.426.835.606
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	28	24.616.966.143	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.537.872.433	3.441.434.852
314	4. Phải trả người lao động		1.529.147.261	1.525.057.726
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	5.287.267.886	3.414.710.929
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	41.747.660.304	60.822.591.340
320	7. Vay ngắn hạn	20	23.010.824.000	43.210.409.400
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>94.365.919.317</b>	<b>-</b>
338	1. Vay dài hạn	20	94.365.919.317	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.683.465.350.013</b>	<b>1.181.339.764.848</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>1.683.465.350.013</b>	<b>1.181.339.764.848</b>
411	1. Vốn cổ phần		1.313.532.640.000	312.799.680.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.313.532.640.000	312.799.680.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		140.518.254	550.873.478.254
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		369.792.191.759	317.666.606.594
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		317.666.606.594	308.003.499.267
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		52.125.585.165	9.663.107.327
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.943.356.682.610</b>	<b>1.295.180.804.701</b>

  
 Lưu Anh Khoa  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Khánh Trang  
 Kế toán trưởng

  
 Chế Đoàn Viên  
 Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	178.347.667.496	42.893.398.706
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(80.307.911.272)	(30.332.433.385)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		98.039.756.224	12.560.965.321
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	55.256.618.678	28.257.430.684
22 23	5. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	24	(78.819.454.500) 18.034.756.396	(7.297.483.988) 1.569.190.149
25	6. Chi phí bán hàng		-	(52.269.317)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(22.286.813.036)	(13.702.766.739)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		52.190.107.366	19.765.875.961
31	9. Thu nhập khác		2.468	2.825.258.596
32	10. Chi phí khác		(64.524.669)	(12.928.027.230)
40	11. Lỗ khác		(64.522.201)	(10.102.768.634)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		52.125.585.165	9.663.107.327
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	-	-
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		52.125.585.165	9.663.107.327

  
Lưu Anh Khoa  
Người lập

  
Nguyễn Thị Khánh Trang  
Kế toán trưởng

  
Chế Đoàn Viên  
Phó Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		52.125.585.165	9.663.107.327
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	12, 13	6.541.571.427	210.726.145
03	Các khoản dự phòng		62.602.391.612	5.928.293.839
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(32.117.354.440)	(30.553.780.048)
06	Chi phí lãi vay	24	18.034.756.396	1.569.190.149
08	<b>Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>107.186.950.160</b>	<b>(13.182.462.588)</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(178.057.556.151)	(49.590.006.110)
10	Tăng hàng tồn kho		(18.471.428.571)	-
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		124.677.206.085	(43.162.851.344)
12	Tăng chi phí trả trước		(86.032.640)	(1.473.765.360)
14	Tiền lãi vay đã trả		(14.328.003.654)	(406.534.355)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(10.423.299)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>20.921.135.229</b>	<b>(107.826.043.056)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(62.988.580.077)	(35.909.091)
23	Tiền chi cho vay		(176.817.714.851)	(320.287.581.035)
24	Tiền thu hồi cho vay		177.123.329.210	345.171.745.521
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(523.231.250.000)	(150.964.984.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.983.200.000	189.210.452.833
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức		25.596.077.901	30.834.714.956
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(566.334.937.817)</b>	<b>93.928.439.184</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	21.1	450.000.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	20	415.218.725.134	53.189.675.636
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(330.777.391.217)	(22.564.368.119)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>534.441.333.917</b>	<b>30.625.307.517</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(10.972.468.671)	16.727.703.645
60	Tiền đầu năm		17.365.013.108	637.309.463
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	6.392.544.437	17.365.013.108

  
 Lưu Anh Khòa  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Khánh Trang  
 Kế toán trưởng

  
  
 Chế Đoàn Viên  
 Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

TT.M.S.O.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, điều chỉnh gần nhất lần thứ 30 ngày 11 tháng 1 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 77 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 58 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY****2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 15.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

**2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị bán quyền chương trình là chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Chương trình phần mềm	5 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 - 44 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- ▶ Phí dịch vụ trả trước khác.

#### 3.10 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư vào các công ty con*

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

#### 3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

##### 4.1 *Góp vốn thành lập các công ty con*

Vào ngày 15 tháng 2 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc góp 100% vốn điều lệ để thành lập Công ty TNHH 1Production ("1Pro") với số tiền là 2.000.000.000 VND, theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 71/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 2 năm 2023. Theo đó, vào ngày ngày 21 tháng 2 năm 2023, 1Pro đã nhận được GCNĐKDN số 0317690271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc thành lập công ty.

Vào ngày 14 tháng 9 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc góp thêm vốn điều lệ vào 1PRO với số tiền là 137.000.000.000 VND, theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 95/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 28 tháng 2 năm 2023. Theo đó, vào ngày ngày 26 tháng 9 năm 2023, 1Pro đã nhận được GCNĐKDN số 0317690271 điều chỉnh lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của 1Pro từ 2.000.000.000 VND lên 139.000.000.000 VND.

Vào ngày 16 tháng 10 năm 2023, Công ty đã thành lập Công ty TNHH 1Talent ("1Talent") theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 572/2310/NQ/HĐQT cùng ngày và đã nhận được GCNĐKDN số 0318105371 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cùng ngày, phê duyệt việc thành lập 1Talent. Vào ngày 14 tháng 12 năm 2023, Công ty đã góp vốn vào 1Talent với số tiền là 120.000.000 VND.

Vào ngày 16 tháng 10 năm 2023, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Adlink Network ("Adlink") theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 572/2310/NQ/HĐQT cùng ngày và đã nhận được GCNĐKDN số 0318106103 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 10 năm 2023, phê duyệt việc thành lập Adlink. Vào ngày 27 tháng 12 năm 2023, Công ty đã góp vốn vào Adlink với số tiền là 40.000.000 VND.

##### 4.2 *Góp thêm vốn vào Công ty TNHH Yeah1 Up ("Yeah1 Up")*

Vào ngày 14 tháng 9 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc góp bổ sung vốn vào Yeah1 Up với tổng số tiền là 23.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 83/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 24 tháng 2 năm 2023. Vào ngày 18 tháng 10 năm 2023, Yeah1 Up đã nhận được GCNĐKDN số 0317420589 điều chỉnh lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 2.000.000.000 VND lên 25.000.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Yeah1 Up không thay đổi.

##### 4.3 *Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH STVProduction ("STVPro") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV")*

Vào ngày 17 tháng 10 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc mua 100% vốn góp của STVPro từ STV, với giá mua là 10.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 568-2310-NQ/HĐQT-YEG ngày 16 tháng 10 năm 2023 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 570-2310-HĐCN-YEG-STV ngày 17 tháng 10 năm 2023. Vào ngày 2 tháng 11 năm 2023, STVPro đã nhận được GCNĐKDN số 0317800358 điều chỉnh lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc thay đổi chủ sở hữu. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong STVPro tăng từ 51% lên 100%.

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng lại 100% vốn góp của STVPro cho STV với giá chuyển nhượng là 10.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 80-2403-HĐCN-YEG-STV ngày 15 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong STVPro giảm từ 100% xuống 51%.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51,19% của STV cho đối tác theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 125-2403-HĐCN-YEG-NNQ và được phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày. Theo đó, STV không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM (tiếp theo)**

**4.4 Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital")**

Theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 62/2302/HĐCNCP/YEG-NAK và Số 63/2302/HĐCNCP/YEG-PTMH ngày 14 tháng 2 năm 2023 với Ông Nguyễn Anh Khoa và Bà Phạm Thị Minh Hằng, Công ty đã nhận chuyển nhượng 281.250 cổ phần và 3.656.250 cổ phần của Edigital tương ứng với giá trị lần lượt là 9.196.875.000 VND và 119.559.375.000 VND. Theo đó, Công ty sở hữu 35% cổ phần của Edigital và Edigital trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

Theo Hợp đồng Nguyên tắc Số 10/HĐMT/Y1-VNO 20 ngày 17 tháng 8 năm 2020, Công ty đã ứng trước số tiền là 16.755.470.000 VND để mua mã thẻ viễn thông, được bảo lãnh bằng cổ phần của Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh ngày 24 tháng 2 năm 2023. Vào ngày 17 tháng 8 năm 2023, Công ty đã nhận chuyển nhượng 512.400 cổ phần của Edigital, tương đương với 4,55% vốn điều lệ của Edigital, theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 400-2308-HĐCNCP-BPTC-YEG để tất toán khoản tạm ứng này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Edigital tăng từ 35% lên 39,5% kể từ ngày này.

**4.5 Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink Việt Nam")**

Theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 60/2302/HĐCNCP/YEG-NAK và Số 61/2302/HĐCNCP/YEG-PTNH ngày 14 tháng 2 năm 2023 với Ông Nguyễn Anh Khoa và Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu, Công ty đã nhận chuyển nhượng 27.000 cổ phần và 36.000 cổ phần của Netlink Việt Nam tương ứng với giá trị lần lượt là 44.145.000.000 VND và 58.860.000.000 VND. Theo đó, Công ty sở hữu 35% cổ phần của Netlink Việt Nam và Netlink Việt Nam trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

**5. TIỀN VÀ KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	-	56.601.896
Tiền gửi ngân hàng	2.192.544.437	17.308.411.212
Các khoản tương đương tiền (*)	4.200.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.392.544.437</b>	<b>17.365.013.108</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định có thời hạn gốc ba tháng và hưởng lãi suất 3,75%/năm.

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,85%/năm đến 9%/năm.

**7. PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	25.788.366.350	7.479.354.280
Công ty Cổ phần Ban Media	22.854.759.622	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	2.490.070.000	-
Khác	443.536.728	7.479.354.280
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	86.538.444.797	20.268.784.981
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>112.326.811.147</b>	<b>27.748.139.261</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>270.238.767.925</b>	<b>173.136.646.038</b>
Cho các bên khác vay	177.256.431.925	99.304.297.479
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 28)	92.982.336.000	73.832.348.559
<b>Dài hạn</b>	<b>21.412.263.754</b>	<b>119.000.000.000</b>
Cho các bên khác vay	7.171.575.396	119.000.000.000
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 28)	14.240.688.358	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>291.651.031.679</b>	<b>292.136.646.038</b>

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

Bên vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
<b>Cho các bên khác vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Vital Investments Group	119.000.000.000	Ngày 1 tháng 12 năm 2024	8,5	Tin chấp
Trần Minh Việt	45.960.311.001	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	8	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	5.134.862.703	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Tin chấp
Công ty Cổ phần Finbase	2.160.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2024 đến ngày 27 tháng 11 năm 2024	8 – 11	Tin chấp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	2.140.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	8 – 11	Tin chấp
Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	1.900.000.000	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	10,5 – 11	Tin chấp
Công ty Cổ phần Tập đoàn CAPITALX	511.258.221	Ngày 29 tháng 6 năm 2024	8	Tin chấp
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền Thông TNT	450.000.000	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	10,5 – 11	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>177.256.431.925</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay như sau: (tiếp theo)

Bên vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
<b>Cho các bên liên quan vay ngắn hạn (Thuyết minh số 28)</b>				
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	36.118.500.000	Từ ngày 18 tháng 10 năm 2024 đến ngày 29 tháng 12 năm 2024	10,5	Tin chấp
Công ty TNHH Tera Group	23.730.000.000	Ngày 20 tháng 4 năm 2024 đến ngày 25 tháng 12 năm 2024	10,5 – 11	Tin chấp
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	20.663.836.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2024 đến ngày 13 tháng 12 năm 2024	6 – 8	Tin chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	9.090.000.000	Ngày 17 tháng 8 năm 2024	11	Tin chấp
Công ty TNHH Yeah1 Up	2.880.000.000	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	10,5 – 11	Tin chấp
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	500.000.000	Ngày 21 tháng 8 năm 2024	11	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>92.982.336.000</b>			
<b>Cho các bên liên quan vay dài hạn (Thuyết minh số 28)</b>				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	3.680.000.000	Từ ngày 7 tháng 4 năm 2025 đến ngày 27 tháng 12 năm 2025	10,5 – 11	Tin chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sư Trẻ	3.309.688.358	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2025 đến ngày 18 tháng 2 năm 2026	8	Tin chấp
Công ty TNHH Yeah1 Up	3.136.000.000	Ngày 24 tháng 2 năm 2025	8	Tin chấp
Công ty TNHH 1Production	1.735.000.000	Từ ngày 31 tháng 7 năm 2025 đến ngày 27 tháng 12 năm 2025	10,5 – 11	Tin chấp
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	1.450.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 12 năm 2025	8 – 11	Tin chấp
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	930.000.000	Từ ngày 7 tháng 4 năm 2025 đến ngày 2 tháng 10 năm 2025	10,5 – 11	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.240.688.358</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VÉ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu vé cho vay như sau: (tiếp theo)

Bên vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
<b>Cho các bên khác vay dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	3.564.300.000	Từ ngày 23 tháng 12 năm 2025 đến ngày 17 tháng 3 năm 2026	8	Tin chấp
Công ty Cổ phần Finbase	2.126.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2025 đến ngày 24 tháng 2 năm 2025	8	Tin chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	1.181.275.396	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2025 đến ngày 11 tháng 11 năm 2025	8	Tin chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	300.000.000	Ngày 3 tháng 10 năm 2026	8	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.171.575.396</b>			

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>159.015.726.054</b>	<b>91.598.166.013</b>
Tạm ứng nhân viên	66.600.322.319	30.220.039.367
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh		
<i>Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (i)</i>	26.163.157.895	-
<i>Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (ii)</i>	19.600.000.000	19.600.000.000
<i>Công ty Cổ phần Unicorn Venture (iii)</i>	9.993.750.000	-
<i>Công ty TNHH STV Production (iv)</i>	7.773.261.957	-
<i>Lỗ phân chia cho đối tác theo hợp đồng hợp     tác kinh doanh (v)</i>	4.380.844.035	-
Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi	21.952.487.777	8.709.025.678
Đặt cọc	1.512.711.125	1.477.711.125
Phải thu cổ tức	2.625.551	16.999.811.111
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp	-	13.983.200.000
Khác	1.036.585.395	608.378.732
<b>Dài hạn</b>	<b>206.380.933.100</b>	<b>101.139.444.500</b>
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (iii)	199.875.000.000	100.565.000.000
Khác	6.505.933.100	574.444.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>365.396.659.154</b>	<b>192.737.610.513</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi (Thuyết minh số 10)	(22.117.833.001)	(20.300.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>343.278.826.153</b>	<b>172.437.610.513</b>
Trong đó:		
Các bên khác	319.509.257.147	165.464.870.465
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	45.887.402.007	27.272.740.048



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi khác:*

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	20.300.000.000	20.100.000.000
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	<u>1.817.833.001</u>	<u>200.000.000</u>
Số cuối năm	<u>22.117.833.001</u>	<u>20.300.000.000</u>

(i) Theo biên bản đối trừ công nợ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty, VTCab và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV"), công ty con của Công ty. Theo đó, VTCab thực hiện bù trừ nghĩa vụ góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh được nêu trong Mục (i) với số tiền là 26.163.157.895 VND theo Hợp đồng hợp tác được nêu trong Mục (i) với số dư công nợ của STV. Theo đó, Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu từ STV.

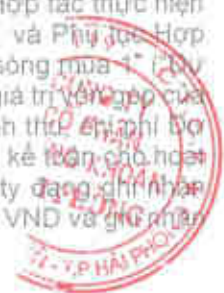
(ii) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 VND, trong đó, Công ty đóng góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 VND và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 VND.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2018, Công ty và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng 6 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 2.100.000.000 VND.

(iii) Theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture") để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 199.875.000.000 VND. Theo đó, Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẻ cho Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẻ cho Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân. Trong năm, Công ty đã ghi nhận thu nhập tiền lãi từ khoản góp vốn này theo tỷ lệ 10%, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 9.993.750.000 VND.

(iv) Theo hợp đồng ủy quyền số 539-2309-HĐNT-YEG-STVPRO ngày 1 tháng 7 năm 2023 giữa Công ty và STVPro, Công ty ủy quyền cho STVPro sản xuất và thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại cho Dự án. Đây là khoản phải thu STVPro từ thu chi hộ cho Dự án theo các Biên bản Bù trừ Công nợ.

(v) Vào ngày 16 tháng 6 năm 2023, Công ty đã ký Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/MTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chi đẹp đẹp gió rẽ sóng mùa 1" (Dự án) với Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam ("VTCab"). Theo đó, giá trị vốn góp của Dự án là 63.000.000.000 VND và tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ phân chia doanh thu, chi phí Dự án của Công ty và VTCab là 50:50. Công ty chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho hoạt động kinh doanh của Dự án. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang ghi nhận khoản lỗ từ hoạt động kinh doanh của Dự án với giá trị là 8.761.688.073 VND và ghi nhận khoản phải thu VTCab theo tỷ lệ phân chia 50% trên khoản lỗ này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÓI

	VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>Số cuối năm</b>			
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển UP	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	2.490.070.000	1.743.049.000	(747.021.000)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	523.907.131	261.953.566	(261.953.565)
Công ty TNHH Yeah1 Vision	209.824.729	-	(209.824.729)
Nguyễn Văn Hùng	80.000.000	24.000.000	(56.000.000)
Khác	1.535.335.920	1.292.302.213	(243.033.707)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.439.137.780</b>	<b>3.321.304.779</b>	<b>(22.117.833.001)</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển UP	1.000.000.000	300.000.000	(700.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.600.000.000</b>	<b>300.000.000</b>	<b>(20.300.000.000)</b>

11. HÀNG TỒN KHO

Đây là chi phí mua quyền sử dụng các bản ghi âm, ghi hình, phim và các chương trình thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng của STV, công ty con của Công ty. Công ty dự kiến chuyển nhượng lại quyền này cho các đối tác.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND
	Thiết bị văn phòng
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	1.833.778.240
Xóa sổ	(1.138.676.286)
Số cuối năm	695.101.954
<b>Trong đó:</b>	
<b>Đã khấu hao hết</b>	202.806.000
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>	
Số đầu năm	(1.540.542.738)
Khấu hao trong năm	(111.416.304)
Xóa sổ	1.138.676.286
Số cuối năm	(513.282.756)
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	293.235.502
Số cuối năm	181.819.198

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Chương trình phim ngắn (*)	Nhãn hiệu, lên thương mại	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	82.828.580.077	2.524.382.154	-	2.524.382.154
Mua mới			160.000.000	82.988.580.077
Số cuối năm	82.828.580.077	2.524.382.154	160.000.000	85.512.962.231
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số đầu năm	(6.356.744.916)	(709.255.784)	-	(709.255.784)
Hao mòn trong năm	(6.356.744.916)	(60.076.872)	(13.333.335)	(6.430.155.123)
Số cuối năm	(6.356.744.916)	(769.332.656)	(13.333.335)	(7.139.410.907)
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	-	1.815.126.370	-	1.815.126.370
Số cuối năm	76.471.835.161	1.755.049.498	146.666.665	78.373.551.324

(\*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngắn độc quyền mà Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác. Vào ngày của báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 15.1)	1.342.337.412.233	1.206.677.412.233
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.2)	231.761.250.000	-
Đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh số 15.3)	<u>17.715.625.000</u>	<u>17.715.625.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.591.814.287.233</b>	<b>1.224.393.037.233</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(511.174.664.518)</u>	<u>(450.390.105.907)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>1.080.639.622.715</u></b>	<b><u>774.002.931.326</u></b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 15.1 Đầu tư vào các công ty con

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 15 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10 công ty con trực tiếp):

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp %	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp %
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGAT	Công nghệ, bán buôn	588.167.412.233	-	99,98	588.167.412.233	-	99,98
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Quảng cáo, sản xuất chương trình	399.900.000.000	(399.900.000.000)	99,98	399.900.000.000	(383.785.632.263)	99,98
3	Công ty TNHH 1 Production (Thuyết minh số 4.1)	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	139.000.000.000	-	100,00	-	-	-
4	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và tham dò dư luận	79.910.000.000	(32.352.924.293)	99,96	79.910.000.000	-	99,98
5	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (**)	Quảng cáo, sản xuất chương trình	40.000.000.000	-	51,00	76.500.000.000	-	51,00
6	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Quảng cáo, sản xuất chương trình	29.700.000.000	(29.700.000.000)	99,00	29.700.000.000	(29.700.000.000)	99,00

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

##### 15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty cổ 15 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10 công ty con trực tiếp): (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm		Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp
			Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)		
7	Công ty TNHH Yeah1 Up	Quảng cáo, sản xuất chương trình	23.000.000.000	(8.620.503.672)	-	-	92	-
8	Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Dịch vụ quảng cáo	15.640.000.000	(15.640.000.000)	15.640.000.000	(15.640.000.000)	99,70	99,70
9	Công ty Cổ phần AppNews-Việt Nam (*)	Dịch vụ quảng cáo	10.538.000.000	(7.493.872.062)	10.538.000.000	(5.348.848.644)	70,00	70,00
10	Công ty TNHH STV Production (Thuyết minh số 4.3)	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	10.000.000.000	-	-	-	100	-
11	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại sự Trẻ	Sản xuất phim, viện iPhong và quảng cáo	6.300.000.000	(6.300.000.000)	6.300.000.000	(6.300.000.000)	67,00	67,00
12	Công ty TNHH ITalent (Thuyết minh số 4.2)	Dịch vụ quảng cáo	120.000.000	-	-	-	100	-
13	Công ty TNHH Adlink Network (Thuyết minh số 4.2)	Dịch vụ quảng cáo	40.000.000	-	-	-	100	-

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DIN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 15 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022, 10 công ty con trực tiếp): (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp %	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp %
14	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1 (*)	Dịch vụ quảng cáo	12.000.000	-	50,98	12.000.000	-	50,98
15	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số (**)	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	10.000.000	-	51,00	10.000.000	-	51,00
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.342.337.412.233 (500.007.300.027)</b>			<b>1.206.677.412.233 (440.774.480.907)</b>		

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi số.

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn bổ sung vốn điều lệ tại các công ty con này (Thuyết minh số 29.2)

(\*\*) Vào ngày 1 tháng 7 năm 2022, Công ty đã mua 2.295.000 cổ phần của STV tương ứng với tỷ lệ sở hữu 51% trong STV với giá mua là 76.500.000.000 VND từ Ông Lê Việt Hùng theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 087/2207/HĐCNCP/YEG-STV ngày 1 tháng 7 năm 2022. Vào ngày 1 tháng 12 năm 2023, giá mua được điều chỉnh giảm là 40.000.000.000 VND theo Phụ lục Hợp đồng Số 03 ngày 31 tháng 12 năm 2023.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 3 công ty con, gián tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4 công ty con, gián tiếp):

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %
1	Công ty Cổ phần Gigagoods	Bán lẻ	50,99	51,00	50,99	51,00
2	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	Dịch vụ quảng cáo	58,99	59,00	58,99	59,00
3	Công ty TNHH MTV Style TV	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00	100,00	51,00	100,00
4	Công ty TNHH Yeah1 Up	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	99,99	100,00



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 15.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 2 công ty liên kết trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 công ty liên kết trực tiếp):

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %
1	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital (Thuyết minh số 4.4)	Quảng cáo, sản xuất chương trình	128.756.250.000	39,50	-	-
2	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam (Thuyết minh số 4.4)	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	103.005.000.000	35,00	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>231.761.250.000</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

THUYẾT MINH BAO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 15.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các công ty con sở hữu 5 công ty liên kết như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: các công ty con sở hữu 6 công ty liên kết):

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	50,00	49,99	50,00
2	Công ty Cổ phần Zmedia	Dịch vụ quảng cáo	24,99	25,00	24,99	25,00
3	Công ty Cổ phần Eco Consumer	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	49,99	49,99	49,99
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	Phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	13,40	20,00	13,40	20,00
5	Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	17,96	35,21	17,96	35,21
6	Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Dịch vụ giải pháp số, phát hành trò chơi điện tử	-	-	29,99	30,00
7	Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Dịch vụ giải pháp số	-	-	34,99	35,00

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 15.3 Đầu tư vào các công ty khác

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty khác như sau:

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm		Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %
			Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)		
1	Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	8.100.000.000	(1.551.739.491)	8.100.000.000	-	18,00	18,00
2	Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADIBNC	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40	4,40
3	Công ty Cổ phần Gamify	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00	15,00
4	Công ty Cổ phần Shopmess	Công nghệ tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00	10,00
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>17.715.625.000</b>	<b>(11.167.364.491)</b>	<b>17.715.625.000</b>	<b>(9.615.625.000)</b>		

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi số.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan (Thuyết minh 28)	63.532.426.544	5.060.000
Các bên khác	4.263.249.709	1.421.775.606
Công ty TNHH Bình Dương Supplier	1.555.200.000	-
Khác	2.708.049.709	1.421.775.606
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>67.795.676.253</b>	<b>1.426.835.606</b>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm/Điều chỉnh giảm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	863.341.881	14.238.615.910	(14.090.954.080)	1.011.003.711
Thuế thu nhập cá nhân	513.847.333	4.232.739.147	(4.453.815.747)	292.770.733
Thuế nhà thầu	-	234.097.989	-	234.097.989
Khác	2.064.245.638	-	(2.064.245.638)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.441.434.852</b>	<b>18.705.453.046</b>	<b>(20.609.015.465)</b>	<b>1.537.872.433</b>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 13	2.018.064.776	1.108.560.000
Mua hàng	1.775.940.019	1.775.940.019
Chi phí phải trả Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ Truyền hình	772.160.400	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	529.510.910	529.510.910
Chi phí lãi vay	191.591.781	-
Khác	-	700.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.287.267.886</b>	<b>3.414.710.929</b>
Trong đó:		
Các bên khác	3.272.736.086	1.627.570.910
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	2.014.531.800	1.787.140.019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	31.500.000.000	-
Lãi vay	4.677.816.755	1.162.855.794
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	928.353.799	111.702.458
Phải trả do nhận chuyển nhượng vốn góp	-	56.500.000.000
Khác	4.641.489.750	3.048.233.088
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>41.747.660.304</b>	<b>60.822.591.340</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	38.779.473.587	60.743.351.304
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	2.968.186.717	79.240.036

(i) Đây là khoản vốn góp nhận từ VTVCab liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1806/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1". (Thuyết minh số 9)



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VAY

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Phân loại lại	Giảm khác (*)	Số cuối năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>43.210.409.400</b>	<b>299.672.074.000</b>	<b>(317.677.391.217)</b>	<b>8.080.731.817</b>	<b>(10.275.000.000)</b>	<b>23.010.824.000</b>
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.1)	-	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 20.2 và Thuyết minh số 28)	15.210.409.400	29.150.000.000	(23.616.141.217)	(1.919.268.183)	(10.275.000.000)	8.550.000.000
Vay các tổ chức khác (Thuyết minh số 20.3)	28.000.000.000	31.760.824.000	(57.300.000.000)	-	-	2.460.824.000
Vay cá nhân (Thuyết minh số 20.4)	-	238.761.250.000	(236.761.250.000)	-	-	2.000.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>115.546.651.134</b>	<b>(13.100.000.000)</b>	<b>(8.080.731.817)</b>	<b>-</b>	<b>94.365.919.317</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	-	-	-	(10.000.000.000)	-	37.500.000.000
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 20.2 và Thuyết minh số 28)	-	65.546.651.134	(10.600.000.000)	1.919.268.183	-	56.865.919.317
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>43.210.409.400</b>	<b>415.218.725.134</b>	<b>(330.777.391.217)</b>	<b>-</b>	<b>(10.275.000.000)</b>	<b>117.376.743.317</b>

(\*) Theo Biên bản cân trừ công nợ số 13/2303/BBBTCN/GIGA1/YEG ngày 30 tháng 3 năm 2023, Công ty và Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1 đồng ý cân trừ khoản vay ngắn hạn với khoản phải thu có tức với giá trị là 10.275.000.000 VND (Thuyết minh số 28).

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09:CN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VAY (tiếp theo)

#### 20.1 Vay ngân hàng

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định	47.500.000.000	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2024 đến ngày 15 tháng 8 năm 2028	- 11%/năm tính đến ngày 14 tháng 8 năm 2024 - Sau ngày 14 tháng 8 năm 2024 là lãi suất thả nổi	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
<b>Trong đó</b>				
Vay dài hạn	37.500.000.000			
Vay dài hạn đến hạn trả	10.000.000.000			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Vay bên liên quan (Thuyết minh số 28)

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
<b>Vay ngắn hạn từ các bên liên quan</b>			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	5.950.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2024	10,5
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink	2.300.000.000	Từ ngày 18 tháng 10 năm 2024 đến ngày 25 tháng 10 năm 2024	10,5
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	300.000.000	Ngày 25 tháng 10 năm 2024	10,5
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.550.000.000</b>		
<b>Vay dài hạn từ các bên liên quan</b>			
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	54.603.842.260	Từ ngày 27 tháng 3 năm 2025 đến ngày 16 tháng 8 năm 2025	8 – 10,5
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	1.919.268.183	Ngày 21 tháng 10 năm 2025	8
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	342.808.874	Ngày 15 tháng 8 năm 2025	10,5
<b>TOTAL</b>	<b>56.865.919.317</b>		

20.3 Vay các tổ chức khác

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
Công ty Cổ phần Ban Media	2.260.824.000	Từ ngày 14 tháng 7 năm 2024 đến ngày 29 tháng 12 năm 2024	10,5
Công ty TNHH Vietnam Music Award	200.000.000	Ngày 29 tháng 12 năm 2024	10,5
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.460.824.000</b>		

20.4 Vay cá nhân

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
Vũ Thị Ngọc Trinh	2.000.000.000	Ngày 15 tháng 12 năm 2024	10,5



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>				
Số đầu năm	312.799.680.000	550.673.478.254	310.245.701.967	1.173.918.860.221
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	9.663.107.327	9.663.107.327
Thú lao Hội đồng Quản trị	-	-	(2.242.202.700)	(2.242.202.700)
Số cuối năm	312.799.680.000	550.673.478.254	317.666.606.594	1.181.339.764.848
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	312.799.680.000	550.673.478.254	317.666.606.594	1.181.339.764.848
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược (*)	450.000.000.000	-	-	450.000.000.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (**)	550.732.960.000	(550.732.960.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	52.125.585.165	52.125.585.165
Số cuối năm	1.313.532.640.000	140.518.254	369.792.191.759	1.683.465.350.013

(\*) Vào ngày 13 tháng 9 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành 45.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu, phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 125/2303/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2023, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 284/2306/YEG/BBH/ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 279/2306/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 6 năm 2023 và phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 204/2305/NQ/HĐQT/YEG ngày 5 tháng 5 năm 2023. Vào ngày 2 tháng 11 năm 2023, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 29 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND.

(\*\*) Vào ngày 28 tháng 12 năm 2023, SSC thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành 55.073.296 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1.000.722 từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, theo phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 607-2311-NQ-ĐHĐCĐ-YEG ngày 3 tháng 11 năm 2023, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 612-2311-NQ-HĐQT-YEG ngày 6 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 641-2311-NQ-HĐQT-YEG ngày 24 tháng 11 năm 2023. Vào ngày 11 tháng 1 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 30 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 762.799.680.000 VND lên 1.313.532.640.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu năm	312.799.680.000	312.799.680.000
Tăng trong năm	1.000.732.960.000	-
Số cuối năm	<u>1.313.532.640.000</u>	<u>312.799.680.000</u>

21.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cổ phiếu đã đăng ký</b>	<b>131.353.264</b>	<b>31.279.968</b>
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>131.353.264</b>	<b>31.279.968</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>131.353.264</i>	<i>31.279.968</i>
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>131.353.264</b>	<b>31.279.968</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>131.353.264</i>	<i>31.279.968</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/ổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	105.956.090.172	-
Doanh thu về cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược	44.499.603.161	38.714.716.552
Doanh thu tài trợ và quảng cáo trên kênh truyền hình	25.370.574.489	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo khác	2.441.399.674	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	60.000.000	4.178.682.154
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>178.347.667.496</u></b>	<b><u>42.893.398.706</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>127.543.598.495</i>	<i>18.446.797.470</i>
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>50.804.069.001</i>	<i>24.446.601.236</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.139.069.269	11.019.332.573
Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	19.987.500.000	-
Thu nhập cổ tức	12.129.854.440	16.999.811.111
Khác	194.969	238.287.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.256.618.678</b>	<b>28.257.430.684</b>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn về cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược	41.758.979.499	26.437.321.185
Giá vốn tài trợ và quảng cáo trên kênh truyền hình	29.751.418.525	-
Chi phí cung cấp bản quyền nội dung số	6.366.453.248	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ quảng cáo	2.351.060.000	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	80.000.000	3.895.112.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>80.307.911.272</b>	<b>30.332.433.385</b>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	60.784.558.611	5.728.293.839
Chi phí lãi vay	18.034.756.396	1.569.190.149
Khác	139.493	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78.819.454.500</b>	<b>7.297.483.988</b>

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.917.828.781	8.506.090.220
Chi phí nhân viên	2.899.397.205	1.352.921.942
Chi phí khấu hao và hao mòn	178.894.311	169.567.939
Chi phí khác	2.290.692.739	3.674.186.638
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22.286.813.036</b>	<b>13.702.766.739</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.846.973.816	10.190.825.621
Chi phí nhân viên	34.926.308.857	27.058.438.838
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12, 13)	6.541.571.427	210.726.145
Khác	4.279.870.208	3.674.186.638
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>102.594.724.308</b>	<b>41.134.177.242</b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Cáo báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>52.125.585.165</b>	<b>9.663.107.327</b>
Thuế TNDN theo thuế suất	10.425.117.033	1.932.621.465
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập cổ tức	(2.425.970.888)	(3.399.962.220)
Chi phí không được trừ	744.859.056	2.703.171.114
Lỗ thuế năm trước chuyển sang	(8.744.005.201)	(1.235.830.359)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận tính thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận tính thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì lợi nhuận tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản lỗ tính thuế lũy kế là 275.375.266.158 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 318.806.090.865 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Cơ thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
2020 (*)	2025	79.215.247.770	(43.430.824.707)	35.784.423.063
2021 (*)	2026	239.590.843.095	-	239.590.843.095
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>318.806.090.865</b>	<b>(43.430.824.707)</b>	<b>275.375.266.158</b>

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho các năm tài chính này chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế nêu trên do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu trong năm với Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Công ty con
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Công ty con
Công ty TNHH 1Production	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Công ty con
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Công ty con
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Công ty con
Công ty TNHH STV Production	Công ty con
Công ty TNHH 1Talent	Công ty con
Công ty TNHH Adlink Network	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Up	Công ty con
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết của công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BigCat	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Thành viên chủ chốt có liên quan đến công ty con
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Đầu tư khác
Công ty TNHH Tera Group	Đầu tư khác
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (" HĐQT")
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023) và Thành viên HĐQT
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Danh sách bên liên quan với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng giám đốc (từ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2023)
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2022)
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Vay	59.703.842.260	2.345.520.402
	Trả gốc vay	5.100.000.000	2.780.807.102
	Lãi vay	3.449.066.943	16.488.587
	Thu hồi cho vay	1.967.991.758	4.598.099.644
	Cho vay	900.000.000	4.631.679.598
	Trả lãi vay	821.907.819	-
	Thuế kho	109.090.908	-
	Lãi cho vay	28.165.982	26.353.827
	Thu hồi lãi cho vay	28.165.982	1.830.337.077
	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Care	Cho vay	1.320.090.853
Trả nợ vay		516.141.217	550.000.000
Thu hồi cho vay		390.090.851	7.769.721.196
Trả lãi vay		45.767.930	-
Lãi cho vay		34.330.560	-
Lãi vay		5.228.754	-
Cung cấp dịch vụ		-	2.250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Vay	-	1.046.141.217
	Thu hồi cho vay	430.000.000	-
	Thu hồi lãi cho vay	300.000.000	-
	Lãi cho vay	299.235.995	222.709.138
	Cho vay	-	385.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nghiệp vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Thu hồi cho vay	13.350.000.000	78.415.235.660
	Cung cấp dịch vụ	6.653.109.256	5.040.000.000
	Vay	5.500.000.000	-
	Trả gốc vay	5.500.000.000	-
	Cho vay	3.200.000.000	16.000.603.398
	Thu hồi lãi cho vay	615.769.891	1.332.878.326
	Lãi cho vay	107.108.492	1.579.504.106
	Góp vốn	-	79.100.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1	Nhận cổ tức	18.852.040.000	-
	Cổ tức được chia	12.129.854.440	-
	Cán trừ gốc vay và phải thu cổ tức	10.275.000.000	-
	Cho vay	4.640.000.000	67.642.100.000
	Trả gốc vay	2.500.000.000	-
	Thu hồi cho vay	460.000.000	174.429.472.644
	Thu hồi lãi cho vay	311.167.607	12.450.682.205
	Lãi vay	227.391.781	11.200.000
	Lãi cho vay	205.538.210	1.850.849.812
	Trả lãi vay	47.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	Góp vốn	23.000.000.000	-
	Cho vay	14.500.000.000	-
	Thu hồi cho vay	8.484.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	3.219.246.414	-
	Lãi cho vay	391.422.270	-
	Thu hồi lãi cho vay	126.538.081	-
	Mua hàng	23.100.000	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Cho vay	81.213.000.000	-
	Thu hồi cho vay	45.094.500.000	-
	Cán trừ công nợ	26.163.157.895	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	21.007.795.238	-
	Mua chương trình	18.471.428.571	-
	Nhận chuyển nhượng vốn góp	10.000.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	8.128.116.037	-
	Lãi cho vay	1.731.857.100	-
	Thu hồi lãi cho vay	785.269.732	-
Công ty TNHH STV Production	Cti hộ	39.324.783.317	-
	Chi phí sản xuất chương trình	37.445.092.308	-
	Vay	4.200.000.000	-
	Trả gốc vay	4.200.000.000	-
	Lãi vay	3.078.082	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nghiệp vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH 1Production	Góp vốn	139.000.000.000	-
	Cho vay	1.735.000.000	-
	Lãi cho vay	59.709.040	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Lãi cho vay	1.503.106.878	891.916.891
	Cho vay	-	5.300.000.000
Công Ty Cổ Phần AppNews Việt Nam	Lãi vay	153.541.456	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua chương trình	48.556.395.000	-
	Thu hồi cho vay	26.921.435.836	59.677.764.164
	Cung cấp dịch vụ	15.848.211.060	8.000.000.001
	Vay	15.150.000.000	8.000.000.000
	Cho vay	13.650.000.000	96.429.200.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	10.492.769.249	-
	Trả gốc vay	9.200.000.000	8.000.000.000
	Mua dịch vụ	2.547.179.768	-
	Thu hồi lãi cho vay	608.076.157	13.593.965.239
	Lãi cho vay	290.708.984	911.548.165
	Lãi vay	31.543.150	198.410.959
	Trả lãi vay	22.227.986	-
	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	9.200.000.000
Trả gốc vay		6.900.000.000	-
Cung cấp dịch vụ		6.668.231.073	-
Cho vay		2.328.800.000	-
Thu hồi cho vay		2.328.800.000	-
Lãi vay		84.628.767	-
Lãi cho vay		46.603.398	-
Thu hồi lãi cho vay		46.603.398	-
Trả lãi vay	20.967.123	-	
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Thu hồi cho vay	26.189.396.607	12.734.090.909
	Thu hồi lãi cho vay	2.480.674.519	380.000.000
	Lãi cho vay	1.192.452.719	1.288.221.800
	Cho vay	1.250.000.000	166.824.456
	Vay	342.808.874	1.500.000.000
	Lãi vay	13.705.730	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Vay	600.000.000	-
	Trả gốc vay	300.000.000	-
	Cho vay	110.000.000	-
	Thu hồi cho vay	110.000.000	-
	Lãi vay	7.364.383	-
	Lãi cho vay	1.338.768	-
	Thu hồi lãi cho vay	1.338.768	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i>
			<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Big Cat	Mua bán quyền	11.665.638.876	-
	Cho vay	2.800.000.000	-
	Thu hồi cho vay	2.800.000.000	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	775.246.004	-
	Cung cấp dịch vụ	755.674.247	-
	Lãi cho vay	1.610.959	-
Công ty Cổ phần Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	52.750.906.667	-
	Cho vay	23.890.000.000	-
	Lãi cho vay	689.243.013	-
	Thu hồi cho vay	160.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	9.090.000.000	-
	Lãi cho vay	359.243.836	-
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp dịch vụ	1.135.202.342	-
Ông Đào Phúc Trí	Góp vốn	35.000.000.000	-
	Tạm ứng	10.679.535.966	6.418.422.833
	Thu hồi tạm ứng	10.300.000.000	4.114.141.440
Bà Lê Phương Thảo	Góp vốn	42.000.000.000	-
	Tạm ứng	358.612.451	-
Ông Chế Đoàn Viên	Góp vốn	37.000.000.000	-
	Tạm ứng	37.000.000	-
Bà Ngô Thị Văn Hạnh	Tạm ứng	155.470.022	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i>
			<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>			
Công ty Cổ phần Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	52.456.952.000	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Cung cấp bản quyền nội dung số	22.360.690.688	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	6.467.782.550	6.515.782.550
Công ty TNHH Yeah1 Up	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	2.375.535.228	57.096.357
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	1.154.383.491	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	523.907.131	523.907.131
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	408.922.194	400.000.000
Công ty Cổ phần Tstudio	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	387.340.148	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	312.731.367	534.259.584
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Thuê kho	90.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	6.480.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	2.421.533.432
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	1.370.205.927
Công ty TNHH Bigcat	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	1.080.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	486.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>86.538.444.797</b>	<b>20.268.784.981</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Cho vay	36.118.500.000	-
Công ty TNHH Tera Group	Cho vay	23.730.000.000	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Cho vay	20.663.836.000	20.663.836.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	9.090.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	Cho vay	2.680.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Cho vay	500.000.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Cho vay	-	24.939.396.607
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	-	13.271.435.836
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Cho vay	-	10.150.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	Cho vay	-	3.739.688.358
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Cho vay	-	1.067.991.758
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>92.982.336.000</b>	<b>73.832.348.559</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Phải thu do cân trừ công nợ	26.163.157.895	-	
	Lãi cho vay	946.587.368	-	
Công ty TNHH STV Production	Nhờ thu hộ	7.773.261.957	-	
Đào Phúc Trí	Tạm ứng	5.327.908.126	5.330.485.622	
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Lãi cho vay	3.323.051.162	1.819.944.284	
Công ty TNHH Tera Group	Lãi cho vay	689.243.013	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	Lãi cho vay	658.136.912	658.900.917	
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Lãi cho vay	359.243.836	-	
Công ty TNHH Yeah1 Up	Lãi cho vay	264.884.189	-	
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Lãi cho vay Phải thu cổ tức	205.538.210 2.625.551	311.167.607 16.999.811.111	
Công ty TNHH 1Production	Lãi cho vay	59.709.040	-	
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Lãi cho vay	37.964.381	546.625.780	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Lãi cho vay	34.330.560	-	
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Lãi cho vay	33.410.819	-	
Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	6.522.276	-	
Công ty TNHH Big Cat	Lãi cho vay	1.610.959	-	
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi cho vay	215.753	317.582.927	
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Lãi cho vay	-	1.288.221.800	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>45.887.402.007</b>	<b>27.272.740.048</b>	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu về cho vay dài hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Cho vay	3.680.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sư Trẻ	Cho vay	3.309.688.358	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	Cho vay	3.136.000.000	-
Công ty TNHH 1Production	Cho vay	1.735.000.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Cho vay	1.450.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Cho vay	930.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>14.240.688.358</b>	<b>-</b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>			
Công ty TNHH STV Production	Sản xuất chương trình	41.866.666.668	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Mua bản quyền	19.395.000.000	-
Công ty TNHH BigCat	Mua bản quyền	2.270.759.876	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Mua dịch vụ	-	5.060.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>63.532.426.544</b>	<b>5.060.000</b>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	21.310.867.823	-
Công ty TNHH BigCat	Cung cấp bản quyền nội dung số	3.306.097.320	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>24.616.965.143</b>	<b>-</b>
<b><i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Mua hàng Lãi vay	1.775.940.019 238.591.781	1.775.940.019 11.200.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.014.531.800</b>	<b>1.787.140.019</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Lãi vay	2.627.159.124	-	
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Lãi vay	192.242.316	38.700.860	
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	63.661.644	-	
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Lãi vay	47.000.000	-	
Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	Lãi vay	13.705.730	-	
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi vay	9.315.164	-	
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Lãi vay	7.364.383	-	
Công ty TNHH Yeah1 Network	Lãi vay	3.969.863	-	
Công ty TNHH STV Production	Lãi vay	3.078.082	-	
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	690.411	-	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Lãi vay	-	40.539.176	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.968.186.717</b>	<b>79.240.036</b>	
<b><i>Vay ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	5.950.000.000	-	
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	2.300.000.000	-	
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Vay	300.000.000	-	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Vay	-	12.775.000.000	
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	Vay	-	1.919.268.183	
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Vay	-	518.141.217	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>8.550.000.000</b>	<b>15.210.409.400</b>	
<b><i>Vay dài hạn</i></b>				
Công Ty Cổ phần Giải Trí Yeah1	Vay	54.603.842.260	-	
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	Vay	1.919.268.183	-	
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Vay	342.808.874	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>56.865.919.317</b>	<b>-</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị (" HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	VND Năm trước
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)	2.549.007.000	2.653.384.900
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)	2.250.000.000	-
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)	1.063.307.700	-
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)	502.449.000	1.339.864.000
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2024)	123.981.550	495.926.200
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2023)	-	2.009.796.000
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2022)	-	743.148.922
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2022)	-	350.000.000
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2022)	-	350.000.000
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Kim Min Soo	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2023)	-	-
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng BKS	-	-
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS	-	-
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)	-	-
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (từ nhiệm ngày 2 tháng 8 năm 2023)	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>6.488.745.250</b>	<b>7.942.120.022</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

**29.1 Cam kết thuế hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	24.261.360.000	14.900.133.847
Trên 1 – 5 năm	94.132.300.000	28.067.251.100
Trên 5 năm	67.729.068.000	1.343.971.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>186.122.728.000</b>	<b>44.311.356.147</b>

**29.2 Cam kết góp vốn**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

	VND		
	Số đầu năm và số cuối năm		
	Vốn cam kết	Vốn đã góp	Vốn còn phải góp
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	13.300.000.000	10.538.000.000	2.762.000.000
Công ty TNHH Adlink Network (*)	2.000.000.000	40.000.000	1.960.000.000
Công ty TNHH 1 Talent (*)	2.000.000.000	120.000.000	1.880.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.630.060.000</b>	<b>10.720.000.000</b>	<b>23.910.060.000</b>

(\*) Vào ngày 15 tháng 1 năm 2024, Nhóm Công ty đã góp vốn đủ vào các công ty này.

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Ngoài sự kiện được trình bày ở *Thuyết minh 4.3*, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

  
Lưu Anh Khoa  
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 0523131  
Quyển số Đ/SCT/BS

Ngày: 13-12-2024

Nguyễn Thị Khánh Trang  
Kế toán trưởng

**CÔNG CHỨNG VIỆN**  
**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC**



  
Vũ Thu Hải

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 68

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 30 ngày 11 tháng 1 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm của Công ty và các công ty con là hoạt động tư vấn, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí, sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại, bán lẻ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động hậu kỳ, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động viễn thông khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch	
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên	
Ông Kim Min Soo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban	
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên	
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên	từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Văn Hạnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2023
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2023
Bà Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2023

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Nhóm Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám Đốc	từ ngày 2 tháng 11 năm 2023
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám Đốc	đến ngày 2 tháng 11 năm 2023

Ông Chế Đoàn Viên được Bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 35-2401-UQ-YEG có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 1 năm 2024.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Chế Đoán Viên  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024



Building a better  
working world

10003, Ward 9, Quận Thủ Đức  
219 Nguyễn Huệ, Quận 1  
219 Nguyễn Huệ, Quận 1  
219 Nguyễn Huệ, Quận 1

Hotline: 1900 1300 1300  
1900 1300 1300

Số tham chiếu: 12925844/67488977/HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 68, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### ***Vấn đề khác***

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 31 tháng 3 năm 2023.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Quốc Hoàng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2787-2022-004-1

Tôn Thiên Bảo Ngọc  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1477-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>947.839.699.363</b>	<b>623.158.641.225</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>8.461.339.357</b>	<b>26.473.013.864</b>
111	1. Tiền		4.261.339.357	22.373.013.864
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.200.000.000	4.100.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>230.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	230.000.000	50.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>845.395.421.575</b>	<b>541.296.932.112</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	239.558.303.914	161.650.767.393
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	80.957.663.203	82.005.142.464
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	266.334.265.625	164.433.231.206
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	340.356.202.385	209.178.378.379
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(81.811.013.552)	(75.970.587.330)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>12</b>	<b>29.168.608.393</b>	<b>15.511.002.401</b>
141	1. Hàng tồn kho		63.724.327.379	75.467.022.274
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(34.555.718.986)	(59.956.019.873)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>64.384.330.038</b>	<b>39.827.692.848</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	50.416.954.766	27.938.305.891
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	13.954.750.488	11.733.669.810
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	12.624.784	155.717.147

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>912.758.343.006</b>	<b>617.819.241.835</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>389.469.485.495</b>	<b>368.503.496.695</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	44.329.575.396	119.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	10	345.139.910.099	249.503.496.695
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>86.305.316.088</b>	<b>12.227.445.584</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	1.324.037.529	1.915.044.232
222	Nguyên giá		14.438.805.810	32.063.148.590
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(13.114.768.281)	(30.148.104.358)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	84.981.278.559	10.312.401.352
228	Nguyên giá		102.179.503.617	19.053.507.540
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(17.198.225.058)	(8.741.106.188)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>13.367.018.518</b>	<b>22.565.454.545</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	13.367.018.518	22.565.454.545
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>18</b>	<b>383.408.540.098</b>	<b>140.347.514.642</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	348.572.994.312	132.247.514.642
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	46.002.910.277	17.715.625.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	18.2	(11.167.364.491)	(9.615.625.000)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>40.207.982.807</b>	<b>74.175.330.369</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.484.504.008	3.220.915.857
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.3	7.895.844.762	-
269	3. Lợi thế thương mại	17	30.827.634.037	70.954.414.512
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.860.398.042.369</b>	<b>1.240.977.883.060</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>477.098.903.310</b>	<b>334.197.703.328</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>408.623.646.511</b>	<b>315.495.843.209</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19.1	98.153.102.705	83.181.799.835
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.2	29.155.365.881	6.405.918.023
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	32.330.181.730	42.048.654.493
314	4. Phải trả người lao động		5.107.804.827	4.685.853.174
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	27.448.675.197	18.755.981.834
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	45.075.825.259	66.099.828.450
320	7. Vay ngắn hạn	23	171.352.690.912	94.317.807.400
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>68.475.256.799</b>	<b>18.701.860.119</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	87.600.000
338	2. Vay dài hạn	23	39.014.432.856	1.000.000.000
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.3	29.460.823.943	17.614.260.119
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.383.299.139.059</b>	<b>906.780.179.732</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.383.299.139.059</b>	<b>906.780.179.732</b>
411	1. Vốn cổ phần	24.1	1.313.532.640.000	312.799.680.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.313.532.640.000	312.799.680.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	140.518.254	550.873.478.254
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	57.414.341.843	30.555.633.680
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		30.555.633.680	18.294.413.020
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		26.858.708.163	12.261.220.660
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	12.211.638.962	12.651.387.798
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.860.398.042.369</b>	<b>1.240.977.883.060</b>

Lưu Anh Khoa  
Người lập

Nguyễn Thị Khánh Trang  
Kế toán trưởng

Chế Đoàn Viên  
Phò Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	414.366.625.633	317.854.901.716
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(2.699.840.733)	(3.730.595.402)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	411.666.784.900	314.124.306.314
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(296.480.952.992)	(209.645.620.562)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		115.185.831.908	104.478.685.752
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	43.586.401.680	47.340.388.199
22	7. Chi phí tài chính	29	(23.482.415.579)	(9.021.747.176)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(21.505.000.199)	(6.906.877.175)
24	8. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết	18.1	(4.853.955.053)	505.897.455
25	9. Chi phí bán hàng	30	(14.260.496.293)	(20.658.752.305)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(66.900.478.155)	(93.384.172.422)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		49.274.888.508	29.260.299.503
31	12. Thu nhập khác	31	1.799.158.515	19.096.477.919
32	13. Chi phí khác	31	(22.149.929.089)	(19.441.769.061)
40	14. Lỗ khác	31	(20.350.770.574)	(345.291.142)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.924.117.934	28.915.008.361
51	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hiện hành	33.1	1.545.560.455	(6.456.274.449)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33.1	(3.950.719.062)	2.432.126.402
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		26.518.959.327	24.890.860.314

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		26.858.708.163	10.903.987.113
62	20. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	26	(339.748.836)	13.986.873.201
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	25	565	349
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	25	565	349



Lưu Anh Khoa  
Người lập



Nguyễn Thị Khánh Trang  
Kế toán trưởng



Chế Đoan Viên  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>28.924.117.934</b>	<b>28.915.008.361</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	14, 15, 17	12.939.753.078	11.001.224.837
03	(Hoàn nhập) trích lập các khoản dự phòng		(18.008.135.174)	31.178.258.773
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	28.453.361
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(27.299.492.204)	(53.646.900.130)
06	Chi phí lãi vay	29	21.505.000.199	6.906.877.175
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>18.061.243.833</b>	<b>24.382.922.377</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(228.497.578.408)	(162.533.901.863)
10	Giảm hàng tồn kho		11.742.694.895	41.310.624.943
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		59.812.819.534	(48.903.797.346)
12	Tăng chi phí trả trước		(20.742.237.026)	(6.095.619.097)
14	Tiền lãi vay đã trả		(21.496.776.942)	(12.387.461.394)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(11.349.753.635)	(11.091.647.373)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(192.469.587.749)</b>	<b>(165.318.879.753)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(85.145.283.539)	(262.090.909)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		1.818.413.608	9.922.527.548
23	Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		(146.568.497.700)	(201.466.970.449)
24	Tiền thu hồi cho vay		119.157.887.885	63.856.855.073
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(343.361.250.000)	(62.822.640.694)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.231.370.000	438.675.501.792
27	Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức		19.722.595.407	45.206.894.794
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(397.144.764.339)</b>	<b>293.110.077.155</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	24.1	450.000.000.000	-
33	Tiền vay nhận được	23	564.918.510.949	132.137.409.754
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	23	(443.315.833.368)	(237.776.819.166)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		571.602.677.581	(105.639.409.412)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(18.011.674.507)	22.151.787.990
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		26.473.013.864	4.321.225.874
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	8.461.339.357	26.473.013.864

  
Lưu Anh Khoa  
Người lập

  
Nguyễn Thị Khánh Trang  
Kế toán trưởng

  
  
Chế Đoàn Viên  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm lái chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 30 ngày 11 tháng 1 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm của Công ty và các công ty con là hoạt động tư vấn, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại, bản lẻ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động hậu kỳ, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động viễn thông khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 193 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 99).





## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

#### Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 15 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10 công ty con trực tiếp và 4 công ty con gián tiếp) với chi tiết như sau:

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số đầu năm			
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	GCNĐKKD số 0310275558 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 28 tháng 8 năm 2010, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	GCNĐKKD số 0311776620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 5 năm 2012, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
3	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	GCNĐKKD số 0102768915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 14, Tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, Số 1 đường Phạm Huy Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

609-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

#### Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	GCNĐKKD số 0313491606 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim, viên thông và quảng cáo	67,00%	67,00%	67,00%	67,00%
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	GCNĐKKD số 0102349978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 4, Tòa nhà Star Tower, lô D32, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Công nghệ, bán buôn	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
6	Công ty Cổ phần YAG Entertainment	GCNĐKKD số 0315171182 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
7	Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam (*)	GCNĐKKD số 0106000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

809-DN/HN

THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

#### Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
8	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	GCNEKKD số 0314526114 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNEKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và tham dò dư luận	99,80%	99,80%	99,80%	99,80%
9	Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1 (*)	GCNEKKD số 0316198596 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNEKKD điều chỉnh sau đó	Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%
10	Công ty TNHH 1 Production (Thuyết minh số 4.1)	GCNEKKD số 0317690271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 21 tháng 2 năm 2023, và GCNEKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00%	100,00%	-	-
11	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số (*)	GCNEKKD số 1301092937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp vào ngày 11 tháng 6 năm 2020, và các GCNEKKD điều chỉnh sau đó	Số 48 Đường Hai Bà Trưng, Phường An Hội, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
12	Công ty TNHH Yeah1 Up (Thuyết minh số 4.2)	GCNĐKKD số 0317420589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2022, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,99%	100,00%	99,99%	100,00%
13	Công ty TNHH STV Production (Thuyết minh số 4.3)	GCNĐKKD số 03178000358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 21 tháng 4 năm 2023, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 11, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00%	100,00%	-	-
14	Công ty TNHH 1 Talent (Thuyết minh số 4.1)	GCNĐKKD số 0318105371 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 16 tháng 10 năm 2023	Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	100,00%	100,00%	-	-
15	Công ty TNHH Adlink Network (Thuyết minh số 4.1)	GCNĐKKD số 0318106103 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 10 năm 2023	Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	100,00%	100,00%	-	-
16	Công ty TNHH MTV Style TV	GCNĐKKD số 0316198596 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 16 tháng 3 năm 2020, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Số 58, Đường Huỳnh Mãn Đạt, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00%	100,00%	51,00%	100,00%

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

*Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)*

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
17	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	GCNĐKKD số 0316703552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 2 tháng 2 năm 2011, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	58,99%	59,00%	58,99%	59,00%
18	Công ty Cổ phần Gigagoods	GCNĐKKD số 0316763583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 22 tháng 3 năm 2021, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ	50,99%	51,00%	50,99%	51,00%

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại các công ty con này (Thuyết minh số 35.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- ▶ Hàng hóa và bản quyền chương trình: chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh; và
- ▶ Chi phí sản xuất dở dang: giá gốc bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp thực tế đích danh và bình quân gia quyền tùy vào đặc thù của từng loại chi phí.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhãn hiệu, tên thương mại	10 - 44 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Chương trình phim ngắn	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	6 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 năm

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt hoặc xây dựng tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị của Nhóm Công ty mà chưa hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chi phí xây dựng cơ bản không được khấu trừ cho đến khi nó đã hoàn thành và đưa vào hoạt động.

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Các chương trình truyền hình đang phát sóng;
- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- ▶ Phí dịch vụ trả trước khác.

#### 3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

#### 3.12 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được oán trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

##### *Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

#### 3.17 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Các bộ phận chính theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty bao gồm cho thuê và cung cấp các tiện ích khu công nghiệp, bán hàng hóa và thành phẩm, cung cấp dịch vụ tư vấn và xây dựng, đầu tư tái chính vào các lĩnh vực khác.

#### 3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

##### 4.1 *Góp vốn thành lập các công ty con*

Vào ngày 15 tháng 2 năm 2023, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc góp 100% vốn điều lệ để thành lập Công ty TNHH 1Production ("1Pro") với số tiền là 2.000.000.000 VND, theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 71/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 2 năm 2023. Theo đó, vào ngày ngày 21 tháng 2 năm 2023, 1Pro đã nhận được GCNĐKDN số 0317690271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc thành lập công ty.

Vào ngày 14 tháng 9 năm 2023, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc góp thêm vốn điều lệ vào 1Pro với số tiền là 137.000.000.000 VND, theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 95/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 28 tháng 2 năm 2023. Theo đó, vào ngày ngày 26 tháng 9 năm 2023, 1Pro đã nhận được GCNĐKDN số 0317690271 điều chỉnh lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của 1Pro từ 2.000.000.000 VND lên 139.000.000.000 VND.

Vào ngày 16 tháng 10 năm 2023, Nhóm Công ty đã thành lập Công ty TNHH 1Talent ("1Talent") theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 572/2310/NQ/HĐQT cùng ngày và đã nhận được GCNĐKDN số 0318105371 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cùng ngày, phê duyệt việc thành lập 1Talent. Vào ngày 14 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã góp vốn vào 1Talent với số tiền là 120.000.000 VND.

Vào ngày 16 tháng 10 năm 2023, Nhóm Công ty đã thành lập Công ty TNHH Adlink Network ("Adlink") theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 572/2310/NQ/HĐQT cùng ngày và đã nhận được GCNĐKDN số 0318106103 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 10 năm 2023, phê duyệt việc thành lập Adlink. Vào ngày 27 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã góp vốn vào Adlink với số tiền là 40.000.000 VND.

##### 4.2 *Góp thêm vốn vào Công ty TNHH Yeah1 Up ("Yeah1 Up")*

Vào ngày 14 tháng 9 năm 2023, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc góp bổ sung vốn vào Yeah1 Up với tổng số tiền là 23.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 83/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 24 tháng 2 năm 2023. Vào ngày 18 tháng 10 năm 2023, Yeah1 Up đã nhận được GCNĐKDN số 0317420589 điều chỉnh lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 2.000.000.000 VND lên 25.000.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Nhóm Công ty trong Yeah1 Up không thay đổi.

##### 4.3 *Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH STVProduction ("STVPro") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV")*

Vào ngày 17 tháng 10 năm 2023, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc mua 100% vốn góp của STVPro từ STV, với giá mua là 10.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 568-2310-NQ-HĐQT-YEG ngày 16 tháng 10 năm 2023 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 570-2310-HĐCN-YEG-STV ngày 17 tháng 10 năm 2023. Vào ngày 2 tháng 11 năm 2023, STVPro đã nhận được GCNĐKDN số 0317800358 điều chỉnh lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc thay đổi chủ sở hữu. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong STVPro tăng từ 51% lên 100%.

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng lại 100% vốn góp của STVPro cho STV với giá chuyển nhượng là 10.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 80-2403-HĐCN-YEG-STV ngày 15 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong STVPro giảm từ 100% xuống 51%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)**

**4.3 Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH STVProduction ("STVPro") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV") (tiếp theo)**

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, Nhóm Công ty đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51,19% của STV cho đối tác theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 125-2403-HĐCN-YEG-NNQ và được phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày. Theo đó, STV không còn là công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

**4.4 Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital")**

Theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 62/2302/HĐCNCP/YEG-NAK và Số 63/2302/HĐCNCP/YEG-PTMH ngày 14 tháng 2 năm 2023 với Ông Nguyễn Anh Khoa và Bà Phạm Thị Minh Hằng, Nhóm Công ty đã nhận chuyển nhượng 281.250 cổ phần và 3.656.250 cổ phần của Edigital tương ứng với giá trị lần lượt là 9.196.875.000 VND và 119.559.375.000 VND. Theo đó, Nhóm Công ty sở hữu 35% cổ phần của Edigital và Edigital trở thành công ty liên kết của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Theo Hợp đồng Nguyên tắc Số 10/HĐMT/Y1-VNO.20 ngày 17 tháng 8 năm 2020, Nhóm Công ty đã ứng trước số tiền là 16.755.470.000 VND để mua mã thẻ viễn thông, được bảo lãnh bằng cổ phần của Edigital (Thuyết minh số 8) thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh ngày 24 tháng 2 năm 2023. Vào ngày 17 tháng 8 năm 2023, Nhóm Công ty đã nhận chuyển nhượng 512.400 cổ phần của Edigital, tương đương với 4,55% vốn điều lệ của Edigital, theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 400-2308-HĐCNCP-BPTC-YEG để tất toán khoản tạm ứng này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Edigital tăng từ 35% lên 39,5% kể từ ngày này.

**4.5 Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink Việt Nam")**

Theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 60/2302/HĐCNCP/YEG-NAK và Số 61/2302/HĐCNCP/YEG-PTNH ngày 14 tháng 2 năm 2023 với Ông Nguyễn Anh Khoa và Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu, Nhóm Công ty đã nhận chuyển nhượng 27.000 cổ phần và 36.000 cổ phần của Netlink Việt Nam tương ứng với giá trị lần lượt là 44.145.000.000 VND và 58.860.000.000 VND. Theo đó, Công ty sở hữu 35% cổ phần của Netlink Việt Nam và Netlink Việt Nam trở thành công ty liên kết của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	-	150.752.205
Tiền gửi ngân hàng	4.261.339.357	22.222.261.659
Các khoản tương đương tiền (*)	4.200.000.000	4.100.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.461.339.357</b>	<b>26.473.013.864</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định có thời hạn gốc ba tháng và hưởng lãi suất 3,75%/năm.

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,85%/năm đến 9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	121.340.076.164	126.453.561.248
Công ty Cổ phần Ban Media	26.327.695.034	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng (*)	13.939.220.078	13.939.220.078
Công ty TNHH Truyền Thông WPP	7.395.539.564	4.963.372.340
Công ty TNHH Truyền thông MMS Việt Nam	7.382.202.120	-
Khác	66.295.419.368	107.550.968.830
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	<u>118.218.227.750</u>	<u>35.197.206.145</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>239.558.303.914</b>	<b>161.650.767.393</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn (Thuyết minh số 11)	<u>(23.559.491.239)</u>	<u>(24.375.838.748)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>215.998.812.675</u></b>	<b><u>137.274.928.645</u></b>

(\*) Khoản thu này được đảm bảo bằng 3.135.000 cổ phần của Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 124-2403-TTBL-YEG-TERA ngày 22 tháng 3 năm 2024.

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	24.375.838.748	5.007.898.648
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.048.880.750	19.367.940.100
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(3.865.228.259)</u>	-
Số cuối năm	<u>23.559.491.239</u>	<u>24.375.838.748</u>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	80.932.913.203	81.980.392.464
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế (*)	48.126.704.193	48.126.704.193
Công ty Cổ phần Quảng cáo Báo Công An (**)	14.500.000.000	-
Something Big SAS	8.160.450.000	8.160.450.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	-	16.755.470.000
Khác	10.145.759.010	8.937.768.271
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	<u>24.750.000</u>	<u>24.750.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>80.957.663.203</b>	<b>82.005.142.464</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)	<u>(18.600.883.301)</u>	<u>(16.246.796.596)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>62.356.779.902</u></b>	<b><u>65.758.345.868</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BẮN NGẮN HẠN (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn:*

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.246.796.596	4.793.815.527
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	2.354.086.705	11.452.981.069
Số cuối năm (Thuyết minh số 11)	<u>18.600.883.301</u>	<u>16.246.796.596</u>

(\*) Khoản thu này được đảm bảo bằng 3.135.000 cổ phần của Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 124-2403-TTBL-YEG-TERA ngày 22 tháng 3 năm 2024.

(\*\*) Theo Hợp đồng Xây dựng số 08/HĐXD-1Studio ngày 22 tháng 11 năm 2023 với Công ty Cổ phần Quảng cáo Bồ Công Anh về việc xây lắp công trình "Nhà ở kết hợp văn phòng" tại địa chỉ 41-49 An Phú, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị hợp đồng là 142.795.425.415 VND.

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>266.334.265.625</b>	<b>164.433.231.206</b>
Cho các bên khác vay	201.616.431.925	126.222.398.763
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 34)	64.717.833.700	38.210.832.443
<b>Dài hạn</b>	<b>44.329.575.396</b>	<b>119.000.000.000</b>
Cho bên khác vay	39.429.575.396	119.000.000.000
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 34)	4.900.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>310.663.841.021</u></b>	<b><u>283.433.231.206</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

Bên vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
<b>Cho các bên khác vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Vital Investments Group	119.000.000.000	Ngày 1 tháng 12 năm 2024	8,5	Tin chấp
Trần Minh Việt	45.960.311.001	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	8	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba
Phan Thái Huy	23.000.000.000	Ngày 14 tháng 9 năm 2025	8	Tin chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	5.134.862.703	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Tin chấp
Công ty Cổ phần Finbase	2.160.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2024 đến ngày 27 tháng 11 năm 2024	8 - 11	Tin chấp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	2.140.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	8 - 11	Tin chấp
Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	1.900.000.000	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	8 - 10,5	Tin chấp
Công Ty TNHH Yeah1 Vision	1.360.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Tin chấp
Công ty Cổ phần Tập đoàn CAPITALX	511.258.221	Ngày 29 tháng 6 năm 2024	8	Tin chấp
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền Thông TNT	450.000.000	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	10,5 - 11	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>201.616.431.925</b>			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay như sau: (tiếp theo)

Bên vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
<b>Cho các bên liên quan vay ngắn hạn (Thuyết minh số 34)</b>				
Công ty TNHH Tera Group	35.736.000.000	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2024 đến ngày 25 tháng 12 năm 2024	10,5 - 11	Tin chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	14.859.000.000	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2024 đến ngày 14 tháng 9 năm 2024	10,5	Tin chấp
Công ty Cổ phần Phục hợp Truyền thông T.H	14.122.833.700	Từ ngày 30 tháng 4 năm 2024 đến ngày 21 tháng 9 năm 2024	10,5	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>64.717.833.700</b>			
<b>Cho các bên khác vay dài hạn</b>				
Công ty TNHH Media Kingdom Việt Nam	23.708.000.000	Ngày 27 tháng 9 năm 2025	8	Tin chấp
Đình Tấn Danh	8.550.000.000	Ngày 15 tháng 8 năm 2025	10,5	Tin chấp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	3.564.300.000	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2026 đến ngày 25 tháng 2 năm 2026	8	Tin chấp
Công ty Cổ phần Finbase	2.126.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2025 đến ngày 24 tháng 2 năm 2025	8	Tin chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	1.181.275.396	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2025 đến ngày 11 tháng 11 năm 2025	8	Tin chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	300.000.000	Ngày 3 tháng 10 năm 2026	8	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.429.575.396</b>			
<b>Cho các bên liên quan vay dài hạn (Thuyết minh số 34)</b>				
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	3.450.000.000	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2025 đến ngày 15 tháng 4 năm 2025	10 - 10,5	Tin chấp
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	1.450.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 12 năm 2025	8 - 11	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.900.000.000</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>340.356.202.385</b>	<b>209.178.378.379</b>
Tạm ứng nhân viên	230.004.766.104	43.146.609.969
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh:	48.078.801.570	73.437.407.535
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn (i)	19.600.000.000	19.600.000.000
Công ty Cổ phần Unicorn Venture (ii)	9.993.750.000	-
Travellet Tech Limited (iii)	8.120.000.000	8.120.000.000
Lỗ phân chia cho đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (iv)	4.380.844.035	-
Công ty TNHH Bryan and Martin Pictures (v)	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần MBC Studio (vi)	1.253.462.535	1.253.462.535
Công ty Cổ phần Mnet (vi)	1.130.745.000	1.130.745.000
Công ty TNHH Media Investment Hub	-	39.733.200.000
Tạm ứng để nhận chuyển nhượng cổ phần (vii)	30.000.000.000	30.000.000.000
Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi	19.750.861.017	5.908.536.440
Phải thu cố tức (viii)	7.213.579.158	9.565.680.000
Đặt cọc	1.701.978.525	1.666.978.525
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	-	37.231.370.000
Khác	3.606.216.011	8.221.795.910
<b>Dài hạn</b>	<b>345.139.910.099</b>	<b>249.503.496.695</b>
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Unicorn Venture (ii)	199.875.000.000	100.565.000.000
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Giải trí TKK (ix)	138.658.000.000	147.318.000.000
Đặt cọc	6.606.910.099	1.620.496.695
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>685.496.112.484</b>	<b>458.681.875.074</b>
Dự phòng phải thu khác khó đòi (Thuyết minh số 11)	(39.650.639.012)	(35.347.951.986)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>645.845.473.472</b>	<b>423.333.923.088</b>
<i>Trong đó:</i>		
Các bên khác	677.295.670.877	451.600.263.063
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	8.200.441.607	7.081.612.011
<i>Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi khác:</i>		
	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	35.347.951.986	25.481.601.797
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	4.302.687.026	9.866.350.189
Số cuối năm	39.650.639.012	35.347.951.986

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

- (i) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Nhóm Công ty và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 đồng, trong đó, Nhóm Công ty đóng góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 đồng và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 đồng.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng 6 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 2.100.000.000 VND.

- (ii) Theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture") để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 199.875.000.000 VND. Theo đó, Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẻ cho Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẻ cho Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân. Trong năm, Công ty đã ghi nhận thu nhập tiền lãi từ khoản góp vốn này theo tỷ lệ 10%, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 9.993.750.000 VND.

- (iii) Đây là Hợp đồng Hợp tác Trò chơi trực tuyến ngày 1 tháng 11 năm 2019 với Travellet Tech Limited về giấy phép liên quan đến trò chơi trực tuyến. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu từ hợp tác kinh doanh này.

- (iv) Vào ngày 16 tháng 6 năm 2023, Công ty đã ký Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVcab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đập gió rẽ sóng mùa 1" ("Dự án") với Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam ("VTVcab"). Theo đó, giá trị vốn góp của Dự án là 63.000.000.000 VND và tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ phân chia doanh thu, chi phí Dự án của Công ty và VTVcab là 50:50. Công ty chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho hoạt động kinh doanh của Dự án. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang ghi nhận khoản lỗ từ hoạt động kinh doanh của Dự án với giá trị là 8.761.688.073 VND và ghi nhận khoản phải thu VTVcab theo tỷ lệ phân chia 50% trên khoản lỗ này.

- (v) Đây là Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số BM-HĐĐT/03/2017 ngày 12 tháng 12 năm 2017 với Công ty TNHH Bryan and Martin Pictures về việc hợp tác sản xuất dự án truyền hình. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu từ hợp tác kinh doanh này.

- (vi) Đây là Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 021/2017/HĐGV/YES/E18/GV ngày 20 tháng 11 năm 2017 với Công ty Cổ phần Mnet (trước đây là Công ty Cổ phần Góp Vốn) và Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 2018-002/HĐGV/ZOMBIE/MBCS-YEAH1 ngày 21 tháng 6 năm 2018 với Công ty Cổ phần MBC Studio về việc hợp tác sản xuất các dự án làm phim. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu từ hợp tác kinh doanh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

- (vii) Đây là khoản tạm ứng cho Ông Võ Thái Phong để mua 3.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến ("VNO") tương đương với 60% tỷ lệ sở hữu trong VNO theo Biên bản Ghi nhớ ngày 22 tháng 10 năm 2020, Phụ lục 1 ngày 21 tháng 3 năm 2023, Phụ lục 2 ngày 15 tháng 12 năm 2023 gia hạn việc chuyển nhượng đến ngày 30 tháng 9 năm 2024.
- (viii) Theo Nghị quyết phê duyệt bởi Giám đốc của Netlink Online Corporation, một công ty được thành lập ở Singapore, Nhóm Công ty nhận được khoản chia cổ tức là 9.565.680.000 VND, được thanh toán trong vòng 24 tháng kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2021 và được gia hạn đến ngày 1 tháng 11 năm 2025.
- (ix) Theo Hợp đồng Hợp tác số 0906/2022/HĐHT/GG/BIGCAT ngày 3 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Giải Trí TTK (trước đây là Công ty Cổ phần Giải trí Truyền thông Big Cat) để đầu tư dự án sản xuất phim, bao gồm việc tổ chức đội ngũ sản xuất phim, ý tưởng, phim trường, Nhóm Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 147.318.000.000 VND. Theo Phụ lục 1 ngày 20 tháng 6 năm 2023, tổng giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh giảm còn 100.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Giải Trí TTK sẽ hoàn trả cho Nhóm Công ty số tiền là 47.318.000.000 VND trước ngày 30 tháng 6 năm 2024. Vào ngày 29 tháng 6 năm 2023, Công ty Cổ phần Giải trí TTK đã hoàn trả một phần vốn góp của hợp đồng với số tiền là 8.660.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

809 -DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGAN HẠN KHÓ ĐÓI

	Số cuối năm		Số đầu năm		VD
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>35.648.137.945</b>	<b>12.088.646.706</b>	<b>33.507.104.056</b>	<b>9.131.265.308</b>	<b>(24.375.838.748)</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng	13.939.220.078	4.181.766.024	13.939.220.078	6.969.610.038	(6.969.610.038)
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ	6.518.490.436	-	6.518.490.436	-	(6.518.490.436)
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Ninh	3.015.057.729	-	3.015.057.729	-	(3.015.057.729)
Công ty TNHH Lico Việt Nam	1.112.886.123	-	1.112.886.123	333.865.837	(779.020.286)
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	2.490.070.000	1.743.049.000	-	-	-
Khác	8.572.413.579	6.163.831.682	8.921.449.690	1.827.789.432	(7.093.660.258)
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>60.116.049.372</b>	<b>41.515.166.071</b>	<b>57.783.420.177</b>	<b>41.536.623.581</b>	<b>(16.246.796.595)</b>
Công ty TNHH Phân phối Nước Giải khát Quốc tế	48.126.704.193	40.858.420.589	48.126.704.193	40.858.420.589	(7.268.283.604)
Công ty Cổ phần Truyền thông Giải trí Đa Phương tiện VINACJ	1.067.991.758	-	-	-	-
Something Big SAS	8.160.450.000	-	8.160.450.000	-	(8.160.450.000)
Khác	2.760.903.421	656.745.482	1.496.265.984	678.202.992	(818.062.992)
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>50.640.836.504</b>	<b>10.990.197.492</b>	<b>35.944.107.385</b>	<b>596.155.399</b>	<b>(35.347.951.986)</b>
Công ty TNHH Đầu tư Tân An	19.600.000.000	-	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Đông Sài Gòn	8.120.000.000	-	8.120.000.000	-	(8.120.000.000)
Travellet Tech Vietnam Limited	3.600.000.000	-	3.600.000.000	-	(3.600.000.000)
Công ty TNHH Bryan and Martin Pictures	1.253.462.535	-	1.253.462.535	-	(1.253.462.535)
Công ty Cổ phần MBC Studio	1.130.745.000	-	1.130.745.000	-	(1.130.745.000)
Công ty Cổ phần Mnet	16.936.628.969	10.990.197.492	2.239.899.850	596.155.399	(1.643.744.451)
Khác	-	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>146.405.023.821</b>	<b>64.594.010.269</b>	<b>127.234.631.618</b>	<b>51.264.044.288</b>	<b>(75.970.587.330)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	35.698.707.333	36.264.806.517
Chương trình đang sản xuất	20.000.953.739	3.116.955.304
Dự án đang phát triển dở dang	8.024.666.307	12.060.255.377
Bản quyền chương trình	-	24.025.005.076
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.724.327.379</b>	<b>76.467.022.274</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(34.555.718.986)	(59.956.019.873)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>29.168.608.393</b>	<b>15.511.002.401</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	59.956.019.873	66.378.425.191
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	108.525.811	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng	(25.508.826.698)	(5.422.405.318)
Số cuối năm	34.555.718.986	59.956.019.873

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>50.416.954.766</b>	<b>27.938.305.891</b>
Chương trình	48.828.389.284	26.090.326.974
Khác	1.588.565.482	1.847.978.917
<b>Dài hạn</b>	<b>1.484.504.008</b>	<b>3.220.915.857</b>
Chi phí cải tạo văn phòng	411.547.424	1.383.873.724
Công cụ, dụng cụ	669.341.309	563.172.702
Khác	403.615.275	1.273.869.431
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>51.901.458.774</b>	<b>31.159.221.748</b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	1.837.328.710	16.468.023.064	12.966.951.364	730.845.452	32.063.148.590
Mua mới	-	-	475.577.865	-	475.577.865
Thanh lý	-	(36.363.637)	(8.335.513.909)	(7.196.909)	(8.379.074.455)
Xóa sổ	(113.445.500)	(7.037.054.144)	(2.570.346.546)	-	(9.720.846.190)
Số cuối năm	1.723.883.210	9.394.605.283	2.536.668.774	783.648.543	14.438.805.810
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	1.723.883.210	1.119.184.831	830.339.604	456.861.841	4.130.259.486
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(1.837.328.710)	(15.705.695.625)	(12.007.331.474)	(697.748.349)	(30.148.104.358)
Khấu hao trong năm	-	(467.002.522)	(316.003.979)	(72.847.232)	(855.853.733)
Thanh lý	-	36.363.637	8.131.877.574	7.196.909	8.175.438.120
Xóa sổ	113.445.500	7.029.959.644	2.570.346.546	-	9.713.751.690
Số cuối năm	(1.723.883.210)	(9.106.375.066)	(1.621.111.333)	(663.398.672)	(13.114.768.281)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	-	762.327.239	959.619.890	193.097.103	1.915.044.232
Số cuối năm	-	288.230.217	915.557.441	120.249.871	1.324.037.529



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Chương trình phim ngắn (*)	Phần mềm máy tính	Nhãn hiệu, tên thương mại	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	82.828.580.077	15.867.542.910	3.185.964.630	19.053.507.540
Mua mới		297.416.000	-	83.125.996.077
Số cuối năm	82.828.580.077	16.164.958.910	3.185.964.630	102.179.503.617
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số đầu năm	-	(7.692.816.029)	(1.048.290.159)	(8.741.106.188)
Hao mòn trong năm	(6.356.744.916)	(1.907.980.582)	(192.393.372)	(8.457.118.670)
Số cuối năm	(6.356.744.916)	(9.600.795.611)	(1.240.683.531)	(17.198.225.058)
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm		8.174.726.881	2.137.674.471	10.312.401.352
Số cuối năm	76.471.835.161	6.564.162.299	1.945.281.099	84.981.278.559

(\*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngắn độc quyền mà Nhóm Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	9.545.454.545	22.565.454.545
Dự án xây dựng phim trường	3.821.563.973	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.367.018.518</b>	<b>22.565.454.545</b>

**17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	VND	
	<i>Lợi thế thương mại khoản đầu tư vào STV</i>	
<b>Nguyên giá:</b>		
Số đầu năm		74.716.838.797
Giảm trong năm (*)		(36.500.000.000)
Số cuối năm		38.216.838.797
<b>Giá trị phân bổ lũy kế:</b>		
Số đầu năm		(3.762.424.285)
Phân bổ trong năm		(3.626.780.475)
Số cuối năm		(7.389.204.760)
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Số đầu năm		70.954.414.512
Số cuối năm		30.827.634.037

(\*) Vào ngày 1 tháng 7 năm 2022, Công ty đã mua 2.295.000 cổ phần của STV tương ứng với tỷ lệ sở hữu 51% trong STV với giá mua là 76.500.000.000 VND từ Ông Lê Việt Hùng theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 087/2207/HĐCNCP/YEG-STV ngày 1 tháng 7 năm 2022. Vào ngày 1 tháng 12 năm 2023, giá mua được điều chỉnh giảm là 40.000.0000.000 VND theo Phụ lục Hợp đồng Số 03 ngày 1 tháng 12 năm 2023.

**18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 18.1)	348.572.994.312	132.247.514.642
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh 18.2)	46.002.910.277	17.715.625.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>394.575.904.589</b>	<b>149.963.139.642</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(11.167.364.491)	(9.615.625.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>383.408.540.098</b>	<b>140.347.514.642</b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

509-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HOP NHAT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 18.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 2 công ty liên kết trực tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 công ty liên kết trực tiếp):

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh		Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	39,5	35	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	35	35	-	-	-	-

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các công ty con sở hữu 5 công ty liên kết như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: các công ty con sở hữu 6 công ty liên kết):

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh		Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	49,99	50,00	49,99	50,00	49,99	50,00
Công ty Cổ phần Zmedia	24,99	25,00	24,99	25,00	24,99	25,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	13,40	20,00	13,40	20,00	13,40	20,00
Công ty Cổ phần Sóng, Toán cầu	17,96	35,21	17,96	35,21	17,96	35,21
Công ty Cổ phần Eco Consumer (*)	48,99	49,99	48,99	49,99	49,99	49,99
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	-	-	-	-	29,99	30,00
Công ty Cổ phần Công nghệ Tư đồng Kolorlife	-	-	-	-	34,99	35,00

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại các công ty con này (Thuyết minh số 35.2)



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 18.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty	Giá trị đầu tư vào			Phần tỷ số lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết			Khác			Giá trị còn lại	
	Số đầu năm	Tăng giá trị đầu tư	Số cuối năm	Số đầu năm	Phần lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết	Số cuối năm	Giảm do phân loại lại (*)	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	145.511.720.000	145.511.720.000	-	(2.849.926.936)	(2.849.926.936)	-	-	-	-	142.661.793.064
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	103.005.000.000	103.005.000.000	-	(656.029.706)	(656.029.706)	-	-	-	-	102.348.970.294
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	92.376.600.000	-	92.376.600.000	(3.034.831.666)	11.701.636	(3.023.130.120)	-	-	-	89.342.068.344	89.353.766.880
Công ty Cổ phần Zmedia	12.500.000.000	-	12.500.000.000	1.791.916.046	(407.946.055)	1.383.969.991	-	-	-	14.291.916.046	13.883.969.991
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	1.200.000.000	-	1.200.000.000	(48.246.106)	(1.151.753.892)	(1.200.000.000)	-	-	-	1.151.753.892	-
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	158.155.805	-	158.155.805	(53.664.722)	-	(53.664.722)	-	-	-	124.491.083	124.491.083
Công ty Cổ phần Giải trí 100Đ	22.500.000.000	-	22.500.000.000	(1.246.265.794)	-	(1.246.265.794)	(21.259.734.266)	(21.259.734.266)	-	21.263.734.205	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Tư động Kolorlife	8.500.000.000	-	8.500.000.000	(2.416.448.929)	-	(2.416.448.929)	(6.083.551.071)	(6.083.551.071)	-	6.083.551.071	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>137.935.056.805</b>	<b>248.516.720.000</b>	<b>385.751.775.805</b>	<b>(4.967.541.163)</b>	<b>(4.853.955.053)</b>	<b>(9.841.496.216)</b>	<b>(27.337.285.277)</b>	<b>(27.337.285.277)</b>	<b>132.247.514.642</b>	<b>348.572.954.312</b>	<b>VND</b>

(\*) Vào ngày 20 tháng 11 năm 2023, Công ty cam kết chuyển nhượng 30% cổ phần lại Công ty Cổ phần Giải trí 100 Đ ( "100 Đ") và 35% cổ phần tại Công ty Cổ phần Công nghệ Tư động Kolorlife ("Kolorlife") với tổng giá chuyển nhượng là 28.000.000.000 VND, theo Biên bản ghi nhớ số 20112023/CARE/BBGN cùng ngày và phê duyệt của Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty số 3112B/2020/YEG/QĐ-CTHĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo đó, khoản đầu tư vào 100 Đ và Kolorlife được phân loại lại từ đầu tư vào công ty liên kết sang đầu tư vào công ty khác kể từ ngày này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi số.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số đầu năm			Số cuối năm		
		Giá trị đầu tư (VND)	Dư phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Giá trị đầu tư (VND)	Dư phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Dịch vụ giải pháp số, phát hành trò chơi điện tử	21.253.734.206	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	8.100.000.000	(1.551.739.491)	18,00	8.100.000.000	-	18,00
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Dịch vụ giải pháp số	6.083.551.071	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBMC	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40
Công ty Cổ phần Garnify	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00
Công ty Cổ phần Shopiness	Công thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00
Công ty Cổ phần Tera Group	Lắp trình máy linh	950.000.000	-	19,00	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>46.002.910.277</b>	<b>(11.167.364.491)</b>		<b>17.715.625.000</b>	<b>(9.615.625.000)</b>	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**19.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Các bên khác	89.696.946.327	73.292.702.317
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	36.237.031.394	33.899.563.425
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Number One	16.515.984.079	16.515.984.079
Khác	36.943.930.854	22.877.154.813
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	8.456.156.378	9.889.097.518
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>98.153.102.705</b>	<b>83.181.799.835</b>

**19.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Các bên khác	4.401.307.337	6.268.824.622
Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit	1.246.622.223	3.112.902.549
Khác	3.154.685.114	3.155.922.073
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	24.754.058.544	137.093.401
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.155.365.881</b>	<b>6.405.918.023</b>

**20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			Số cuối năm
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	23.392.798.468	2.384.193.220	(11.349.753.635)	14.427.238.053
Thuế thu nhập cá nhân (*)	3.335.524.048	9.745.155.836	(7.959.273.886)	5.121.405.998
Thuế giá trị gia tăng (*)	5.457.852.714	37.830.633.106	(39.451.241.234)	3.837.244.586
Thuế nhà thầu	4.107.670.578	107.302.761	(1.147.412.536)	3.067.560.803
Khác	5.754.808.685	2.189.612.468	(2.067.688.863)	5.876.732.290
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.048.654.493</b>	<b>52.256.897.391</b>	<b>(61.975.370.154)</b>	<b>32.330.181.730</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	11.733.669.810	21.327.794.398	(19.106.713.720)	13.954.750.488
Khác	155.717.147	90.971.748	(234.064.111)	12.624.784
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.889.386.957</b>	<b>21.418.766.146</b>	<b>(19.340.777.831)</b>	<b>13.967.375.272</b>

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đang ghi nhận khoản thuế phải nộp quá hạn ở các công ty con với số tiền là 15.075.022.780 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	10.379.620.700	9.007.306.187
Chi phí lãi vay	5.373.836.077	4.877.556.101
Chi phí lãi chậm nộp thuế	5.298.545.646	-
Lương tháng 13	2.030.064.776	1.120.560.000
Khác	4.366.607.998	3.750.559.546
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.448.675.197</b>	<b>18.755.981.834</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	<i>25.392.634.459</i>	<i>18.169.067.442</i>
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	<i>2.056.040.738</i>	<i>586.914.392</i>

**22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	31.500.000.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	3.175.245.581	1.686.582.806
Phải trả về hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.147.650.000	2.147.650.000
Chi phí lãi vay	595.359.039	1.083.415.758
Phải trả do nhận chuyển nhượng vốn góp	-	56.500.000.000
Khác	7.657.570.639	4.682.179.886
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.075.825.259</b>	<b>66.099.828.450</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	<i>42.498.844.217</i>	<i>65.768.310.183</i>
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	<i>2.576.981.042</i>	<i>331.518.267</i>

(\*) Đây là khoản vốn góp nhận từ VTCab liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chỉ đẹp đệp giờ rề sóng mùa 1". (Thuyết minh số 10)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Phân loại lại	Giảm khác	Số cuối năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>94.317.807.400</b>	<b>514.175.702.075</b>	<b>(440.587.457.350)</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>(6.553.361.213)</b>	<b>171.352.690.912</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.1)	9.628.537.096	179.362.108.075	(101.448.687.350)	10.000.000.000	-	97.541.957.821
Vay các tổ chức khác (Thuyết minh số 23.2)	66.193.361.213	30.970.824.000	(56.410.000.000)	-	(6.553.361.213)	34.200.824.000
Vay cá nhân (Thuyết minh số 23.3)	12.395.909.091	271.901.250.000	(256.437.250.000)	-	-	27.859.909.091
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 23.4 và 34)	6.100.000.000	31.941.520.000	(26.291.520.000)	-	-	11.750.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>50.742.808.874</b>	<b>(2.728.376.018)</b>	<b>(10.000.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>39.014.432.856</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.1)	-	50.000.000.000	(2.500.000.000)	(10.000.000.000)	-	37.500.000.000
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 23.4 và 34)	1.000.000.000	742.808.874	(228.376.018)	-	-	1.514.432.856
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>95.317.807.400</b>	<b>564.918.510.949</b>	<b>(443.315.833.368)</b>	<b>-</b>	<b>(6.553.361.213)</b>	<b>210.367.123.768</b>



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 23. VAY (tiếp theo)

#### 23.1 Vay ngân hàng

Nhóm Công ty vay các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định</b>				
Khoản vay 1	38.046.792.705	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2024 đến ngày 12 tháng 4 năm 2024	8,2	Tin chấp
Khoản vay 2	29.999.324.427	Từ ngày 5 tháng 7 năm 2024 đến ngày 14 tháng 12 năm 2024	9,8	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 3	17.734.991.689	Ngày 21 tháng 3 năm 2024	9,5	Tin chấp
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố HCM</b>				
Khoản vay 1	1.760.849.000	Ngày 28 tháng 3 năm 2024	11,5	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>87.641.957.821</b>			

Nhóm Công ty vay khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm thanh toán các khoản đầu tư mua tài sản cố định vô hình là bản quyền các tác phẩm phục vụ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định	47.500.000.000	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2024 đến ngày 15 tháng 8 năm 2028	11%/năm tính đến ngày 14 tháng 8 năm 2024 Sau ngày 14 tháng 8 năm 2024 là lãi suất thả nổi	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba

Trong đó  
Vay dài hạn  
Vay dài hạn đến hạn trả

37.500.000.000  
10.000.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay cá nhân

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
Nguyễn Thị Khánh Hòa	11.314.000.000	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2024 đến ngày 24 tháng 11 năm 2024	10,5 - 15
Lê Đình Trọng	10.100.000.000	Ngày 1 tháng 1 năm 2024	10,5 - 12
Nguyễn Minh Đức	2.000.000.000	Ngày 30 tháng 4 năm 2024	13
Vũ Thị Ngọc Trinh	2.000.000.000	Ngày 15 tháng 12 năm 2024	10,5
Trần Thanh Tân	1.117.909.091	Ngày 20 tháng 4 năm 2024	8
Vũ Thị Tuyết Vân	800.000.000	Từ ngày 31 tháng 1 năm 2024 đến ngày 24 tháng 3 năm 2024	11
Trần Minh Việt	528.000.000	Ngày 6 tháng 4 năm 2024	6
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.859.909.091</b>		

23.2 Vay các tổ chức khác

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
<b>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</b>			
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế	30.000.000.000	Theo yêu cầu	-
Công ty Cổ phần Ban Media	2.560.824.000	Từ ngày 14 tháng 7 năm 2024 đến ngày 29 tháng 12 năm 2024	10,5
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Giải pháp Đổi mới ICC VN	1.640.000.000	Ngày 24 tháng 9 năm 2024	10,5
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.200.824.000</b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 34)

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
<b>Vay ngắn hạn các bên liên quan</b>			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	5.950.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2024	10,5
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	5.300.000.000	Ngày 27 tháng 6 năm 2024 đến ngày 25 tháng 10 năm 2024	10,5
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	300.000.000	Ngày 25 tháng 10 năm 2024	10,5
Công ty TNHH Việt Nam Music Award	200.000.000	Ngày 29 tháng 12 năm 2024	10,5
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.750.000.000</b>		
<b>Vay dài hạn bên liên quan</b>			
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	1.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6
Công Ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	342.808.874	Ngày 15 tháng 8 năm 2025	10,5
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	171.623.982	Ngày 16 tháng 1 năm 2025	6
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.514.432.856</b>		

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09 -DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 24.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>				
Số đầu năm	312.799.680.000	550.873.478.254	20.536.615.720	884.209.773.974
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	10.903.987.113	10.903.987.113
Thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	1.357.233.547	1.357.233.547
Thủ lao Hội đồng Quản trị	-	-	(2.242.202.700)	(2.242.202.700)
Số cuối năm	312.799.680.000	550.873.478.254	30.555.633.680	894.228.791.934
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	312.799.680.000	550.873.478.254	30.555.633.680	894.228.791.934
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược (*)	450.000.000.000	-	-	450.000.000.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (**)	550.732.960.000	(550.732.960.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	26.858.708.163	26.858.708.163
Số cuối năm	1.313.532.640.000	140.518.254	57.414.341.843	1.371.087.500.097

(\*) Vào ngày 13 tháng 9 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành 45.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu, phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 125/2303/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2023, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 284/2306/YEG/BBH/ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 279/2306/YEG/INO/ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 6 năm 2023 và phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 204/2305/NQ/HĐQT/YEG ngày 5 tháng 5 năm 2023. Vào ngày 2 tháng 11 năm 2023, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 29 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND.

(\*\*) Vào ngày 28 tháng 12 năm 2023, SSC thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành 55.073.296 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1.000.722 từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, theo phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 607-2311-NQ-ĐHĐCĐ-YEG ngày 3 tháng 11 năm 2023, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 612-2311-NQ-HĐQT-YEG ngày 6 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 641-2311-NQ-HĐQT-YEG ngày 24 tháng 11 năm 2023. Vào ngày 11 tháng 1 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 30 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 762.799.680.000 VND lên 1.313.532.640.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu năm	312.799.680.000	312.799.680.000
Tăng trong năm	1.000.732.960.000	-
Số cuối năm	<u>1.313.532.640.000</u>	<u>312.799.680.000</u>

24.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cổ phiếu đăng ký</b>	<b>131.353.264</b>	<b>31.279.968</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>131.353.264</b>	<b>31.279.968</b>
Cổ phiếu phổ thông	131.353.264	31.279.968
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>131.353.264</b>	<b>31.279.968</b>
Cổ phiếu phổ thông	131.353.264	31.279.968

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Nhóm Công ty được quyền hưởng cổ tức do Nhóm Công ty công bố. Mỗi cổ phần phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế (VND)	<u>26.858.708.163</u>	<u>10.903.987.113</u>
<b>Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)</b>	<b>26.858.708.163</b>	<b>10.903.987.113</b>
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>47.513.447</u>	<u>31.279.968</u>
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	565	349

(\*) Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.551.387.798	(6.506.464.721)
(Lỗ) lợi nhuận trong năm phân bổ cho cổ đồng không kiểm soát	(339.748.836)	13.986.873.201
Tăng do chuyển nhượng công ty con	-	4.714.979.554
Tăng do mua công ty con	-	1.713.233.311
Thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	(1.357.233.547)
Số cuối năm	<u>12.211.638.962</u>	<u>12.551.387.798</u>

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>414.366.625.633</b>	<b>317.854.901.716</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	167.958.869.763	-
Doanh thu quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	112.179.327.639	163.108.070.053
Doanh thu quảng cáo trên kênh truyền hình	93.878.719.534	77.094.221.620
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	39.141.918.506	70.133.212.252
Doanh thu về bán lẻ và bán hàng khác	1.207.790.191	7.519.397.791
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(2.699.840.733)</b>	<b>(3.730.595.402)</b>
<i>Trong đó:</i>		
Chiết khấu thương mại	(2.699.840.733)	(3.730.595.402)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>411.666.784.900</b>	<b>314.124.306.314</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	167.958.869.763	-
Doanh thu thuần quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	112.179.327.639	163.108.070.053
Doanh thu thuần quảng cáo trên kênh truyền hình	91.178.878.801	73.363.626.218
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	39.141.918.506	70.133.212.252
Doanh thu thuần về bán lẻ và bán hàng khác	1.207.790.191	7.519.397.791
<i>Trong đó:</i>		
Các bên khác	266.551.845.191	301.521.568.382
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	147.814.780.442	16.333.333.334

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. DOANH THU (tiếp theo)

27.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.571.169.984	6.955.431.234
Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	19.987.500.000	-
Lãi bán các khoản đầu tư	-	40.333.840.583
Khác	27.731.696	51.116.382
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>43.586.401.680</u></b>	<b><u>47.340.388.199</u></b>

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn cung cấp bản quyền nội dung số	97.874.743.396	-
Giá vốn quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	95.442.734.555	120.960.912.021
Giá vốn quảng cáo trên kênh truyền hình	88.057.013.072	57.966.749.713
Giá vốn dịch vụ và thương mại truyền thông	37.727.970.359	25.432.070.022
Giá vốn về bán lẻ và bán hàng khác	2.778.792.497	10.708.294.124
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho (Thuyết minh số 12)	(25.400.300.887)	(5.422.405.318)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>296.480.952.992</u></b>	<b><u>209.645.620.562</u></b>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí lãi vay	21.505.000.199	6.906.877.175
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.551.739.491	1.757.625.000
Khác	425.675.889	357.245.001
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.482.415.579</u></b>	<b><u>9.021.747.176</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>14.260.496.293</b>	<b>20.658.752.305</b>
Chi phí nhân viên	9.335.604.697	9.708.031.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.280.314.061	10.843.145.343
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.480.174	107.575.886
Chi phí khác	641.097.361	-
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>66.900.478.155</b>	<b>93.384.172.422</b>
Chi phí nhân viên	26.841.890.320	28.885.702.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.472.516.094	12.345.318.851
Chi phí dự phòng	5.733.887.576	36.600.664.091
Phân bổ lợi thế thương mại	3.626.780.475	6.434.592.624
Chi phí khấu hao và hao mòn	922.517.364	4.241.173.155
Chi phí khác	4.302.886.326	4.876.721.135
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>81.160.974.448</b>	<b>114.042.924.727</b>

**31. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.799.158.515</b>	<b>19.096.477.919</b>
Thanh lý tài sản cố định	1.614.777.273	5.851.730.858
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	-	2.943.200.000
Khác	184.381.242	10.301.547.061
<b>Chi phí khác</b>	<b>(22.149.929.089)</b>	<b>(19.441.769.061)</b>
Xóa sổ phần mềm quản lý phân phối DMS	(13.020.000.000)	-
Lãi chậm nộp thuế	(5.298.545.646)	-
Tiền phạt thuế	(3.169.913.731)	(4.512.551.487)
Chi phí từ thiện	-	(12.012.022.397)
Khác	(661.469.712)	(2.917.195.177)
<b>LỖ KHÁC</b>	<b>(20.350.770.574)</b>	<b>(345.291.142)</b>

**32. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	290.286.636.280	217.036.819.527
Chi phí nhân viên	84.543.090.051	53.763.948.028
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 14 và 15)	9.312.972.603	4.566.632.213
Trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khô đòi (Thuyết minh số 7, 8, 10 và 11)	5.840.426.222	36.600.664.091
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 17)	3.626.780.475	6.434.592.624
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh số 12)	(25.400.300.887)	(5.422.405.318)
Khác	9.432.322.696	10.708.294.124
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>377.641.927.440</b>	<b>323.688.545.289</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**33.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN	365,033.626	5.597.012
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	<u>(1.910.594.081)</u>	<u>6.450.677.437</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(1.545.560.455)	6.456.274.449
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	<u>3.950.719.062</u>	<u>(2.432.126.402)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.405.158.607</u></b>	<b><u>4.024.148.047</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>28.924.117.934</u></b>	<b><u>28.915.008.361</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	5.784.823.587	5.783.001.672
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	6.923.968.829	10.077.634.415
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.603.198.495	5.257.292.702
Lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết	970.791.011	(101.179.491)
Phân bổ lợi thế thương mại	725.356.095	1.286.918.525
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	<u>(1.910.594.081)</u>	<u>6.450.677.437</u>
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	<u>(4.459.937.207)</u>	-
Lợi nhuận từ thanh lý các công ty con	-	(8.066.768.117)
Lỗ thuế từ năm trước chuyển sang	<u>(12.232.448.122)</u>	<u>(16.663.429.096)</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>2.405.158.607</u></b>	<b><u>4.024.148.047</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**33.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**33.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
				VND
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	(7.895.844.762)	-	(7.895.844.762)	-
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Dự phòng đầu tư vào công ty con	29.460.823.943	17.814.260.119	11.846.563.824	(2.432.126.402)
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất</b>			<b>3.950.719.062</b>	<b>(2.432.126.402)</b>

**33.4 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước**

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế là 829.024.430.168 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 890.186.670.778 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Cơ chế chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ thuế</i>	VND	
			<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
2019	2024	18.321.554.642	(18.321.554.642)	-
2020	2025	453.621.189.557	(35.959.820.469)	417.661.369.088
2020	2025	2.250.136.597	-	2.250.136.597
2021	2026	363.538.343.389	-	363.538.343.389
2022	2027	32.110.741.265	(6.880.865.499)	25.229.875.766
2023	2028	20.344.705.328	-	20.344.705.328
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>890.186.670.778</b>	<b>(61.162.240.610)</b>	<b>829.024.430.168</b>

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế nếu trên do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác của Nhóm Công ty có phát sinh nghiệp vụ với Nhóm Công ty trong năm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Zmedia	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Big Cat	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Thành viên chủ chốt có liên quan đến Nhóm công ty
Công ty TNHH Phục hợp Truyền thông T.H	Thành viên chủ chốt có liên quan đến Nhóm công ty
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Đầu tư khác
Công ty TNHH Tera Group	Đầu tư khác
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023) và Thành viên HĐQT
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2023)
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2022)
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Ông Nguyễn Vũ Nghi	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua bản quyền	48.556.395.000	-
	Thu hồi cho vay	27.421.435.836	59.877.784.164
	Cung cấp dịch vụ	21.811.053.569	8.000.000.001
	Cho vay	17.600.000.000	98.434.533.333
	Vay	15.550.000.000	13.600.000.000
	Trả gốc vay	13.528.376.018	11.600.000.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	10.492.769.249	-
	Mua dịch vụ	4.513.238.687	3.513.346.122
	Thu hồi lãi cho vay	659.641.225	15.593.965.239
	Lãi cho vay	555.237.062	911.548.165
	Trả lãi vay	172.001.306	-
	Lãi vay	108.966.573	289.486.757
	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	13.500.000.000
Cung cấp dịch vụ		6.668.231.073	-
Trả gốc vay		8.200.000.000	-
Cho vay		2.328.800.000	-
Thu hồi cho vay		2.328.800.000	-
Lãi vay		251.957.124	-
Lãi cho vay		46.603.398	-
Thu hồi lãi cho vay		46.603.398	-
Trả lãi vay		20.957.123	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Thu hồi cho vay	26.189.396.607	12.734.090.909
	Cung cấp dịch vụ	5.869.523.810	-
	Thu hồi lãi cho vay	2.480.674.519	380.000.000
	Lãi cho vay	1.192.452.719	1.288.221.800
	Cho vay	1.250.000.000	166.824.456
	Vay	342.808.874	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Tera Group	Lãi vay	13.705.730	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	90.427.097.143	-
	Cho vay	36.750.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	5.618.632.220	-
	Mua dịch vụ	5.601.851.852	-
	Lãi cho vay	1.469.830.275	-
	Thu hồi cho vay	1.014.000.000	-
	Góp vốn	950.000.000	-
Công ty TNHH Big Cat	Mua bản quyền	11.665.638.876	-
	Cho vay	2.800.000.000	-
	Thu hồi cho vay	2.800.000.000	-
	Bán bản quyền	1.857.142.857	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	775.246.004	-
	Cung cấp dịch vụ	755.674.247	-
	Lãi cho vay	1.610.959	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Công ty TNHH Phúc hợp Truyền thông T.H	Cho vay	23.129.873.700	-	
	Thu hồi cho vay	9.007.040.000	-	
	Cung cấp dịch vụ	2.404.207.928	8.333.333.333	
	Lãi cho vay	680.481.034	-	
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	14.859.000.000	-	
	Lãi cho vay	651.555.494	-	
	Cung cấp dịch vụ	-	7.370.161.019	
	Mua dịch vụ	-	543.931.817	
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Cho vay	1.450.000.000	-	
	Lãi cho vay	38.901.230	-	
	Thu hồi lãi cho vay	5.490.411	-	
	Góp vốn	-	8.100.000.000	
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp dịch vụ	1.135.202.342	-	
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Vay	600.000.000	-	
	Trả gốc vay	300.000.000	-	
	Cho vay	110.000.000	-	
	Thu hồi cho vay	110.000.000	-	
	Lãi vay	7.364.383	-	
	Lãi cho vay	1.338.768	-	
	Thu hồi lãi cho vay	1.338.768	-	
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	200.000.000	-	
	Chi phí lãi vay	172.603	-	
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Lãi vay	160.000.000	-	
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	59.999.998	-	
	Thu hồi lãi cho vay	11.955.159	-	
Ông Đào Phúc Trì	Góp vốn	35.000.000.000	-	
	Tạm ứng	10.679.535.966	6.418.422.833	
	Thu hồi tạm ứng	10.300.000.000	4.114.141.440	
Bà Lê Phương Thảo	Góp vốn	42.000.000.000	-	
	Tạm ứng	358.612.451	-	
Ông Chế Đoàn Viên	Góp vốn	37.000.000.000	-	
	Tạm ứng	37.000.000	-	
Bà Ngô Thị Văn Hạnh	Tạm ứng	155.470.022	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
Công ty Cổ phần Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	87.902.530.164	-	
Công ty Cổ phần Phúc hợp Truyền thông T.H	Cung cấp dịch vụ	11.770.573.444	9.000.000.000	
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cung cấp dịch vụ	8.080.206.311	7.959.773.900	
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Cung cấp dịch vụ	6.731.991.724	6.731.991.724	
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	1.154.383.491	-	
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Cung cấp dịch vụ	999.999.958	999.999.958	
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Cung cấp dịch vụ	643.697.131	523.907.131	
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp dịch vụ	547.505.377	6.480.000.000	
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp dịch vụ	387.340.150	-	
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Cung cấp dịch vụ	-	2.421.533.432	
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp dịch vụ	-	1.080.000.000	
		<b>118.218.227.750</b>	<b>35.197.206.145</b>	
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua dịch vụ	24.750.000	24.750.000	
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	35.736.000.000	-	
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	14.859.000.000	-	
Công ty Cổ phần Phúc hợp Truyền thông T.H	Cho vay	14.122.833.700	-	
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Cho vay	-	24.939.396.607	
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	-	13.271.435.836	
		<b>64.717.833.700</b>	<b>38.210.832.443</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>			
Ông Đào Phúc Trì	Tạm ứng	5.327.908.126	5.327.908.126
Công ty Cổ phần Tera Group	Lãi cho vay	1.384.252.111	-
Công ty Cổ phần Phúc hợp Truyền thông T.H	Lãi cho vay	554.536.312	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Lãi cho vay	531.123.083	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi cho vay	213.178.763	317.582.927
Công ty Cổ phần Zmedia	Lãi cho vay	147.899.158	147.899.158
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Lãi cho vay	33.410.819	-
Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	6.522.276	-
Công ty TNHH Big Cat	Lãi cho vay	1.610.959	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Lãi cho vay	-	1.288.221.800
		<b>8.200.441.607</b>	<b>7.081.612.011</b>
<b><i>Phải thu về cho vay dài hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	3.450.000.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Cho vay	1.450.000.000	-
		<b>4.900.000.000</b>	<b>-</b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Mua dịch vụ	5.849.789.534	5.849.789.534
Công ty TNHH Big Cat	Mua dịch vụ	2.270.759.876	4.014.307.984
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Mua dịch vụ	222.411.825	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Mua dịch vụ	84.450.744	25.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua dịch vụ	28.744.399	-
		<b>8.456.156.378</b>	<b>9.889.097.518</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Sổ dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	21.310.867.823	-	
	Cung cấp dịch vụ	137.093.401	137.093.401	
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp bản quyền nội dung số	3.306.097.320	-	
		<b>24.754.058.544</b>	<b>137.093.401</b>	
<b><i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i></b>				
Công ty TNHH Big Cat	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	1.173.700.000	42.162.411	
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	270.000.000	277.000.000	
	Lãi vay	240.657.534	80.657.534	
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	119.894.318	-	
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi vay	191.788.886	127.094.447	
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	60.000.000	60.000.000	
		<b>2.056.040.738</b>	<b>586.914.392</b>	
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Phải trả hợp tác kinh doanh	2.000.000.000	-	
Công ty Cổ Phần Đầu tư Việt Nam Giải Trí	Lãi vay	207.573.065	207.573.065	
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	183.945.200	123.945.202	
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	148.150.685	-	
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi vay	16.241.979	-	
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Lãi vay	13.705.730	-	
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Lãi vay	7.364.383	-	
		<b>2.576.981.042</b>	<b>331.518.267</b>	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. **NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Vay ngắn hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	5.950.000.000	4.100.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	5.300.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Vay	300.000.000	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	200.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Vay	-	2.000.000.000
		<b>11.750.000.000</b>	<b>6.100.000.000</b>
<b><i>Vay dài hạn</i></b>			
Công ty TNHH Nội dung số	Vay	342.808.874	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	171.623.982	-
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Vay	1.000.000.000	1.000.000.000
		<b>1.514.432.856</b>	<b>1.000.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

*Các giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)*

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	VND Năm trước
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)	2.549.007.000	2.653.384.900
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)	2.250.000.000	-
Ông Chế Đoán Viên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)	1.063.307.700	-
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)	502.449.000	1.339.864.000
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2024)	123.981.550	495.926.200
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2023)	-	2.009.796.000
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2022)	-	743.148.922
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2022)	-	350.000.000
Bà Nguyễn Đăng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2022)	-	350.000.000
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Kim Min Soo	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2023)	-	-
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng BKS	-	-
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS	-	-
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)	-	-
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>6.488.745.250</b>	<b>7.942.120.022</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. CÁC CAM KẾT**

**35.1 Cam kết thuê hoạt động**

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	24.261.360.000	14.900.133.847
Trên 1 – 5 năm	94.132.300.000	28.067.251.100
Trên 5 năm	67.729.068.000	1.343.971.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>186.122.728.000</b>	<b>44.311.356.147</b>

**35.2 Cam kết góp vốn**

Vào ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

	VND		
	Số cuối năm và số đầu năm		
	Vốn cam kết	Vốn đã góp	Vốn còn phải góp
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Eco Consumer	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty TNHH Adlink Network (*)	13.300.000.000	10.538.000.000	2.762.000.000
Công ty TNHH i Talent (*)	2.000.000.000	40.000.000	1.960.000.000
Công ty TNHH i Talent (*)	2.000.000.000	120.000.000	1.880.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.630.060.000</b>	<b>10.720.000.000</b>	<b>28.910.060.000</b>

(\*) Vào ngày 15 tháng 1 năm 2024, Nhóm Công ty đã góp vốn đủ vào các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện, quảng cáo trên kênh truyền hình, cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông và bán lẻ.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Quảng cáo trên kênh truyền hình	Quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	Cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	Bản lẻ và bán hàng khác	Loại trừ	Tổng cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>						
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	55.808.304.312	112.179.327.639	232.524.429.640	1.154.723.409	-	411.666.784.900
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	-	-	99.255.262.853	-	(99.255.262.853)	-
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>55.808.304.312</b>	<b>112.179.327.639</b>	<b>331.779.692.393</b>	<b>1.154.723.409</b>	<b>(99.255.262.853)</b>	<b>411.666.784.900</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Kết quả kinh doanh bộ phận	(57.678.306.254)	42.136.893.971	201.886.381.224	(1.632.423.669)	(39.526.693.354)	115.185.831.908
Chi phí không phân bổ						(81.160.974.448)
Lợi nhuận từ công ty liên kết						(4.853.955.053)
Doanh thu tài chính						43.586.401.680
Chi phí tài chính						(23.482.415.579)
Lợi nhuận khác						(20.350.770.574)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>						<b>28.924.117.934</b>
Chi phí thuế TNDN						1.546.560.456
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						(3.950.719.052)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>						<b>26.518.959.327</b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>						
Tài sản và công nợ						
Tài sản bộ phận	239.921.365.090	94.910.625.581	1.118.636.288.508	421.062.863.621	(368.751.341.730)	1.505.779.601.070
Tài sản không phân bổ						354.618.441.299
<b>Tổng tài sản</b>						<b>1.860.398.042.369</b>
Công nợ bộ phận	203.530.940.123	271.619.801.315	336.354.653.828	52.133.832.137	(453.439.134.593)	410.200.092.610
Công nợ không phân bổ						66.898.810.500
<b>Tổng công nợ</b>						<b>477.098.903.310</b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau (tiếp theo):

	Quảng cáo trên kênh truyền hình	Quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	Cung dịch vụ và thương mại truyền thông	Bán lẻ và bán hàng khác	Loại trừ	Tổng cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>						
Doanh thu thuần từ khách hàng bán ngoài	73.363.626.218	163.106.070.053	70.133.212.252	7.519.397.791	-	314.124.306.314
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	298.309.091	6.816.944	18.270.921.985	13.911.187.839	(32.487.235.859)	
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>73.661.935.309</b>	<b>163.114.886.997</b>	<b>88.404.134.237</b>	<b>21.430.585.630</b>	<b>(32.487.235.859)</b>	<b>314.124.306.314</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Kết quả kinh doanh bộ phận	15.396.876.505	42.147.158.032	54.256.230.831	3.735.030.354	(11.056.800.970)	104.478.655.752
Chi phí không phân bổ						(114.042.924.727)
Lợi nhuận từ công ty liên kết						505.897.455
Doanh thu tài chính						47.340.388.199
Chi phí tài chính						(9.021.747.176)
Lợi nhuận khác						(345.291.142)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>						<b>28.915.008.361</b>
Chi phí thuế TNDN						(6.456.274.449)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại						2.432.126.402
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>						<b>24.890.860.314</b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>						
Tài sản và công nợ	102.577.141.405	204.397.542.988	1.312.558.513.247	508.814.231.471	(1.098.671.475.205)	1.029.675.953.906
Tài sản bộ phận						211.301.929.154
Tài sản không phân bổ						<b>1.240.977.893.060</b>
<b>Tổng tài sản</b>						<b>316.583.443.209</b>
Công nợ bộ phận	71.559.577.112	281.883.197.165	149.721.516.997	35.776.189.332	(222.367.037.397)	17.614.260.119
Công nợ không phân bổ						<b>334.197.703.328</b>
<b>Tổng công nợ</b>						<b>334.197.703.328</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngoài các sự kiện được trình bày ở Thuyết minh số 4.3, 24.1 và 35.2 không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

  
Lưu Anh Khoa  
Người lập

  
Nguyễn Thị Khánh Trang  
Kế toán trưởng

  
  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực 0.5.2.3.1.5, ngày số: 01 SCT/BS

Ngày: 13-12-2024

CÔNG CHỨNG VIÊN  
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC

  
  
Văn Thị Mỹ Đức



CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN YEAH1

Số: 686/2405/CV/YEG

V/v Thông tin trên Báo cáo tài chính riêng  
và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán cho  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước,  
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1.

Ngày 29 tháng 05 năm 2024, Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") đã công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, hệ thống công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và trang thông tin điện tử của Công ty. Tuy nhiên, qua rà soát sau đó, Công ty đã phát hiện sai sót trong thông tin được trình bày tại Thuyết minh số 17 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, Thuyết minh số 21.3 – Cổ phiếu của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, do sơ suất trong khâu soạn thảo. Chi tiết như sau:

Thông tin có sai sót được trình bày tại Thuyết minh số 17 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Báo cáo tài chính riêng đã phát hành:

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm/Điều chỉnh giảm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	863.341.881	14.238.615.910	(14.090.954.080)	1.011.003.711
Thuế thu nhập cá nhân	513.847.333	4.232.739.147	(4.453.815.747)	292.770.733
Thuế nhà thầu	-	234.097.989	-	234.097.989
Khác	2.064.245.638	-	(2.064.245.638)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.441.434.852</b>	<b>18.705.453.046</b>	<b>(20.609.015.465)</b>	<b>1.537.872.433</b>

Thông tin đúng của Thuyết minh số 17 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Báo cáo tài chính riêng:

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm/Điều chỉnh giảm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	863.341.881	14.238.615.910	(14.090.954.080)	1.011.003.711
Thuế thu nhập cá nhân	513.847.333	4.232.739.147	(4.453.815.747)	292.770.733
Thuế nhà thầu	-	234.097.989	-	234.097.989
Khác	2.064.245.638	-	(2.064.245.638)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.441.434.852</b>	<b>18.705.453.046</b>	<b>(20.609.015.465)</b>	<b>1.537.872.433</b>





Thông tin có sai sót được trình bày tại Thuyết minh số 21.3 – Cổ phiếu của Báo cáo tài chính riêng đã phát hành:

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã đăng ký	131.353.264	31.279.968
Cổ phiếu quỹ	131.353.264	31.279.968
Cổ phiếu phổ thông	131.353.264	31.279.968
Cổ phiếu đang lưu hành	131.353.264	31.279.968
Cổ phiếu phổ thông	131.353.264	31.279.968

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Thông tin đúng của Thuyết minh số 21.3 – Cổ phiếu của Báo cáo tài chính riêng:

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã đăng ký	131.353.264	31.279.968
Cổ phiếu đã phát hành	131.353.264	31.279.968
Cổ phiếu phổ thông	131.353.264	31.279.968
Cổ phiếu đang lưu hành	131.353.264	31.279.968
Cổ phiếu phổ thông	131.353.264	31.279.968

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã công bố.

Chúng tôi xin thông tin đến Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Quý cổ đông Công ty các nội dung như trên.

Văn bản này được đính kèm với Báo cáo tài chính riêng kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



CHẾ ĐOÀN VIÊN

0118000  
CÔNG TY  
KHUẾ HỮU  
IT & YOU  
ÉT NAM  
TP. HỒ CHÍ MINH  
102  
V.P  
IG C  
THỊ A  
T.P.H

01502171  
CÔNG TY  
ĐỒ PHÂN  
TẬP ĐOÀN  
YEAH1  
TP. HỒ CHÍ MINH

**Ý KIẾN CỦA ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN**

Chúng tôi đã xem xét và đồng ý với các giải trình tại Công văn số 686/2405/CV/YEG ngày 29 tháng 05 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") liên quan tới thông tin trình bày tại Thuyết minh số 17 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, Thuyết minh số 21.3 – Cổ phiếu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã phát hành ngày 29 tháng 03 năm 2024.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng phát hiện sai sót trong thông tin về số Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán của Kiểm toán viên Tôn Thiện Bảo Ngọc được trình bày tại Báo cáo kiểm toán độc lập của Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã phát hành vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, do sơ suất trong khâu soạn thảo. Theo đó, thông tin đúng về số Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán của Kiểm toán viên Tôn Thiện Bảo Ngọc là 4177-2022-004-1.

**THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO  
CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực 0.5.2.3.1.9...Quyển số: 01SCT/BS

Ngày: 13-12-2024

**CÔNG CHỨNG VIÊN**

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC**

NGUYỄN QUỐC HOÀNG



*Vũ Thu Hải*

CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN YEAH1

Số: 33-2401-UQ-YEH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp HCM, ngày 30 tháng 1 năm 2024

**GIẤY ỦY QUYỀN**

- Căn cứ GCNĐKKD số 0304592171 do Sở KH-ĐT Tp. HCM cấp cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1;
- Căn cứ quyền hạn của Người đại diện theo pháp luật của Công ty;

Tôi, ký tên dưới đây, **NGÔ THỊ VĂN HẠNH**, là Bên ủy quyền, với tư cách là Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty"), ủy quyền cho:

Ông : **CHÊ ĐOÀN VIÊN**  
Sinh ngày : 04/09/1985  
CCCD số : 068085004068 Cấp ngày: 09/01/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH  
Thường trú tại : 05 Lê Hồng Phong, phường 4, Thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng  
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc Tài chính

("Bên nhận ủy quyền")

Bằng giấy ủy quyền này, Bên nhận ủy quyền được thay mặt cho Bên ủy quyền ký các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 và các văn bản giải trình liên quan đến các báo cáo tài chính của Công ty với tư cách là đại diện hợp pháp của Công ty.

Bên nhận ủy quyền chỉ được thực hiện công việc trong phạm vi ủy quyền và có trách nhiệm báo cáo Bên ủy quyền kết quả xử lý công việc trong phạm vi ủy quyền.

Giấy Ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 1 năm 2024 cho đến khi có văn bản khác thay thế.

**Nơi nhận:**

- Ông Chê Đoàn Viên;
- Các phòng ban, bộ phận, đơn vị có liên quan;
- Lưu Văn thư.

**BÊN NHẬN ỦY QUYỀN**  
Phó Tổng Giám đốc Tài chính

**CHÊ ĐOÀN VIÊN**

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 05.23.2.0. Quyển số: 01SCT/BS

Ngày: 13-12-2024

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC**



*Vũ Thu Hải*



**BÊN ỦY QUYỀN**  
Đại diện theo pháp luật  
TẬP ĐOÀN  
**YEAH1**

**NGÔ THỊ VĂN HẠNH**

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1-2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4-5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9-10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-57

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2006 và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 31 cấp ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch, Thành viên độc lập	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên độc lập	
Ông Kim Min Soo	Thành viên	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên	miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2024

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc

Ông Chế Đoàn Viên được Bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 102A-2404-GUQ-YEG có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày như được trình bày trong *Thuyết minh số 17.1* của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 để ngày 29 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN  
YEAH1

Chế Đoàn Viên  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024





Building a better  
working world.

EYNT & Vietnam Limited  
10th Floor, BNP Paribas Tower  
239A Trần Hưng Đạo, Quận 1  
111 Đường Mê Linh, SJC, Hồ Chí Minh

Tel: +84 (0) 28 3324 3432  
Fax: +84 (0) 28 3824 3250  
ey.com

Số tham chiếu: 12925844/67736242/LR

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 57, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better  
working world

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CND/KHN kiểm toán  
Số: 2787-2022-004-1

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 053779 Quyển số: 01SCT/BS

Ngày: 23-12-2024

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024



*Lô Anh Tuấn*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>632.649.559.933</b>	<b>550.345.281.762</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>108.466.715</b>	<b>6.392.544.437</b>
111	1. Tiền		108.466.715	2.192.544.437
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.200.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>230.000.000</b>	<b>230.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		230.000.000	230.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>608.074.835.398</b>	<b>522.012.565.290</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	124.663.664.356	112.326.811.147
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	20.652.084.188	2.549.093.165
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	308.876.088.402	270.238.767.925
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	176.988.188.225	159.015.726.054
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(23.105.189.773)	(22.117.833.001)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>23.941.409.104</b>	<b>18.471.428.571</b>
141	1. Hàng tồn kho	12	23.941.409.104	18.471.428.571
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>294.848.716</b>	<b>3.238.743.464</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	294.848.716	3.238.743.464
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.423.904.093.132</b>	<b>1.393.011.400.848</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>241.265.483.496</b>	<b>227.793.196.854</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	11.843.075.396	21.412.263.754
216	2. Phải thu dài hạn khác	10	229.422.408.100	206.380.933.100
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>95.116.117.544</b>	<b>78.555.370.522</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	339.592.111	181.819.198
222	Nguyên giá		903.492.862	695.101.954
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(563.900.751)	(513.282.756)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	94.776.525.433	78.373.551.324
228	Nguyên giá		112.422.555.209	85.512.962.231
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(17.646.029.776)	(7.139.410.907)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>17</b>	<b>1.079.795.494.777</b>	<b>1.080.639.622.715</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.415.064.412.233	1.342.337.412.233
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		128.756.250.000	231.761.250.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.715.625.000	17.715.625.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(481.740.792.456)	(511.174.664.518)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.726.997.315</b>	<b>1.023.210.757</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.726.997.315	1.023.210.757
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.056.553.653.065</b>	<b>1.943.356.682.610</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>371.575.792.613</b>	<b>259.891.332.597</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>332.546.909.895</b>	<b>165.525.413.280</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	61.404.457.720	67.795.676.253
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	23.239.123.098	24.616.965.143
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	5.957.500.738	1.537.872.433
314	4. Phải trả người lao động		4.382.928.361	1.529.147.261
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	3.851.229.025	5.287.267.886
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	31	319.400.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	65.033.102.099	41.747.660.304
320	8. Vay ngắn hạn	23	168.359.168.854	23.010.824.000
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>39.028.882.618</b>	<b>94.365.919.317</b>
338	1. Vay dài hạn	23	39.028.882.618	94.365.919.317
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.684.977.860.552</b>	<b>1.683.465.350.013</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	24	<b>1.684.977.860.552</b>	<b>1.683.465.350.013</b>
411	1. Vốn cổ phần		1.313.532.640.000	1.313.532.640.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.313.532.640.000	1.313.532.640.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		140.518.254	140.518.254
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		371.304.702.298	369.792.191.759
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		369.792.191.759	317.666.606.594
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.512.510.539	52.125.585.165
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.056.553.653.065</b>	<b>1.943.356.682.610</b>

  
Lưu Anh Khoa  
Người lập

  
Nguyễn Thị Khánh Trang  
Kế toán trưởng



  
Chế Đoàn Viên  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	25.1	105.433.919.116	28.797.278.573
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	26	(79.046.244.542)	(21.074.843.218)
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		26.387.674.574	7.722.435.355
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	13.872.592.832	33.613.598.865
22	5. Chi phí tài chính	27	(7.521.209.279)	(9.732.071.627)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(7.521.209.279)	(9.732.071.627)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(30.302.718.175)	(7.957.814.626)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.436.339.952	23.646.147.967
31	8. Thu nhập khác		280.407	-
32	9. Chi phí khác		(924.109.820)	(2.296.984)
40	10. Lỗ khác		(923.829.413)	(2.296.984)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.512.510.539	23.643.850.983
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	-	-
52	13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.512.510.539	23.643.850.983

  
Lưu Anh Khoa  
Người lập

  
Nguyễn Thị Khánh Trang  
Kế toán trưởng

  
Chế Đoàn Viên  
Phó Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>1.512.510.539</b>	<b>23.643.850.983</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	14, 15	10.557.236.864	85.746.588
03	Dự phòng		987.356.772	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(13.872.470.012)	(23.619.653.896)
06	Chi phí lãi vay	27	7.521.209.279	9.732.071.627
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>6.705.843.442</b>	<b>9.842.015.302</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(20.662.336.829)	(31.917.890.797)
10	Tăng hàng tồn kho		(5.469.980.533)	(69.884.800)
11	Tăng các khoản phải trả		6.803.651.037	1.245.653.183
12	Giảm chi phí trả trước		1.240.108.190	1.945.511.537
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.032.669.498)	(975.048.928)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(15.415.384.191)</b>	<b>(19.929.644.503)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(39.654.622.943)	(1.120.247.959)
23	Tiền chi cho vay		(71.208.266.640)	(67.559.714.853)
24	Tiền thu hồi cho vay		42.140.134.521	102.710.608.605
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(42.782.400.000)	(353.071.250.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		16.000.000.000	13.983.200.000
27	Thu lãi tiền gửi và cổ tức		14.625.153.376	25.318.142.353
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(80.880.001.686)</b>	<b>(279.739.261.854)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	23	138.899.656.007	327.135.916.260
34	Tiền trả nợ gốc vay	23	(48.888.347.852)	(41.266.141.217)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>90.011.308.155</b>	<b>285.869.775.043</b>

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(6.284.077.722)	(13.799.131.314)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		6.392.544.437	17.365.013.108
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	108.466.715	3.565.881.794

  
Lưu Anh Khoa  
Người lập

  
Nguyễn Thị Khánh Trang  
Kế toán trưởng

  
Phó Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006 và điều chỉnh gần nhất lần thứ 31 cấp ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 95 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 77).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 17.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 để ngày 29 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- ▶ Hàng hóa và bản quyền chương trình: chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh, và
- ▶ Chi phí sản xuất dở dang: giá gốc bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp thực tế đích danh và bình quân gia quyền tùy vào đặc thù của từng loại chi phí.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và chu kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (tiếp theo)*

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.5 Thuế tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuế tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Chương trình phim ngắn	5 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 - 44 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt hoặc xây dựng tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị của Nhóm Công ty mà chưa hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Chi phí xây dựng cơ bản không được khấu trừ cho đến khi nó đã hoàn thành và đưa vào hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi liên vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

#### 3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- ▶ Phí dịch vụ trả trước khác.

#### 3.11 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư vào các công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 5 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình mật thiết trong gia đình của họ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM**

**4.1 Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam (“Netlink Việt Nam”)**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 6 tháng 5 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 188/2404/NQ/HĐQT/YEG ngày 19 tháng 4 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 40.320 cổ phần tương ứng với 16% tỷ lệ sở hữu trong Netlink Việt Nam từ Công ty Cổ phần Tera Ventures với giá trị chuyển nhượng là 47.088.000.000 VND theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 186-2404-HĐCNCP.Netlink-YEG-Ventures ngày 19 tháng 4 năm 2024 và tại ngày này, Netlink Việt Nam sở hữu hai công ty con là Công ty TNHH Yeah1 Publishing (“Yeah1 Publishing”) và Netlink Communication Technology Ltd. (“Netlink Communication”). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Netlink Việt Nam tăng từ 35% lên 51% và Netlink Việt Nam, Yeah1 Publishing và Netlink Communication trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

**4.2 Chuyển nhượng cổ phần trong các công ty con hiện hữu**

*Công ty TNHH STVProduction (“STVPro”) và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (“STV”)*

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng lại 100% vốn góp của STVPro cho STV, công ty con của Công ty, với giá chuyển nhượng là 10.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 80-2403-HĐCN-YEG-STV cùng ngày. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong STVPro giảm từ 100% xuống 51% kể từ ngày này.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51% tỷ lệ sở hữu trong STV cho đối tác với giá chuyển nhượng là 40.000.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 125-2403-HĐCN-YEG-NNQ và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày. Theo đó, STV không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này và STVPro cũng không còn là công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

*Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ (“YES”)*

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 730.000 cổ phần, tương ứng với 67% cổ phần của YES cho đối tác với giá chuyển nhượng là 10.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 788-2406-HĐCNCP/YEG-NTTV cùng ngày và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong YES giảm từ 67% xuống 0% và YES không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

*Công ty Cổ phần YAG Entertainment (“YAG”)*

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 1.564.000 cổ phần, tương ứng với 85% cổ phần của YAG cho đối tác với giá chuyển nhượng là 85.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 789/2506/HĐCNCP/YEG/LAK và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong YAG giảm từ 85% xuống 0% và YAG không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

*Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam (“AppNews”)*

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 1.330.000 cổ phần, tương ứng với 70% cổ phần của AppNews cho đối tác với giá chuyển nhượng là 3.050.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 790/2406/HĐCNCP/YEG/DDB cùng ngày và Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong AppNews giảm từ 70% xuống 0% và AppNews không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM**

**4.3 Góp vốn thành lập các công ty con và công ty liên kết**

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 81/2403/NQHĐQT/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2024, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần 1Label ("1Label") và đã nhận được GCNĐKDN số 0318347998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong 1Label là 51%.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 776/2406/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 26 tháng 6 năm 2024, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam ("Meta Blossom") với số vốn cam kết góp là 2.000.000.000 VND tương ứng 40% vốn điều lệ của Meta Blossom. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn điều lệ tại Meta Blossom. (Thuyết minh số 32.2)

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền gửi ngân hàng	108.466.715	2.192.544.437
Các khoản tương đương tiền	-	4.200.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>108.466.715</b>	<b>6.392.544.437</b>

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,85%/năm đến 9%/năm.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Tera Group	48.131.049.443	52.456.952.000
Công ty Cổ phần Ban Media	23.194.638.193	22.854.759.622
Công ty Cổ phần Tổ hợp truyền thông STV (*)	6.770.205.688	22.360.890.688
Khác	46.567.771.032	14.654.208.837
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>124.663.664.356</b>	<b>112.326.811.147</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 11)	(1.798.983.364)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>122.864.680.992</b>	<b>112.326.811.147</b>
Trong đó:		
Các bên khác	91.864.713.242	25.788.366.350
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	32.798.951.114	86.538.444.797

(\*) Khoản phải thu này và khoản phải thu về cho vay và phải thu khác được trình bày lần lượt ở Thuyết minh số 9 và 10 được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 921/2409/TTBL/YEG-HVUC-ĐĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bỏ Công Anh	14.500.000.000	-
Công ty Cổ phần King Production	5.081.590.807	2.396.400.000
Khác	1.070.493.381	152.693.165
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.652.084.188</b>	<b>2.549.093.165</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)	(329.450)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>20.651.754.738</b>	<b>2.549.093.165</b>
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	14.500.000.000	-
Các bên khác	6.152.084.188	2.549.093.165

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>308.876.088.402</b>	<b>270.238.767.925</b>
Cho các bên khác vay	295.176.088.402	172.970.431.925
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 31)	13.700.000.000	97.268.336.000
<b>Dài hạn</b>	<b>11.843.075.396</b>	<b>21.412.263.754</b>
Cho bên khác vay	7.618.075.396	7.171.575.396
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 31)	4.225.000.000	14.240.688.358
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>320.719.163.798</b>	<b>291.651.031.679</b>



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

809a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
<b>Cho các bên khác vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Vital Investments Group Trần Minh Việt	114.106.821.919	Ngày 1 tháng 12 năm 2024	8,5	Tin chấp
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	45.960.311.001	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	8	Tin chấp
Công ty Cổ phần Tera Group	45.220.500.000	Từ ngày 7 tháng 11 năm 2024 đến ngày 14 tháng 3 năm 2025	10,5 – 11	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	43.840.000.000	Từ ngày 29 tháng 9 năm 2024 đến ngày 21 tháng 6 năm 2025	10,5	Tin chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	20.663.836.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2024 đến ngày 13 tháng 12 năm 2024	6 – 8	Tin chấp
Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	9.090.000.000	Từ ngày 16 tháng 8 năm 2024 đến ngày 17 tháng 8 năm 2024	10,5	Tin chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	5.307.568.421	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2025 đến ngày 17 tháng 6 năm 2025	10,5	Tin chấp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	5.134.862.703	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại Sư Trẻ	3.660.000.000	Từ ngày 15 tháng 9 năm 2024 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	8 – 11	Tin chấp
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT	1.547.188.358	Ngày 2 tháng 1 năm 2025	8	Tin chấp
Công ty Cổ phần Zeraz Creative	300.000.000	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2024 đến ngày 13 tháng 5 năm 2025	10,5	Tin chấp
Công ty Cổ phần Truyền Thông On+	300.000.000	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2025 đến ngày 14 tháng 6 năm 2025	10,5	Tin chấp
	45.000.000	Ngày 26 tháng 1 năm 2025	10,5	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>295.176.088.402</b>			

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau: (tiếp theo)

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
<b>Cho các bên liên quan vay ngắn hạn (Thuyết minh số 31)</b>				
Công ty TNHH Yeah1 Up	8.394.000.000	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2024 đến ngày 21 tháng 6 năm 2025	10,5 – 11	Tin chấp
Công ty Cổ phần Finbase	4.856.000.000	Từ ngày 18 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 5 năm 2025	8 – 11	Tin chấp
Công ty Cổ phần 1Game	450.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	8	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.700.000.000</b>			
<b>Cho các bên khác vay dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam - Trực tuyến	4.074.300.000	Từ ngày 11 tháng 7 năm 2025 đến ngày 17 tháng 3 năm 2026	8	Tin chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại Sư Trẻ	1.762.500.000	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2025 đến ngày 18 tháng 2 năm 2026	8 – 8,7	Tin chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	1.181.275.396	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2025 đến ngày 11 tháng 11 năm 2025	8	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT	300.000.000	Từ ngày 20 tháng 7 năm 2025 đến ngày 17 tháng 8 năm 2025	10,5	Tin chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	300.000.000	Ngày 3 tháng 10 năm 2025	8	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.618.075.396</b>			
<b>Cho các bên liên quan vay dài hạn (Thuyết minh số 31)</b>				
Công ty Cổ phần 1Game	2.525.000.000	Từ ngày 31 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 5 năm 2026	8 – 11	Tin chấp
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	930.000.000	Từ ngày 23 tháng 8 năm 2025 đến ngày 2 tháng 10 năm 2025	10,5 – 11	Tin chấp
Công ty TNHH 1Production	480.000.000	Từ ngày 29 tháng 5 năm 2026 đến ngày 14 tháng 6 năm 2026	10,5 – 11	Tin chấp
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1	290.000.000	Từ ngày 7 tháng 11 năm 2025 đến ngày 15 tháng 4 năm 2026	10,5	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.225.000.000</b>			

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 10. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>176.988.188.225</b>	<b>159.015.726.054</b>
Tạm ứng nhân viên	71.372.333.165	66.600.322.319
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	62.605.963.908	67.911.013.887
<i>Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (i)</i>	26.163.157.895	26.163.157.895
<i>Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (ii)</i>	19.600.000.000	19.600.000.000
<i>Công ty TNHH STV Production (iii)</i>	9.679.042.569	7.773.261.957
<i>Phải thu từ đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (iv)</i>	7.163.763.444	4.380.844.035
<i>Công ty Cổ phần Unicorn Venture</i>	-	9.993.750.000
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp	13.145.000.000	-
<i>Nguyễn Ngọc Quỳnh (v)</i>	10.000.000.000	-
<i>Các cá nhân khác</i>	3.145.000.000	-
Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi	21.098.932.351	21.952.487.777
Phải thu từ thu hộ	7.204.336.473	-
<i>Công ty TNHH 1Production (iii)</i>	6.124.336.473	-
<i>Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam (iii)</i>	1.080.000.000	-
Đặt cọc	1.358.422.450	1.512.711.125
Khác	203.199.878	1.039.190.946
<b>Dài hạn</b>	<b>229.422.408.100</b>	<b>206.380.933.100</b>
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (vi)	199.875.000.000	199.875.000.000
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp (v)	24.000.000.000	-
Đặt cọc	5.547.408.100	6.505.933.100
<b>TÓNG CỘNG</b>	<b>406.410.596.325</b>	<b>365.396.659.154</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khô đổi	<u>(21.305.876.959)</u>	<u>(22.117.833.001)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>385.104.719.366</u></b>	<b><u>343.278.826.153</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	397.374.585.646	319.066.920.523
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	9.036.010.679	46.309.738.631

- (i) Theo biên bản đối trừ công nợ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cab Việt Nam ("VTVcab") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV"), VTVcab thực hiện bù trừ nghĩa vụ góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh được nêu trong Mục (iv) với số tiền là 26.163.157.895 VND với số dư công nợ của STV. Theo đó, Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu từ STV. Khoản phải thu này và khoản phải thu khách hàng và khoản phải thu về cho vay khác được trình bày lần lượt ở *Thuyết minh số 7 và 9* được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 921/2408/TTBL/YEG-HVUC-ĐĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 8 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

- (ii) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 VND, trong đó, Công ty đóng góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 VND và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 VND.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2018, Công ty và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng 6 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018. Vào ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Ban Tổng Giám đốc đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 2.100.000.000 VND.

- (iii) Theo Hợp đồng Ủy quyền số 539-2309-HĐNT-YEG-STVPRO ngày 1 tháng 7 năm 2023 và Hợp đồng số 66-2402-HĐTH-YEG-STVPRO ngày 1 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty và STVPro, Công ty ủy quyền cho STVPro sản xuất và thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại cho các Dự án như được nêu ở Mục (iv). Đây là khoản phải thu STVPro từ thu chi hộ cho các Dự án theo các Biên bản Bù trừ Công nợ.

Theo hợp đồng ủy quyền số 51-2403-HĐUQ-1PRO-YEG ngày 1 tháng 2 năm 2024 và 195/2406/HĐUQ/1PRO-YEG ngày 19 tháng 2 năm 2024 giữa Công ty và 1Production, Công ty ủy quyền cho 1Production sản xuất và thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại. Đây là khoản phải thu 1Production từ thu chi hộ theo các Biên bản đối soát Công nợ.

Theo các hợp đồng ủy quyền giữa Công ty và Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam ("Y1N"), Công ty ủy quyền cho Y1N thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại. Đây là khoản phải thu Y1N từ thu chi hộ theo các Biên bản đối soát Công nợ.

- (iv) Vào ngày 16 tháng 6 năm 2023, Công ty đã ký Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chi đẹp đạp gió rê sóng mùa 1" ("Dự án") với VTVCab. Theo đó, giá trị vốn góp của Dự án là 63.000.000.000 VND và tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ phân chia doanh thu, chi phí Dự án của Công ty và VTVCab là 50:50. Công ty chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho hoạt động kinh doanh của Dự án. Vào ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với VTVCab để tập hợp và nghiệm thu toàn bộ doanh thu, chi phí của Dự án.

- (v) Đây là khoản phải thu từ chuyển nhượng cổ phần của STV (Thuyết minh số 4.2), đến hạn thanh toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2026.

- (vi) Theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture"), để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 199.875.000.000 VND. Theo đó, Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẻ cho Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẻ cho Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGÁN HẠN KHÓ ĐÒI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023			VND
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	3.522.790.853	1.988.430.308	(1.534.360.545)	2.490.070.000	1.743.049.000	(747.021.000)	
Công ty Cổ phần Phát triển Up Công nghệ	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	523.907.131	119.783.496	(404.123.635)	523.907.131	261.953.565	(261.953.565)	
Công ty TNHH Yeah1 Vision Khác	149.824.729	-	(149.824.729)	149.824.729	-	(149.824.729)	
	3.689.832.379	3.272.951.515	(416.880.864)	1.675.335.920	1.315.302.214	(359.033.706)	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>28.486.355.092</b>	<b>5.381.165.319</b>	<b>(23.105.189.773)</b>	<b>25.439.137.780</b>	<b>3.321.304.779</b>	<b>(22.117.833.001)</b>	

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chương trình và phim được mua (*)	18.471.428.571	18.471.428.571
Chương trình phim ngắn đang sản xuất	3.069.116.645	-
Bản quyền chương trình	2.400.863.888	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.941.409.104</u></b>	<b><u>18.471.428.571</u></b>

(\*) Đây là chi phí mua quyền sử dụng các bản ghi âm, ghi hình, phim và các chương trình thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng của STV. Công ty dự kiến chuyển nhượng lại quyền này cho các đối tác.

### 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>294.848.716</b>	<b>3.238.743.464</b>
Công cụ, dụng cụ	218.458.186	23.183.793
Phí dịch vụ trả trước	36.390.530	2.608.454.005
Khác	40.000.000	607.105.666
<b>Dài hạn</b>	<b>2.726.997.315</b>	<b>1.023.210.757</b>
Công cụ, dụng cụ	2.259.318.042	294.937.452
Phí dịch vụ trả trước	32.336.585	203.358.285
Chi phí cải tạo văn phòng	-	411.547.424
Khác	435.342.688	113.367.596
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.021.846.031</u></b>	<b><u>4.261.954.221</u></b>

### 14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND	
	<i>Máy móc thiết bị</i>	
<b>Nguyên giá</b>		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023		695.101.954
Mua mới		208.390.908
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024		<u>903.492.862</u>
Trong đó:		
<i>Đã khấu hao hết</i>		263.246.000
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023		(513.282.756)
Khấu hao trong kỳ		(50.617.995)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024		<u>(563.900.751)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023		181.819.198
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024		<u>339.592.111</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Chương trình phim ngân (*)	Nhãn hiệu, tên thương mại	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
VND				
<b>Nguyên giá</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	82.863.580.077	2.489.382.154	160.000.000	85.512.962.231
Mua mới	26.909.592.978	-	-	26.909.592.978
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	109.773.173.055	2.489.382.154	160.000.000	112.422.555.209
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(6.356.744.916)	(769.332.656)	(13.333.335)	(7.139.410.907)
Hao mòn trong kỳ	(10.461.163.805)	(29.455.062)	(16.000.002)	(10.506.618.959)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(16.817.908.721)	(798.787.718)	(29.333.337)	(17.646.029.776)
<b>Giá trị còn lại</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	76.506.835.161	1.720.049.498	146.666.665	78.373.551.324
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	92.955.264.334	1.690.594.436	130.666.663	94.776.525.433

(\*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngân độc quyền mà Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác. Vào ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>

**17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 17.1)	1.415.064.412.233	1.342.337.412.233
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 17.2)	128.756.250.000	231.761.250.000
Đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh số 17.3)	<u>17.715.625.000</u>	<u>17.715.625.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.561.536.287.233</u></b>	<b><u>1.591.814.287.233</u></b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(481.740.792.456)</u>	<u>(511.174.664.518)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>1.079.795.494.777</u></b>	<b><u>1.080.639.622.715</u></b>



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 17.1 Đầu tư vào các công ty con

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 12 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15 công ty con trực tiếp):

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
			Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp (%)
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1	Công nghệ, bán buôn	588.167.412.233	-	99,99	588.167.412.233	-	99,99
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Quảng cáo, sản xuất chương trình	399.900.000.000	(399.900.000.000)	99,98	399.900.000.000	(399.900.000.000)	99,98
3	Netlink Việt Nam (Thuyết minh số 4.1)	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	150.345.000.000	-	51,00	-	-	-
4	Công ty TNHH 1 Production	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	139.000.000.000	-	100,00	139.000.000.000	-	100,00
5	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và tham dò dư luận	79.910.000.000	(32.352.924.293)	99,89	79.910.000.000	(32.352.924.293)	99,89
6	Công ty Cổ phần Giải Trí Ana (trước đây là "Công ty Cổ phần Giải Trí Yeah1")	Quảng cáo, sản xuất chương trình	29.700.000.000	(29.700.000.000)	99,00	29.700.000.000	(29.700.000.000)	99,00
7	Công ty TNHH Yeah1 Up	Quảng cáo, sản xuất chương trình	23.000.000.000	(6.620.503.672)	92,00	23.000.000.000	(6.620.503.672)	92,00

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

809a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 17.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 12 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15 công ty con trực tiếp): (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
			Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp %	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp %
8	Công ty TNHH 1Talents	Dịch vụ quảng cáo	2.000.000.000	-	100,00	120.000.000	-	100,00
9	Công ty TNHH Adlink Network	Dịch vụ quảng cáo	2.000.000.000	-	100,00	40.000.000	-	100,00
10	Công ty Cổ phần 1Label (Thuyết minh số 4.3)	Quảng cáo, sản xuất chương trình	1.020.000.000	-	51,00	-	-	-
11	Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1 (*)	Dịch vụ quảng cáo	12.000.000	-	50,98	12.000.000	-	50,98
12	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số (*)	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	10.000.000	-	51,00	10.000.000	-	51,00
13	Công ty Cổ phần Tổ Hợp Truyền thông STV (Thuyết minh số 4.2)	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	-	40.000.000.000	-	51,00
14	Công ty Cổ phần YAG Entertainment (Thuyết minh số 4.2)	Dịch vụ quảng cáo	-	-	-	15.640.000.000	(15.640.000.000)	85,00

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

809a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 17.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 12 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15 công ty con trực tiếp): (liếp theo)

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
			Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp %	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp %
15	Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam (Thuyết minh số 4.2)	Dịch vụ quảng cáo	-	-	-	10.538.000.000	(7.493.872.062)	70,00
16	Công ty TNHH STV Production (Thuyết minh số 4.2)	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	-	-	-	10.000.000.000	-	100,00
17	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại sứ Trẻ (Thuyết minh số 4.2)	Sản xuất phim, viết thông và quảng cáo	-	-	-	6.300.000.000	(6.300.000.000)	67,00
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.415.064.412.233</b>	<b>(470.573.427.965)</b>		<b>1.342.337.412.233</b>	<b>(500.007.300.027)</b>	

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại các công ty con này (Thuyết minh số 32.2).

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 17.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 4 công ty con gián tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023, 3 công ty con gián tiếp):

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
			Quyền sở hữu	Quyền biểu quyết	Quyền sở hữu	Quyền biểu quyết
			%	%	%	%
1	Công ty Cổ phần Gigagoods (*)	Bán lẻ	50,99	51,00	50,99	51,00
2	Công ty Cổ phần Phần phôi Gigawin (*)	Dịch vụ quảng cáo	58,99	59,00	58,99	59,00
3	Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Dịch vụ quảng cáo	47,94	94,00	-	-
4	Netlink Communication Technology Ltd	Tư vấn marketing, quảng cáo, gia công phần mềm, dịch vụ tư vấn quản lý, tổ chức sự kiện và nghiên cứu thị trường, thăm dò dư luận	51,00	100,00	-	-
5	Công ty TNHH MTV Style TV	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	51,00	100,00

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại các công ty con này (Thuyết minh số 32.2).

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 17.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 1 công ty liên kết trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023; 2 công ty liên kết trực tiếp):

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
			Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %
1	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital") (*)	Quảng cáo, sản xuất chương trình	126.756.250.000	-	35,00	128.756.250.000	-	35,00
2	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam (Thuyết minh số 4, 1)	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	-	-	-	103.005.000.000	-	35,00
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>128.756.250.000</b>	<b>-</b>		<b>231.761.250.000</b>	<b>-</b>	

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B08a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 17.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có các công ty con sở hữu 4 công ty liên kết như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023: các công ty con sở hữu 5 công ty liên kết):

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
			Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	50,00	49,99	50,00
2	Công ty Cổ phần Zmedia	Dịch vụ quảng cáo	24,99	25,00	24,99	25,00
3	Công ty Cổ phần Eco Consumer	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	50,00	49,99	49,99
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	Phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	-	-	13,40	20,00
5	Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	-	-	17,96	35,21

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09Sa-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 17.3 Đầu tư vào các công ty khác

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty khác như sau:

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
			Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %
1	Công ty Cổ phần 1Game (trước đây là "Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming")	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	8.100.000.000	(1.551.739.491)	18,00	8.100.000.000	(1.551.739.491)	18,00
2	Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40
3	Công ty Cổ phần Gamify	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00
4	Công ty Cổ phần Shopiness	Công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>17.715.625.000</b>	<b>(11.167.364.491)</b>		<b>17.715.625.000</b>	<b>(11.167.364.491)</b>	

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH STVProduction	45.112.400.002	41.866.666.668
Công ty TNHH 1Production	10.208.000.000	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	-	19.395.000.000
Các bên khác	6.084.057.718	6.534.009.585
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>61.404.457.720</b>	<b>67.795.676.253</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	49.950.103.444	4.263.249.709
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	11.454.354.276	63.532.426.544

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trả trước từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	21.488.569.372	24.616.965.143
Trả trước từ các bên khác	1.750.553.726	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.239.123.098</b>	<b>24.616.965.143</b>

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thuế giá trị gia tăng	1.011.003.711	1.154.014.760	(1.011.003.711)	1.154.014.760
Thuế thu nhập cá nhân	292.770.733	3.285.468.869	(968.330.628)	2.609.908.974
Thuế nhà thầu	234.097.989	1.970.470.257	(334.740.048)	1.869.828.198
Khác	-	323.748.806	-	323.748.806
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.537.872.433</b>	<b>6.733.702.692</b>	<b>(2.314.074.387)</b>	<b>5.957.500.738</b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Mua hàng	1.775.940.019	1.775.940.019
Chi phí lãi vay	1.315.777.320	191.764.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	529.510.910	529.510.910
Lương tháng 13	230.000.776	2.018.064.776
Chi phí phải trả Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ Truyền hình	-	771.987.797
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.851.229.025</b>	<b>5.287.267.886</b>
<i>Trong đó:</i>		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	3.091.717.339	1.967.704.403
Các bên khác	759.511.686	3.319.563.483

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	31.500.000.000	31.500.000.000
Phải trả các khoản nợ chi hộ cho việc sản xuất các Dự án chương trình (ii)	10.175.547.341	-
Lãi vay	7.042.343.600	4.677.816.755
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp (iii)	2.200.078.659	928.353.799
Phải trả do nhận chuyển nhượng cổ phần (Thuyết minh số 4.1)	9.417.600.000	-
Khác	4.697.532.499	4.641.489.750
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>65.033.102.099</b>	<b>41.747.660.304</b>
<i>Trong đó:</i>		
Các bên khác	50.004.137.621	38.826.473.587
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	15.028.964.478	2.921.186.717

- (i) Đây là khoản vốn góp nhận từ VTCab liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/MTVCab-YEAH và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chi đẹp đẹp gần rê sông mùa 1". (Thuyết minh số 10).
- (ii) Đây là khoản phải trả cho 1Production liên quan đến nợ chi hộ các khoản phải trả nhà cung cấp phục vụ cho việc sản xuất các Dự án sản xuất chương trình theo các hợp đồng ủy quyền. (Thuyết minh số 10).
- (iii) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đang ghi nhận khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp quá hạn với số tiền là 1.732.432.638 VND.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B08a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Phân loại lại	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>23.010.824.000</b>	<b>128.349.377.544</b>	<b>(47.724.682.168)</b>	<b>64.723.649.478</b>	<b>168.359.168.854</b>
Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23.2 và Thuyết minh số 31)	-	-	-	51.713.842.260	51.713.842.260
Vay cá nhân (Thuyết minh số 23.3)	2.000.000.000	51.387.000.000	(8.932.000.000)	-	44.455.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.1)	-	46.962.377.544	(16.968.259.538)	-	29.994.118.006
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 23.2 và Thuyết minh số 31)	8.750.000.000	25.220.000.000	(11.553.598.630)	-	22.416.401.370
Vay ngắn hạn dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23.1)	10.000.000.000	-	(5.000.000.000)	13.009.807.218	18.009.807.218
Vay các tổ chức khác (Thuyết minh số 23.4)	2.260.824.000	4.780.000.000	(5.270.824.000)	-	1.770.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>94.365.919.317</b>	<b>10.550.278.463</b>	<b>(1.163.665.684)</b>	<b>(64.723.649.478)</b>	<b>39.028.882.618</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.1)	37.500.000.000	9.850.278.463	(820.856.810)	(13.009.807.218)	33.519.614.435
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 23.2 và Thuyết minh số 31)	56.865.919.317	700.000.000	(342.808.874)	(53.633.110.443)	3.590.000.000
Vay tổ chức khác (Thuyết minh số 23.4)	-	-	-	1.919.268.183	1.919.268.183
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>117.376.743.317</b>	<b>138.899.656.007</b>	<b>(48.888.347.852)</b>	<b>-</b>	<b>207.388.051.472</b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 23. VAY (tiếp theo)

#### 23.1 Vay ngân hàng

Công ty vay các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	29.994.118.006	Từ ngày 2 tháng 6 năm 2025 đến ngày 24 tháng 6 năm 2025	8,2	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba

Công ty vay khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm thanh toán các khoản đầu tư mua tài sản cố định vô hình là bản quyền các tác phẩm phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm	Thế chấp

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định

Khoản vay 1	42.500.000.000	Từ ngày 15 tháng 8 năm 2024 đến ngày 15 tháng 8 năm 2028	- 11%/năm tính đến ngày 14 tháng 8 năm 2024 - Sau ngày 14 tháng 8 năm 2024 là lãi suất thả nổi	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 2	9.029.421.653	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2024 đến ngày 25 tháng 6 năm 2027	8	
	<b>51.529.421.653</b>			

Trong đó  
Vay dài hạn  
Vay dài hạn đến hạn trả

33.519.614.435  
18.009.807.218

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 *Vay bên liên quan (Thuyết minh số 31)*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Kỳ hạn trả nợ gốc</i>	<i>Lãi suất</i>
	<i>VND</i>		<i>%/năm</i>
<b><i>Vay ngắn hạn từ các bên liên quan</i></b>			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	15.040.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2024 đến ngày 14 tháng 6 năm 2025	10,5
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	2.330.000.000	Ngày 14 tháng 3 năm 2025	10,5
Công ty TNHH Vietnam Music Award	2.040.000.000	Từ ngày 30 tháng 3 năm 2025 đến ngày 29 tháng 5 năm 2025	10,5
Nguyễn Thị Thu Hương	1.600.000.000	Ngày 13 tháng 6 năm 2025	10,5
Công ty TNHH Tingting Network	700.000.000	Từ ngày 23 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 5 năm 2025	10,5
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink	506.401.370	Ngày 25 tháng 10 năm 2024	10,5
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	200.000.000	Ngày 4 tháng 6 năm 2025	10,5
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>22.416.401.370</u></b>		
<b><i>Vay dài hạn từ các bên liên quan</i></b>			
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	54.603.842.260	Từ ngày 27 tháng 3 năm 2025 đến ngày 16 tháng 8 năm 2025	8 – 10,5
Công ty TNHH 1Talents	700.000.000	Từ ngày 13 tháng 6 năm 2026 đến ngày 21 tháng 6 năm 2026	10,5
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>55.303.842.260</u></b>		
<i>Trong đó</i>			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>51.713.842.260</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	<i>3.590.000.000</i>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay cá nhân

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
Vũ Thị Tuyết Vân	38.000.000.000	Ngày 25 tháng 4 năm 2025	10,5
Nguyễn Thị Khánh Hòa	6.455.000.000	Từ ngày 3 tháng 2 năm 2025 đến ngày 28 tháng 6 năm 2025	10,5
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>44.455.000.000</u></b>		

23.4 Vay các tổ chức khác

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
<b>Vay ngắn hạn từ các bên khác</b>			
Công ty Cổ phần Ban Media	<u>1.770.000.000</u>	Từ ngày 14 tháng 3 năm 2025 đến 14 tháng 6 năm 2025	10,5
<b>Vay dài hạn từ các bên khác</b>			
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	<u>1.919.268.183</u>	Ngày 21 tháng 10 năm 2025	8

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B08a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1. *Tính hình tổng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
				VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	312.799.680.000	550.873.478.254	317.666.606.594	1.181.339.764.848
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	23.643.850.983	23.643.850.983
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	312.799.680.000	550.873.478.254	341.310.457.577	1.204.983.615.831
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.313.532.640.000	140.518.254	369.792.191.759	1.683.465.350.013
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.512.510.539	1.512.510.539
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.313.532.640.000	140.518.254	371.304.702.298	1.684.977.850.552

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Vào ngày 1 tháng 1 và ngày 30 tháng 6	<u>1.313.532.640.000</u>	<u>312.799.680.000</u>

24.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Cổ phiếu đăng ký</b>	<b>131.353.264</b>	<b>131.353.264</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>131.353.264</b>	<b>131.353.264</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>131.353.264</i>	<i>131.353.264</i>
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>131.353.264</b>	<b>131.353.264</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>131.353.264</i>	<i>131.353.264</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông	54.635.310.697	2.504.351.460
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	28.665.017.510	-
Doanh thu thuần về cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược	<u>22.233.590.909</u>	<u>26.292.927.113</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>105.433.919.116</u></b>	<b><u>28.797.278.573</u></b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>56.781.831.443</i>	<i>25.097.891.433</i>
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>48.652.087.673</i>	<i>3.699.387.140</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU (tiếp theo)

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.771.597.950	11.489.799.456
Lãi do thanh lý khoản đầu tư (Thuyết minh số 4.1 và 4.2)	100.872.062	-
Thu nhập cổ tức	-	12.129.854.440
Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	-	9.993.750.000
Khác	122.820	194.969
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.872.592.832</b>	<b>33.613.598.865</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	<i>9.400.884.151</i>	<i>30.388.051.738</i>
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>4.471.708.681</i>	<i>3.225.547.127</i>

26. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Giá vốn về quảng cáo và tư vấn truyền thông	54.589.485.082	2.352.790.909
Giá vốn về cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược	16.286.447.681	18.722.052.309
Chi phí cung cấp bản quyền nội dung số	8.170.311.779	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>79.046.244.542</b>	<b>21.074.843.218</b>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí lãi vay	7.521.209.279	9.732.071.627
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	<i>4.439.959.806</i>	<i>8.219.178.273</i>
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>3.081.249.473</i>	<i>1.512.893.354</i>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí nhân viên	15.329.180.068	5.249.838.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.016.421.130	2.480.853.873
Chi phí khấu hao và hao mòn	96.073.059	24.834.146
Khác	6.861.043.918	202.287.684
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>30.302.718.175</u></b>	<b><u>7.957.814.626</u></b>

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.924.857.448	10.669.576.544
Chi phí nhân viên	22.475.805.020	17.499.463.078
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 14 và 15)	10.557.236.864	85.746.588
Khác	6.861.043.918	723.326.180
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>114.818.943.250</u></b>	<b><u>28.978.112.390</u></b>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**30.1 Chi phí thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.512.510.539</b>	<b>23.643.850.983</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	302.502.108	4.728.770.197
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	1.244.512.748	458.748
Thu nhập cố tức	-	(2.425.970.888)
Lỗ thuế từ năm trước chuyển sang	(1.547.014.856)	(2.303.258.057)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**30.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**30.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có khoản lỗ tính thuế lũy kế là 101.640.802.505 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 109.375.876.785 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

			VND	
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2024	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024
2021 (*)	2026	149.743.146.862	(48.102.344.357)	101.640.802.505

(\*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế nêu trên do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Công ty con (đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty TNHH 1Production	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Công ty con
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Công ty con (đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Công ty con (đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Up	Công ty con
Công ty TNHH 1Talents	Công ty con
Công ty TNHH Adlink Network	Công ty con
Công ty Cổ phần 1Label	Công ty con
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty con (từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty Cổ phần Yeah1 Publishing	Công ty con gián tiếp (từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Netlink Communication Technology Ltd	Công ty con gián tiếp (từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Công ty con (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty TNHH STV Production	Công ty con (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty TNHH MTV Style TV	Công ty con gián tiếp (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết của công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BigCat	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Tingting Network (trước đây là "Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần 1Game	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Tera Group	Đầu tư khác của công ty con (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bỏ Công Anh	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty
Công ty Cổ phần Finbase	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu trong năm với Công ty, tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Bari Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Tri Dũng	Thành viên BKS
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Cá nhân liên quan đến nhân sự chủ chốt
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2023)
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	34.519.709.573	-
	Vay	15.080.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	1.725.000.000	11.498.639.127
	Lãi vay	643.369.930	4.027.397
	Mua dịch vụ	3.500.000	2.581.125.000
	Cho vay	-	13.600.000.000
	Lãi cho vay	-	290.493.231
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	62.455.166	657.534
	Cung cấp dịch vụ	-	3.228.325.338
	Vay	-	3.000.000.000
	Cho vay	-	2.328.800.000
	Lãi cho vay	-	46.603.398
Công ty TNHH Yeah1 Up	Cho vay	3.565.000.000	10.020.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.765.000.000	1.558.550.484
	Lãi cho vay	350.562.943	166.296.298
	Mua dịch vụ	28.909.091	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Lãi vay	2.214.195.736	1.195.478.289
	Cung cấp dịch vụ	9.090.909	54.545.454
	Vay	-	56.813.842.260
	Cho vay	-	900.000.000
	Lãi cho vay	-	28.165.982
Công ty Cổ phần Tổng hợp Truyền thông STV	Cho vay	19.152.000.000	22.430.000.000
	Chuyển nhượng vốn góp	10.000.000.000	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	2.310.326.514	-
	Lãi cho vay	1.002.878.961	430.504.384
	Cung cấp dịch vụ	-	5.534.926.696
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Lãi cho vay	112.001.918	21.212.876
	Cho vay	40.000.000	2.550.000.000
	Nhận tiền chia cổ tức	-	18.852.040.000
	Cổ tức được chia	-	12.127.228.889
	Cán trừ gốc vay và phải thu cổ tức	-	10.275.000.000
	Lãi vay	-	227.391.781
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Nhờ thu hộ	8.100.000.000	-
	Vay	4.370.000.000	4.900.000.000
	Cung cấp dịch vụ	924.000.000	3.221.004.334
	Lãi vay	61.860.822	3.969.863
	Cho vay	-	900.000.000
	Lãi cho vay	-	82.886.576
Ông Đào Phúc Trí	Thu hồi tạm ứng	5.327.908.126	10.560.836.604
	Tạm ứng	-	10.475.412.928
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Vay	1.300.000.000	-
	Lãi vay	11.065.902	-
	Cho vay	-	1.250.000.000
	Lãi cho vay	-	990.164.282
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Lãi cho vay	48.691.236	8.834.257
	Cho vay	-	390.090.851
	Lãi vay	-	5.228.754
Công ty TNHH Tera Group	Cho vay	29.160.000.000	3.900.000.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	5.685.857.143	-
	Lãi cho vay	1.714.508.353	80.778.082
	Cung cấp dịch vụ	225.000.000	-
Công ty TNHH 1Talents	Chi hộ	2.200.000.000	-
	Góp vốn	1.880.000.000	20.000.000
	Vay	1.700.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	144.000.000	-
	Lãi vay	7.853.423	-
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp bản quyền nội dung số	344.345.056	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trong yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty TNHH 1Production	Chi hộ	25.250.470.387	-
	Nhờ thu hộ	5.629.586.583	-
	Cho vay	1.520.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	513.000.000	-
	Vay	470.000.000	-
	Lãi cho vay	26.421.165	-
	Lãi vay	2.163.288	-
	Góp vốn	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Lãi cho vay	749.494.386	745.376.288
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	1.525.000.000	450.000.000
	Lãi cho vay	114.704.099	5.490.411
	Cung cấp dịch vụ	102.000.000	-
Công ty TNHH 1Label	Góp vốn	1.020.000.000	-
	Đặt cọc	300.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	246.000.000	-
Công ty TNHH Tingting Network	Vay	400.000.000	-
	Lãi vay	25.804.111	-
	Cho vay	-	110.000.000
	Lãi cho vay	-	714.521
Công ty TNHH BigCat	Cung cấp bản quyền nội dung số	2.112.502.248	-
	Cung cấp dịch vụ	4.026.000.000	-
	Mua bản quyền	987.600.000	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	2.100.000.000	-
	Lãi vay	43.012.602	-
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Cung cấp dịch vụ	225.000.000	-
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bô Công Anh	Tạm ứng mua dịch vụ	14.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Finbase	Cho vay	570.000.000	5.750.000.000
	Lãi cho vay	214.940.847	172.726.030
	Chi hộ	-	53.378.600
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Cung cấp dịch vụ	1.905.000.000	-
	Lãi cho vay	137.504.773	155.300.511
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Lãi vay	-	76.139.736
Công ty TNHH MTV Style TV	Cung cấp dịch vụ	-	1.900.000
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	236.111.639	72.654.974
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	208.046.838	65.371.655
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.600.000.000	-
	Lãi vay	9.468.493	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Sổ dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Thuê văn phòng và cung cấp bản quyền nội dung số	21.158.900.000	-
Công ty TNHH Bigcat	Cung cấp bản quyền nội dung số	4.358.340.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp và thuê văn phòng	3.856.900.782	2.375.535.228
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	1.154.383.491	1.154.383.491
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp bản quyền nội dung số	766.119.710	387.340.148
Công ty TNHH 1Production	Thuê văn phòng	564.300.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	523.907.131	523.907.131
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Thuê văn phòng	247.500.000	-
Công ty TNHH 1Talents	Thuê văn phòng	158.400.000	-
Công ty Cổ phần 1Game	Thuê văn phòng	112.200.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Thuê kho	100.000.000	90.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	408.922.194
Công ty Cổ phần Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	52.456.952.000
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	22.360.890.688
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	6.467.782.550
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	312.731.367
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>32.798.951.114</b>	<b>86.538.444.797</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÓ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Sở dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bô Công Anh	Tạm ứng mua dịch vụ	14.500.000.000	-
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH Yeah1 Up	Cho vay	8.394.000.000	2.880.000.000
Công ty Cổ phần Finbase	Cho vay	4.856.000.000	4.286.000.000
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Cho vay	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Cho vay	-	36.118.500.000
Công ty TNHH Tera Group	Cho vay	-	23.730.000.000
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Cho vay	-	20.663.836.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	-	9.090.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>13.700.000.000</b>	<b>97.268.336.000</b>
<b>Phải thu về cho vay dài hạn</b>			
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	2.525.000.000	1.450.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Cho vay	930.000.000	930.000.000
Công ty TNHH 1Production	Cho vay	480.000.000	1.735.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Cho vay	290.000.000	3.680.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Up	Cho vay	-	3.136.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	Cho vay	-	3.309.688.358
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>4.225.000.000</b>	<b>14.240.688.358</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
Công ty TNHH 1Production	Nhờ thu hộ	6.124.336.473	-
	Lãi cho vay	72.495.000	59.709.040
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Nhờ thu hộ	1.080.000.000	-
	Lãi cho vay	-	37.964.381
Công ty Cổ phần Finbase	Lãi cho vay	583.898.871	368.958.024
	Chí hộ	53.378.600	53.378.600
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Lãi cho vay	317.540.128	205.538.210
	Phải thu cổ tức	2.625.551	2.625.551
Công ty TNHH Yeah1 Up	Lãi cho vay	251.371.026	264.884.189
Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	155.118.950	-
Công ty Cổ phần 1Game	Lãi cho vay	148.114.918	33.410.819
Lê Phương Thảo	Tạm ứng	109.760.378	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Lãi cho vay	83.021.796	34.330.560
Chế Đoán Viên	Tạm ứng	52.522.276	6.522.276
Công ty TNHH Big Cat	Lãi cho vay	1.610.959	1.610.959
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi cho vay	215.753	215.753
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Phải thu do cần trừ công nợ	-	26.163.157.895
	Lãi cho vay	-	946.587.368
Công ty TNHH STV Production	Nhờ thu hộ	-	7.773.261.957
Đào Phúc Trí	Tạm ứng	-	5.327.908.120
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Lãi cho vay	-	3.323.051.162
Công ty TNHH Tera Group	Lãi cho vay	-	689.243.013
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ	Lãi cho vay	-	658.136.912
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Lãi cho vay	-	359.243.836
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>9.036.010.679</b>	<b>46.309.738.631</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Sổ dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>			
Công ty TNHH 1Production	Sản xuất chương trình	10.208.000.000	-
Công ty TNHH BigCat	Mua bản quyền	1.242.574.276	2.270.759.876
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua dịch vụ	3.780.000	-
Công ty TNHH STV Production	Sản xuất chương trình	-	41.866.666.668
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Mua bản quyền	-	19.395.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>11.454.354.276</b>	<b>63.532.426.544</b>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	15.059.511.102	21.310.867.823
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	5.446.713.425	-
Công ty TNHH BigCat	Cung cấp bản quyền nội dung số	982.344.845	3.306.097.320
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>21.488.569.372</b>	<b>24.616.965.143</b>
<b><i>Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần 1Label	Thuế văn phòng	319.400.000	-
<b><i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Mua dịch vụ	1.775.940.019	1.775.940.019
	Lãi vay	191.591.781	191.591.781
Công ty Cổ Phần Giải trí Ana	Lãi vay	1.107.097.868	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Lãi vay	11.161.644	-
Công ty TNHH 1Talents	Lãi vay	3.078.081	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Lãi vay	2.243.836	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Lãi vay	604.110	172.603
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.091.717.339</b>	<b>1.967.704.403</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Sổ dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>			
Công ty TNHH 1Production	Nhờ thu hộ	10.175.547.341	-
	Lãi vay	2.163.288	-
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Lãi vay	3.734.256.992	2.627.159.124
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi vay	652.685.094	9.315.164
Công ty Cổ phần 1Label	Nhận ký quỹ	300.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Network	Lãi vay	55.359.452	4.660.274
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Lãi vay	42.581.095	-
Công ty TNHH Tingting Network	Lãi vay	33.168.494	7.364.383
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	16.053.796	63.661.644
Nguyễn Thị Thu Hương	Lãi vay	9.468.493	-
Công ty TNHH 1Talents	Lãi vay	4.775.342	-
Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	Lãi vay	2.905.091	13.705.730
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Lãi vay	-	192.242.316
Công ty TNHH STV Production	Lãi vay	-	3.078.082
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15.028.964.478</b>	<b>2.921.186.717</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	15.040.000.000	5.950.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Vay	2.330.000.000	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	2.040.000.000	200.000.000
Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.600.000.000	-
Công ty TNHH Tingting Network	Vay	700.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	506.401.370	2.300.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Vay	200.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>22.416.401.370</b>	<b>8.750.000.000</b>
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>			
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Vay	51.713.842.260	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Vay dài hạn</b>			
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Vay	2.890.000.000	54.603.842.260
Công ty TNHH 1Talents	Vay	700.000.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Vay	-	342.808.874
Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	Vay	-	1.919.268.183
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.590.000.000</b>	<b>56.865.919.317</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Bà Ngô Thị Văn Hạnh	Tổng Giám đốc	1.500.000.000	750.000.000
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	708.871.800	354.435.900
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	-	1.699.338.000
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	502.449.000
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	-	123.981.550
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng BKS	-	-
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS	-	-
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.208.871.800</b>	<b>3.430.204.450</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. CÁC CAM KẾT**

**32.1. Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đến 1 năm	22.762.167.500	24.261.360.000
Trên 1 năm đến 5 năm	92.990.060.000	94.132.300.000
Trên 5 năm	64.650.474.000	67.729.068.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>180.402.701.500</u></b>	<b><u>186.122.728.000</u></b>

**32.2. Cam kết góp vốn**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

	VND		
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		
	Vốn cam kết	Vốn đã góp	Vốn còn phải góp
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
Công ty TNHH Meta Blossom	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	1.062.000.000	-	1.062.000.000
Công ty Cổ phần Gigagoods	918.000.000	-	918.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.310.060.000</u></b>	<b><u>22.000.000</u></b>	<b><u>21.288.060.000</u></b>

**33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Vào ngày 8 tháng 7 năm 2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 616/2405/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 6 tháng 5 năm 2024 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 770/2407/NQ/HĐQT/YEG ngày 3 tháng 7 năm 2024. Vào ngày 25 tháng 7 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.313.532.640.000 VND lên 1.370.014.540.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2024, theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 820/2407/NQ/HĐQT/YEG, Công ty thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại một số công ty con, bao gồm Công ty Cổ phần Giải trí Ana, Công ty Cổ phần Tập đoàn Care, Công ty Cổ phần Công nghệ Thương Mại Giga1 trong quý III hoặc quý IV năm 2024. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, các công ty này sẽ không còn là công ty con của Công ty.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 45.360 cổ phần tương ứng với 18% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink Việt Nam") từ Công ty Cổ phần Tera Ventures với giá trị chuyển nhượng là 52.974.000.000 VND theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 898-2408-HDCNCP.NETLINK-VENTURES-YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Netlink Việt Nam tăng từ 51% lên 69%.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 3.886.500 cổ phần tương ứng với 34,55% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital") từ các bên với giá trị chuyển nhượng là 127.088.550.000 VND theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 896-2408-HDCNCP.Y1D-ANA-YEG, Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 897-2408-HDCNCP.Y1D-DPD-YEG, Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 899-2408-HDCNCP.Y1D-TVQ-YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Edigital tăng từ 35% lên 69,55% và Edigital trở thành công ty con của Công ty.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 911/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 19 tháng 8 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua chủ trương góp thêm vốn vào Công ty TNHH 1Production ("1Production") với số tiền 211.000.000.000 VND trong năm 2024 hoặc quý 1 năm 2025. Theo đó, sau khi hoàn tất góp vốn, vốn điều lệ của 1Production tăng từ 139.000.000.000 VND lên 350.000.000.000 VND.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 882/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 7 tháng 8 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 918/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 22 tháng 8 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc vay vốn từ các cá nhân với tổng số tiền là 227.480.150.000 VND nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

  
 Lưu Anh Khoa  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Khánh Trang  
 Kế toán trưởng

  
 Chế Đoàn Viên  
 Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 71



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2006, và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 31 cấp ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại, bán lẻ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động hậu kỳ, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động viễn thông khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch, Thành viên độc lập	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên độc lập	
Ông Kim Min Soo	Thành viên	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên	miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo).

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Nhóm Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc

Ông Ché Đoàn Viên được Bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 102A-2404-GUQ-YEG có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:


Chê Đoàn Viên  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 6 năm 2024

Số tham chiếu: 12925844/67736242/LP/HN

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 71, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better  
working world

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



*Nguyễn Quốc Hoàng*  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.067.907.198.861</b>	<b>947.639.699.363</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>7.229.712.423</b>	<b>8.461.339.357</b>
111	1. Tiền		7.229.712.423	4.261.339.357
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.200.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>230.000.000</b>	<b>230.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	230.000.000	230.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.009.903.506.467</b>	<b>845.395.421.575</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	246.404.006.033	239.558.303.914
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	224.127.900.197	80.957.663.203
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	327.186.003.049	266.334.265.625
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	296.919.583.861	340.356.202.385
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(84.733.986.673)	(81.811.013.552)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>12</b>	<b>37.515.420.810</b>	<b>29.168.608.393</b>
141	1. Hàng tồn kho		71.923.526.484	63.724.327.379
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(34.408.105.674)	(34.555.718.986)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>13.028.559.161</b>	<b>64.384.330.038</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.850.106.993	50.416.954.766
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	11.175.899.643	13.954.750.488
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	2.552.525	12.624.784

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>928.713.487.125</b>	<b>912.758.343.006</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>375.035.983.496</b>	<b>389.469.485.495</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	45.420.575.396	44.329.575.396
216	2. Phải thu dài hạn khác	10	329.615.408.100	345.139.910.099
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>107.706.824.307</b>	<b>86.305.316.088</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	1.985.368.128	1.324.037.529
222	Nguyên giá		4.745.222.044	14.438.805.810
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.759.853.916)	(13.114.768.281)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	105.721.456.179	84.981.278.559
228	Nguyên giá		136.386.306.270	102.179.503.617
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(30.664.850.091)	(17.198.225.058)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>15.917.336.396</b>	<b>13.367.018.518</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	15.917.336.396	13.367.018.518
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>18</b>	<b>278.009.503.254</b>	<b>383.408.540.098</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	244.123.957.468	348.572.994.312
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	45.052.910.277	46.002.910.277
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	18.2	(11.167.364.491)	(11.167.364.491)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>152.043.839.672</b>	<b>40.207.982.807</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	3.972.741.106	1.484.504.008
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	3.842.174.603	7.895.844.762
269	3. Lợi thế thương mại	17	144.228.923.963	30.827.634.037
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.996.620.685.986</b>	<b>1.860.398.042.369</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>595.558.123.580</b>	<b>477.098.903.310</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>529.071.421.703</b>	<b>408.623.646.511</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	156.696.778.875	98.153.102.705
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22	25.222.706.158	29.155.365.881
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	37.131.199.889	32.330.181.730
314	4. Phải trả người lao động		5.754.638.248	5.107.804.827
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	32.593.085.325	27.448.675.197
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	23	68.998.162.266	45.075.825.259
320	7. Vay ngắn hạn	24	202.674.850.942	171.352.690.912
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>66.486.701.877</b>	<b>68.475.256.799</b>
338	1. Vay dài hạn	24	37.454.882.618	39.014.432.856
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	29.031.819.259	29.460.823.943
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.401.062.562.406</b>	<b>1.383.299.139.059</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.401.062.562.406</b>	<b>1.383.299.139.059</b>
411	1. Vốn cổ phần	25.1	1.313.532.640.000	1.313.532.640.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.313.532.640.000	1.313.532.640.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	140.518.254	140.518.254
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.1	86.549.411.608	57.414.341.843
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		57.414.341.843	30.555.633.680
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		29.135.069.765	26.858.708.163
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27	839.992.544	12.211.638.962
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.996.620.685.986</b>	<b>1.860.398.042.369</b>

  
Lưu Anh Khoa  
Người lập

  
Nguyễn Thị Khánh Trang  
Kế toán trưởng

  
Chế Đoàn Viên  
Phó Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	1. Doanh thu gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	284.036.464.970	143.294.334.475
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	-	(1.337.689.458)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	284.036.464.970	141.956.645.017
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(252.385.224.394)	(107.453.253.529)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.651.240.576	34.503.391.488
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	76.991.631.271	21.054.855.244
22	7. Chi phí tài chính	30	(10.756.892.904)	(10.229.150.422)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(8.306.578.721)	(10.048.072.400)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	18.1	(2.740.102.409)	(315.454.050)
25	9. Chi phí bán hàng	31	(9.552.339.701)	(8.209.283.230)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(57.928.647.472)	(26.828.981.190)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		27.664.889.361	9.975.377.840
31	12. Thu nhập khác		42.339.632	480.200.000
32	13. Chi phí khác	32	(2.193.656.348)	(5.245.544.193)
40	14. Lỗ khác		(2.151.316.716)	(4.765.344.193)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.513.572.645	5.210.033.647
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(434.455.909)	3.929.753.635
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	34.1	(3.624.665.475)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		21.454.451.261	9.139.787.282

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		29.135.069.765	9.969.594.703
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	27	(7.680.618.504)	(829.807.421)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	26	213	168
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	26	213	168

  
Lưu Anh Khoa  
Người lập

  
Nguyễn Thị Khánh Trang  
Kế toán trưởng



  
Chế Đoàn Viên  
Phó Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>25.513.572.645</b>	<b>5.210.033.647</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	14, 15, 17	17.319.691.169	5.761.103.385
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		10.801.953.926	(28.698.461.916)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(72.255.653.930)	(11.102.309.090)
06	Chi phí lãi vay	30	8.306.578.721	10.048.072.400
08	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(10.313.857.469)</b>	<b>(18.781.561.574)</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(208.586.233.226)	(12.123.100.990)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(65.949.687.031)	21.580.919.080
11	Tăng các khoản phải trả		212.032.103.673	7.088.982.674
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		25.110.953.327	(13.893.294.220)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.390.926.893)	(5.615.843.128)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(151.736.409)	(5.500.000.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(53.249.384.028)</b>	<b>(27.243.898.158)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(61.290.018.796)	(1.332.114.959)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	570.109.091
23	Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		(51.284.736.065)	(52.225.997.700)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		50.018.134.521	84.379.667.278
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(34.186.277.729)	(343.361.250.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.695.795.174	37.231.370.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay		22.735.725.627	5.762.653.158
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(58.311.377.268)</b>	<b>(268.975.563.132)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay nhận được	24	200.819.383.783	337.355.335.825
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	24	(90.490.249.421)	(60.134.933.874)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		110.329.134.362	277.220.401.951
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(1.231.626.934)	(18.999.059.339)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8.461.339.357	26.473.013.864
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	7.229.712.423	7.473.954.525





Lưu Anh Khoa  
 Người lập

Nguyễn Thị Khánh Trang  
 Kế toán trưởng


 Chế Đoàn Viên  
 Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 31 cấp ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại, bán lẻ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động hậu kỳ, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động viễn thông khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 260 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 193).

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

#### Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 12 công ty con trực tiếp và 4 công ty con gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2023; 15 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp) với chi tiết như sau:

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ điều quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ điều quyết
1	Công ty Cổ phần Giải trí Ana (trước đây là "Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1")	GCNĐKDN số 0310275558 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 25 tháng 8 năm 2010, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	GCNĐKDN số 0311776620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 5 năm 2012, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Gigat	GCNĐKDN số 0102349978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 8 năm 2007, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 4, Tòa nhà Star Tower, lô D32, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Công nghệ, bán buôn	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	GCNĐKDN số 0314526114 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 19 tháng 7 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và tham dò dư luận	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo) Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
5	Công ty TNHH 1 Production	GCNĐKDN số 0317690271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 21 tháng 2 năm 2023, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
6	Công ty TNHH Yeah1 Up	GCNĐKDN số 0317420589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2022, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,99%	100,00%	99,99%	100,00%
7	Công ty TNHH 1 Talents	GCNĐKDN số 0318106371 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 16 tháng 10 năm 2023 và các GCNĐKDN điều chỉnh	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
8	Công ty TNHH Adlink Network	GCNĐKDN số 0318106103 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 10 năm 2023	258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
9	Công ty Cổ phần 1Label (Thuyết minh số 4.3)	GCNĐKDN số 0318347998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 14 tháng 3 năm 2024 và các GCNĐKDN điều chỉnh	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00%	51,00%	-	-

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

*Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)*

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
10	Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1 (*)	GCNĐKDN số 0316198596 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 16 tháng 3 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%
11	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số (*)	GCNĐKDN số 1301092937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp vào ngày 11 tháng 6 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Số 48 Đường Hai Bà Trưng, Phường An Hội, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
12	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam (Thuyết minh số 4.1)	GCNĐKDN số 0109406470 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 5 tháng 11 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 4, tòa nhà Star Tower, lô D32 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Việt Nam.	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	51,00%	51,00%	35,00%	35,00%
13	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ (Thuyết minh số 4.2)	GCNĐKDN số 0313491606 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 10 năm 2015, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	-	-	67,00%	67,00%
14	Công ty Cổ phần YAG Entertainment (Thuyết minh số 4.2)	GCNĐKDN số 0315171182 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 18 tháng 7 năm 2018, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	-	-	95,00%	95,00%



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

808a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

#### Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
				Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
15	Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam (Thuyết minh số 4.2)	GCNĐKDN số 0315852128 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 8 năm 2019, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	-	70,00%	70,00%
16	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (Thuyết minh số 4.2)	GCNĐKDN số 0102768915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 14, Tòa nhà Ngọc Khanh Plaza, Số 1 đường Phạm Huy Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	-	-	51,00%	51,00%
17	Công ty TNHH STV Production (Thuyết minh số 4.2)	GCNĐKDN số 0317800358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 21 tháng 4 năm 2023, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 11, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	-	100,00%	100,00%
18	Công ty Cổ phần Gigagoods (*)	GCNĐKDN số 0316763583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 22 tháng 3 năm 2021, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,99%	51,00%	50,99%	51,00%
19	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin (*)	GCNĐKDN số 0316703552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 2 tháng 2 năm 2021, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	58,99%	59,00%	58,99%	59,00%

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
20	Công ty TNHH Yeah1 Publishing (Thuyết minh số 4.1)	GCNEKDN số 0314685330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 19 tháng 10 năm 2017, và các GCNEKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	47,94%	94,00%	-	
21	Netlink Communication Technology Ltd (Thuyết minh số 4.1)	Mã số doanh nghiệp số BVI:2093531 do Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Quần đảo Virgin thuộc Anh cấp ngày 10 tháng 3 năm 2022	British Virgin Islands	Tư vấn marketing, quảng cáo, gia công phần mềm, dịch vụ tư vấn quản lý, tổ chức sự kiện và nghiên cứu thị trường, tham dự dự luận	51,00%	100,00%	-	
22	Công ty TNHH MTV Style TV	GCNEKDN số 0311730425 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 4 năm 2012, và các GCNEKDN điều chỉnh sau đó	Số 58, Đường Huỳnh Mãn Đạt, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	51,00%	100,00%	

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại các công ty con này (Thuyết minh số 36.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- ▶ Hàng hóa và bán quyền chương trình: chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh; và
- ▶ Chi phí sản xuất dở dang: giá gốc bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp thực tế đích danh và bình quân gia quyền tùy vào đặc thù của từng loại chi phí.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhãn hiệu, tên thương mại	10 - 44 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Chương trình phim ngắn	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 năm

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt hoặc xây dựng tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị của Nhóm Công ty mà chưa hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Chi phí xây dựng cơ bản không được khấu trừ cho đến khi nó đã hoàn thành và đưa vào hoạt động.

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Các chương trình truyền hình đang phát sóng;
- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- ▶ Phí dịch vụ trả trước khác.

#### 3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

#### 3.12 Các khoản đầu tư

##### Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của cáo quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

##### *Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.17 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

#### 3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Các bộ phận chính theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty bao gồm hoạt động kinh doanh cung cấp bản quyền nội dung số, dịch vụ giải trí và truyền thông.

#### 3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ**

**4.1 Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink Việt Nam")**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 6 tháng 5 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 188/2404/NQ/HĐQT/YEG ngày 19 tháng 4 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 40.320 cổ phần tương ứng với 16% tỷ lệ sở hữu trong Netlink Việt Nam từ Công ty Cổ phần Tera Ventures với giá trị chuyển nhượng là 47.088.000.000 VND theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 186-2404-HĐCNCP.Netlink-YEG-Ventures ngày 19 tháng 4 năm 2024 và tại ngày này, Netlink Việt Nam sở hữu hai công ty con là Công ty TNHH Yeah1 Publishing ("Yeah1 Publishing") và Netlink Communication Technology Ltd. ("Netlink Communication"). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Netlink Việt Nam tăng từ 35% lên 51% và Netlink Việt Nam, Yeah1 Publishing và Netlink Communication trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý tạm tính của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Netlink Việt Nam tại ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

*Giá trị hợp lý tạm tính ghi nhận tại ngày mua*

<b>Tài sản</b>	
Tiền	3.756.122.271
Các khoản phải thu	68.986.675.589
Tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.895.072.042
Tài sản khác	2.535.404.994
	<b>84.173.274.896</b>
<b>Nợ phải trả</b>	
Các khoản phải trả	61.238.564.890
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	249.352.355
Phải trả người lao động	65.431.713
Vay	16.952.315.859
	<b>78.505.664.817</b>
<b>Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý tạm tính</b>	<b>5.667.610.079</b>
Cổ đông không kiểm soát	(3.249.711.581)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17)	147.927.101.502
<b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán</b>	<b>150.345.000.000</b>
<i>Trong đó:</i>	
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 18.1)	101.856.443.352
Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý tạm tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận tại thời điểm hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 28.2)	1.400.556.648
Giá phí mua thêm 16% tỷ lệ sở hữu	47.088.000.000
<b>Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con</b>	
Tiền chi để mua công ty con	37.922.400.000
Tiền thu về từ công ty con	3.756.122.271
<b>Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua</b>	<b>34.166.277.729</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ (tiếp theo)**

**4.2. Chuyển nhượng cổ phần trong các công ty con hiện hữu**

*Công ty TNHH STVProduction ("STVPro") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV")*

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng lại 100% vốn góp của STVPro cho STV, công ty con của Công ty, với giá chuyển nhượng là 10.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 80-2403-HĐCN-YEG-STV cùng ngày. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong STVPro giảm từ 100% xuống 51% kể từ ngày này.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51% tỷ lệ sở hữu trong STV cho đối tác với giá chuyển nhượng là 40.000.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 125-2403-HĐCN-YEG-NNQ và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày. Theo đó, STV không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này và STVPro cũng không còn là công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 23.201.744.973 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 28.2).

*Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ ("YES")*

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 730.000 cổ phần, tương ứng với 67% cổ phần của YES cho đối tác với giá chuyển nhượng là 10.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 788-2406-HĐCNCP/YEG-NTTV cùng ngày và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong YES giảm từ 67% xuống 0% và YES không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 4.538.845.539 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 28.2).

*Công ty Cổ phần YAG Entertainment ("YAG")*

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty và công ty con đã chuyển nhượng 1.748.000 cổ phần, tương ứng với 95% cổ phần của YAG cho các đối tác với giá chuyển nhượng là 95.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 789/2506/HĐCNCP/YEG/LAK, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 02-2407-HĐCNCP-YAG cùng ngày và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong YAG giảm từ 95% xuống 0% và YAG không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 30.937.458.046 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 28.2).

*Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam ("AppNews")*

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 1.330.000 cổ phần, tương ứng với 70% cổ phần của AppNews cho đối tác với giá chuyển nhượng là 3.050.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 790/2406/HĐCNCP/YEG/DDB cùng ngày và Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong AppNews giảm từ 70% xuống 0% và AppNews không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 924.709.925 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 28.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

**4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỶ (tiếp theo)**

**4.3 Góp vốn thành lập các công ty con và công ty liên kết**

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 81/2403/NQHĐQT/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2024, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần 1Label ("1Label") và đã nhận được GCNĐKDN số 0318347998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong 1Label là 51%.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 776/2406/OĐ/CTHĐQT/YEG ngày 26 tháng 6 năm 2024, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam ("Meta Blossom") với số vốn cam kết góp là 2.000.000.000 VND tương ứng 40% vốn điều lệ của Meta Blossom. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn điều lệ tại Meta Blossom. (Thuyết minh số 36.2)

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	7.236.887	-
Tiền gửi ngân hàng	7.222.475.536	4.261.339.357
Các khoản tương đương tiền	-	4.200.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.229.712.423</b>	<b>8.461.339.357</b>

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,85%/năm đến 9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Google Asia Pacific Pte. Ltd	60.245.675.301	-
Công ty Cổ phần Tera Group	48.131.049.443	52.456.952.000
Công ty Cổ phần Ban Media	23.194.638.193	26.327.695.034
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng	13.939.220.078	13.939.220.078
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (*)	6.770.205.688	22.360.890.688
Công ty TNHH Shopee	6.641.573.399	6.012.424.632
Công ty TNHH Truyền Thông WPP	-	7.395.539.564
Công ty TNHH Truyền thông MMS Việt Nam	-	7.382.202.120
Khác	87.481.643.931	104.683.379.798
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>246.404.006.033</b>	<b>239.558.303.914</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 11)	(30.630.657.916)	(26.716.111.468)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>215.773.348.117</b>	<b>212.842.192.446</b>
Trong đó:		
Các bên khác	211.753.285.728	121.340.076.164
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	34.650.720.305	118.218.227.750

(\*) Khoản phải thu này và khoản phải thu về cho vay và phải thu khác được trình bày lần lượt ở Thuyết minh số 9 và 10 được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 921/2408/TTBL/YEG-HVUC-ĐĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024.

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	26.716.111.468	24.375.838.749
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	5.479.478.787	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(98.805.489)	(2.372.293.204)
Trừ: Thoái vốn công ty con	(1.466.126.850)	-
<b>Số cuối kỳ (Thuyết minh số 11)</b>	<b>30.630.657.916</b>	<b>22.003.545.545</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bồ Công Anh ("BCA") (*)	153.800.000.000	14.500.000.000
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế	48.126.704.193	48.126.704.193
Something Big SAS	8.160.450.000	8.160.450.000
Khác	14.040.746.004	10.170.509.010
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>224.127.900.197</b>	<b>80.957.663.203</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)	(18.524.575.342)	(18.449.320.801)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>205.603.324.855</b>	<b>62.508.342.402</b>
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	154.024.750.000	14.524.750.000
Các bên khác	70.103.150.197	66.432.913.203

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	18.449.320.801	16.246.796.596
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	75.254.541	-
Số cuối kỳ (Thuyết minh số 11)	18.524.575.342	16.246.796.596

(\*) Đây là khoản tạm ứng cho BCA theo Hợp đồng Xây dựng số 08/HĐXD-1Studio ngày 22 tháng 11 năm 2023 ("Hợp đồng xây dựng") về việc xây lắp công trình "Nhà ở kết hợp văn phòng" tại địa chỉ 41-49 An Phú, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị hợp đồng là 142.795.425.415 VND và số tiền tạm ứng ban đầu là 34.500.000.000 VND.

Ngoài ra, Nhóm Công ty còn tạm ứng cho BCA với số tiền 104.800.000.000 VND theo Phụ lục Hợp đồng số 04 ngày 3 tháng 4 năm 2024 của Hợp đồng xây dựng để ủy quyền cho BCA tìm kiếm, nhận báo giá phù hợp, đàm phán nội dung hợp đồng chuyển nhượng, đặt cọc và thiết kế khảo sát khu bất động sản khác.

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>327.186.003.049</b>	<b>266.334.265.625</b>
Cho các bên khác vay	314.689.788.402	197.330.431.925
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 35)	12.496.214.647	69.003.833.700
<b>Dài hạn</b>	<b>45.420.575.396</b>	<b>44.329.575.396</b>
Cho bên khác vay	42.895.575.396	39.429.575.396
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 35)	2.525.000.000	4.900.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>372.606.578.445</b>	<b>310.663.841.021</b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
<b>Cho các bên khác vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Vital Investments Group	114.106.821.919	Ngày 1 tháng 12 năm 2024	8,5	Tin chấp
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	57.545.500.000	Từ ngày 7 tháng 11 năm 2024 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	7 – 11	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty Cổ phần Tera Group	46.740.000.000	Từ ngày 29 tháng 9 năm 2024 đến ngày 21 tháng 6 năm 2025	10,5 – 11	Tin chấp
Trần Minh Việt	45.960.311.001	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	8	Tin chấp
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	20.823.836.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2024 đến ngày 13 tháng 12 năm 2024	6 – 8	Tin chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	9.090.000.000	Từ ngày 16 tháng 8 năm 2024 đến ngày 17 tháng 8 năm 2024	10,5	Tin chấp
Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	5.307.568.421	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2025 đến ngày 17 tháng 6 năm 2025	10,5	Tin chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	5.134.862.703	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Truc tuyen	3.660.000.000	Từ ngày 15 tháng 9 năm 2024 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	8 – 11	Tin chấp
Nhimdo properties LLC	2.768.700.000	Ngày 4 tháng 5 năm 2025	-	Tin chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại Sư Trẻ	1.547.188.358	Ngày 2 tháng 1 năm 2025	8	Tin chấp
Công ty TNHH Yeah1 Vision	1.360.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT	300.000.000	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2024 đến ngày 13 tháng 5 năm 2025	10,5	Tin chấp
Công ty Cổ phần Zeroz Creative	300.000.000	Ngày 29 tháng 3 năm 2025 đến ngày 14 tháng 6 năm 2025	10,5	Tin chấp
Công ty Cổ phần Truyền Thông On+	45.000.000	Ngày 26 tháng 1 năm 2025	10,5	Tin chấp
<b>TONG CỘNG</b>	<b>314.689.788.402</b>			

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 9. PHẢI THU VÉ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu vé cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau: (tiếp theo)

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
<b>Cho các bên liên quan vay ngắn hạn (Thuyết minh số 35)</b>				
Công ty Cổ phần Yeah1 Digital	5.030.000.000	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2025 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	10,5	Tin chấp
Công ty Cổ phần Finbase	4.856.000.000	Từ ngày 18 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 5 năm 2025	8 – 10,5	Tin chấp
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	1.960.214.647	Ngày 22 tháng 5 năm 2025	4	Tin chấp
Công ty Cổ phần 1Game	550.000.000	Từ ngày 31 tháng 10 năm 2024 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	8 – 10,5	Tin chấp
Công ty TNHH Vietnam Music Award	100.000.000	Từ ngày 30 tháng 10 năm 2024	10,5	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.496.214.647</b>			
<b>Cho các bên khác vay dài hạn</b>				
Công ty TNHH Media Kingdom Việt Nam Đình Tân Danh	23.708.000.000	Ngày 27 tháng 9 năm 2025	8	Tin chấp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	8.550.000.000	Ngày 15 tháng 8 năm 2025	10,5	Tin chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại Sư Trẻ	4.074.300.000	Từ ngày 11 tháng 7 năm 2025 đến ngày 17 tháng 3 năm 2026	8	Tin chấp
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	1.762.500.000	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2025 đến ngày 18 tháng 2 năm 2026	8 – 8,7	Tin chấp
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	1.519.500.000	Từ ngày 28 tháng 6 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	8 – 10,5	Tin chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	1.500.000.000	Ngày 3 tháng 8 năm 2025	10,5	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT	1.181.275.396	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2025 đến ngày 11 tháng 11 năm 2025	8	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	300.000.000	Từ ngày 20 tháng 7 năm 2025 đến ngày 17 tháng 8 năm 2025	10,5	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.895.575.396</b>	Ngày 3 tháng 10 năm 2026	8	Tin chấp
<b>Cho các bên liên quan vay dài hạn (Thuyết minh số 35)</b>				
Công ty Cổ phần 1Game	2.525.000.000	Từ ngày 31 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 5 năm 2026	8 – 10,5	Tin chấp



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>296.919.583.861</b>	<b>340.356.202.385</b>
Tạm ứng nhân viên	111.110.157.878	230.004.766.104
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh:	70.725.963.908	48.078.801.570
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (i)	26.163.157.895	-
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn (ii)	19.600.000.000	19.600.000.000
Công ty TNHH STV Production (iii)	9.679.042.569	-
Travellet Tech Limited (iv)	8.120.000.000	8.120.000.000
Phải thu đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (v)	7.163.763.444	4.380.844.035
Công ty Cổ phần Unicorn Venture	-	9.993.750.000
Công ty TNHH Bryan and Martin Pictures	-	3.600.000.000
Công ty Cổ phần MBC Studio	-	1.253.462.535
Công ty Cổ phần Mnet	-	1.130.745.000
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Giải trí TTK (x)	38.658.000.000	-
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp Nguyễn Ngọc Quỳnh (vi)	10.000.000.000	-
Các cá nhân khác	3.145.000.000	-
Tạm ứng để nhận chuyển nhượng cổ phần (vii)	30.000.000.000	30.000.000.000
Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi	21.174.317.543	19.750.861.017
Phải thu cổ tức (viii)	7.213.579.158	7.213.579.158
Đặt cọc	1.939.609.850	1.701.978.525
Khác	2.952.955.524	3.606.216.011
<b>Dài hạn</b>	<b>329.615.408.100</b>	<b>345.139.910.099</b>
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Unicorn Venture (ix)	199.875.000.000	199.875.000.000
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Giải trí TTK (x)	100.000.000.000	138.658.000.000
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp (vi)	24.000.000.000	-
Đặt cọc	5.740.408.100	6.606.910.099
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>626.534.991.961</b>	<b>685.496.112.484</b>
Dự phòng phải thu khác khó đòi (Thuyết minh số 11)	(35.578.753.415)	(36.645.581.283)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>590.956.238.546</b>	<b>648.850.531.201</b>
<i>Trong đó:</i>		
Các bên khác	624.757.206.761	676.873.334.253
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	1.777.785.200	8.622.778.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi khác :*

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Số đầu kỳ	36.645.581.283	39.324.809.713
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	5.493.770.399	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(131.000)	(961.800.000)
Trừ: Thoái vốn công ty con	(6.560.467.267)	-
Số cuối kỳ (Thuyết minh số 11)	<u>35.578.753.415</u>	<u>38.363.009.713</u>

- (i) Theo biên bản đối trừ công nợ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa Nhóm Công ty, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cab Việt Nam ("VTVcab") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV"), VTVcab thực hiện bù trừ nghĩa vụ góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh được nêu trong Mục (v) với số tiền là 26.183.157.895 VND với số dư công nợ của STV. Theo đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu từ STV. Khoản phải thu này và khoản phải thu khách hàng và khoản phải thu về cho vay khác được trình bày lần lượt ở Thuyết minh số 8 và 9 được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 921/2408/TTBL/YEG-HVUC-ĐĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024.
- (ii) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Nhóm Công ty và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 VND, trong đó, Nhóm Công ty đóng góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 VND và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 VND.
- Vào ngày 21 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng 6 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Ban Tổng Giám đốc đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 2.100.000.000 VND.
- (iii) Theo Hợp đồng Ủy quyền số 539-2309-HĐNT-YEG-STVPRO ngày 1 tháng 7 năm 2023 và Hợp đồng số 66-2402-HĐTH-YEG-STVPRO ngày 1 tháng 12 năm 2023 giữa Nhóm Công ty và STVPro, Nhóm Công ty ủy quyền cho STVPro sản xuất và thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại cho các Dự án như được nêu ở Mục (v). Đây là khoản phải thu STVPro từ thu chi hộ cho các Dự án theo các Biên bản Bù trừ Công nợ.
- (iv) Đây là Hợp đồng Hợp tác Trò chơi trực tuyến ngày 1 tháng 11 năm 2019 với Travellet Tech Limited về giấy phép liên quan đến trò chơi trực tuyến. Ban Tổng Giám đốc đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu từ hợp tác kinh doanh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

- (v) Vào ngày 16 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty đã ký Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp giờ rê sóng mùa 1" ("Dự án") với VTVCab. Theo đó, giá trị vốn góp của Dự án là 63.000.000.000 VND và tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ phân chia doanh thu, chi phí Dự án của Nhóm Công ty và VTVCab là 50:50. Nhóm Công ty chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho hoạt động kinh doanh của Dự án. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với VTVCab để tập hợp và nghiệm thu toàn bộ doanh thu, chi phí của Dự án.
- (vi) Đây là khoản phải thu từ chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông STV (Thuyết minh số 4.2), đến hạn thanh toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2026.
- (vii) Đây là khoản tạm ứng cho Ông Võ Thái Phong để mua 3.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến ("VNO") tương đương với 60% tỷ lệ sở hữu trong VNO theo Biên bản Ghi nhớ ngày 22 tháng 10 năm 2020, Phụ lục 1 ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Phụ lục 2 ngày 15 tháng 12 năm 2023 gia hạn việc chuyển nhượng đến ngày 30 tháng 9 năm 2024.
- (viii) Theo Nghị quyết phê duyệt bởi Giám đốc của Netlink Online Corporation, một công ty được thành lập ở Singapore, Nhóm Công ty nhận được khoản chia cổ tức là 9.565.680.000 VND; được thanh toán trong vòng 24 tháng kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2021 và được gia hạn đến ngày 1 tháng 11 năm 2025.
- (ix) Theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture") để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 199.875.000.000 VND. Theo đó, Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẽ cho Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẽ cho Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân.
- (x) Theo Hợp đồng Hợp tác số 0906/2022/HĐHT/GG/BIGCAT ngày 3 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Giải Trí TTK (trước đây là Công ty Cổ phần Giải trí Truyền thông Big Cat) để đầu tư dự án sản xuất phim, bao gồm việc tổ chức đội ngũ sản xuất phim, ý tưởng, phim trường. Nhóm Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 147.318.000.000 VND. Theo Phụ lục 2 ngày 28 tháng 6 năm 2024, tổng giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh giảm còn 100.000.000.000 VND. Công ty Cổ phần Giải Trí TTK sẽ hoàn trả cho Nhóm Công ty số tiền là 38.658.000.000 VND trước ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGÂN HẠN KHỜ ĐÒI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Dự phòng
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>39.663.048.042</b>	<b>9.032.390.126</b>	<b>34.152.349.427</b>	<b>7.436.237.959</b>	<b>(26.716.111.468)</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng	13.939.220.078	4.181.766.023	13.939.220.078	4.181.766.024	(9.757.454.054)
Công ty Cổ phần Giải trí 100 ĐỘ	6.731.991.724	-	6.731.991.724	-	(6.731.991.724)
Yeah1 Network Pte Ltd	5.080.920.081	999.876.024	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Ninh	3.015.057.729	-	3.015.057.729	-	(3.015.057.729)
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	2.490.070.000	1.245.035.000	2.490.070.000	1.743.049.000	(747.021.000)
Công ty TNHH Lioz Việt Nam	1.112.886.123	-	1.112.886.123	-	(1.112.886.123)
Khác	7.292.902.307	2.605.713.079	6.863.123.773	1.511.422.935	(5.351.700.838)
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>59.997.870.077</b>	<b>41.473.294.735</b>	<b>59.987.391.076</b>	<b>41.538.070.275</b>	<b>(18.449.320.801)</b>
Something Big SAS	8.160.450.000	-	8.160.450.000	-	(8.160.450.000)
Công ty TNHH Phần mềm Nước Giải khát Quốc tế	48.126.704.193	40.625.760.223	48.126.704.193	40.625.760.223	(7.500.943.970)
Công ty Cổ phần Truyền thông Giải trí Đa Phương tiện VINACJ	1.067.991.756	-	1.067.991.758	-	(1.067.991.758)
Khác	2.642.724.126	847.534.512	2.532.245.125	912.310.052	(1.719.935.073)
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>42.474.174.245</b>	<b>6.895.420.830</b>	<b>38.047.671.390</b>	<b>1.402.090.107</b>	<b>(36.645.581.283)</b>
Công ty TNHH Đầu tư Tân An	19.600.000.000	-	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Đông Sài Gòn	8.120.000.000	-	8.120.000.000	-	(8.120.000.000)
Travellet Tech Vietnam Limited	7.065.680.000	2.119.704.000	-	-	-
Netlink Online Corporation	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển UP	6.688.494.245	4.775.716.830	9.327.671.390	1.402.090.107	(7.925.581.283)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>142.135.092.364</b>	<b>57.401.105.691</b>	<b>132.187.411.893</b>	<b>50.376.398.341</b>	<b>(81.811.013.552)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Hàng hóa	35.002.011.472	35.698.707.333
Chương trình đang sản xuất dở dang	25.900.077.015	20.000.953.739
Dự án quảng cáo đang sản xuất dở dang	11.021.437.997	8.024.666.307
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>71.923.526.484</b>	<b>63.724.327.379</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(34.408.105.674)	(34.555.718.986)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>37.515.420.810</b>	<b>29.168.608.393</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	34.555.718.986	59.956.019.873
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(147.613.312)	(25.364.368.711)
Số cuối kỳ	<u>34.408.105.674</u>	<u>34.591.651.162</u>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.850.106.993</b>	<b>50.416.954.766</b>
Công cụ, dụng cụ	1.341.260.465	608.505.819
Chương trình	-	48.828.389.284
Khác	508.846.528	980.059.663
<b>Dài hạn</b>	<b>3.972.741.106</b>	<b>1.484.504.008</b>
Công cụ, dụng cụ	3.003.948.652	669.341.309
Bản quyền âm nhạc	217.494.168	-
Chi phí cải tạo vốn phòng	-	411.547.424
Khác	751.298.286	403.615.275
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.822.848.099</b>	<b>51.901.458.774</b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.723.883.210	9.384.605.283	2.536.668.774	783.648.543	14.438.805.810
Mua mới	-	208.390.908	-	1.418.134.159	1.626.525.067
Giảm do thanh lý công ty con	(1.723.883.210)	(8.077.102.850)	(934.577.865)	(584.544.908)	(11.320.108.833)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	1.525.893.341	1.602.090.909	1.617.237.794	4.745.222.044
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	-	437.460.214	1.211.636.363	199.103.635	1.848.200.212
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(1.723.883.210)	(9.106.375.066)	(1.621.111.333)	(663.398.672)	(13.114.768.281)
Khấu hao trong kỳ	-	(120.061.224)	(82.805.592)	(48.750.190)	(251.617.006)
Giảm do thanh lý công ty con	1.723.883.210	7.863.039.134	507.244.433	512.364.594	10.606.531.371
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	(1.363.397.156)	(1.196.672.492)	(199.784.268)	(2.759.853.916)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	288.230.217	915.557.441	120.249.871	1.324.037.529
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	162.496.185	405.418.417	1.417.453.526	1.985.368.128



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Chương trình phim ngắn (*)	Phần mềm, máy tính	Nhãn hiệu, tên thương mại	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	82.828.580.077	15.164.958.910	3.185.964.630	102.179.503.617
Mua mới	26.909.592.978	41.867.000	-	26.951.459.978
Tăng do hợp nhất công ty con	-	4.213.800.000	4.196.057.675	8.409.857.675
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(1.154.515.000)	-	(1.154.515.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	109.738.173.055	19.266.110.910	7.382.022.305	136.386.306.270
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết	-	156.487.000	-	156.487.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(6.356.744.916)	(9.600.795.611)	(1.240.683.531)	(17.198.225.058)
Hao mòn trong kỳ	(10.461.163.805)	(1.728.098.779)	(273.938.922)	(12.463.201.506)
Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	(1.582.309.884)	(1.582.309.884)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	578.886.357	-	578.886.357
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(16.817.908.721)	(10.750.009.033)	(3.096.932.337)	(30.664.850.091)
<b>Giá trị còn lại</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	76.471.835.161	6.564.162.299	1.945.281.099	84.981.278.559
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	92.920.264.334	8.516.101.877	4.285.089.968	105.721.456.179

(\*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngắn độc quyền mà Nhóm Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	9.545.454.545	9.545.454.545
Dự án xây dựng phim trường	3.952.473.064	3.821.563.973
Dự án triển khai phần mềm chăm sóc khách hàng	2.419.408.787	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.917.336.396</b>	<b>13.367.018.518</b>

**17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	VND		
	STV	Netlink Việt Nam	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	38.216.838.797	-	38.216.838.797
Tặng do hợp nhất công ty con	-	147.927.101.502	147.927.101.502
Giảm do thoái vốn công ty con	(38.216.838.797)	-	(38.216.838.797)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	147.927.101.502	147.927.101.502
<b>Giá trị phân bổ lũy kế:</b>			
Số đầu năm	(7.389.204.760)	-	(7.389.204.760)
Phân bổ trong năm	(906.695.118)	(3.698.177.539)	(4.604.872.657)
Giảm do thoái vốn công ty con	8.295.899.878	-	8.295.899.878
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	(3.698.177.539)	(3.698.177.539)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	30.827.634.037	-	30.827.634.037
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	144.228.923.963	144.228.923.963

**18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 18.1)	244.123.957.468	348.572.994.312
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh 18.2)	45.052.910.277	46.002.910.277
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>289.176.867.745</b>	<b>394.575.904.589</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(11.167.364.491)	(11.167.364.491)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>278.009.503.254</b>	<b>383.408.540.098</b>



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 18.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 1 công ty liên kết trực tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2023; 2 công ty liên kết trực tiếp):

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh		Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	39,50	39,55	39,50	39,55	39,50	39,55
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam (Thuyết minh số 4.1)	-	-	-	-	35,00	35,00

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có các công ty con sở hữu 3 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2023: các công ty con sở hữu 5 công ty liên kết):

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh		Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	49,99	50,00	49,99	50,00	49,99	50,00
Công ty Cổ phần Zmedia	24,99	25,00	24,99	25,00	24,99	25,00
Công ty Cổ phần Eco Consumer (*)	49,99	50,00	49,99	50,00	49,99	50,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	-	-	-	-	13,40	20,00
Công ty Cổ phần Sông Toàn cầu	-	-	-	-	17,96	35,21

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại công ty này (Thuyết minh số 36.2)

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 18.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty	Giá trị đầu tư vào		Phần tỷ lệ sở hữu (hàng) từ công ty liên kết		Giá trị còn lại	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng (giảm) giá trị đầu tư	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	145.511.720.000	-	145.511.720.000	(2.949.928.936)	(3.853.281.904)	141.657.438.096
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Metlink Việt Nam (Thuyết minh số 4.1)	103.005.000.000	(103.005.000.000)	-	(656.029.706)	1.400.585.648	102.348.970.294
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	92.376.900.000	-	92.376.900.000	(3.023.130.120)	(3.457.575.495)	88.919.324.504
Công ty Cổ phần Zmedia	12.500.000.000	-	12.500.000.000	1.383.989.991	1.006.114.868	13.506.114.868
Công ty Cổ phần Sống Toàn cầu	158.155.805	(158.155.805)	-	(33.664.722)	33.664.722	124.491.083
Công ty Cổ phần ISocial	-	20.000.000	20.000.000	-	-	20.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>353.551.775.805</b>	<b>(103.143.155.805)</b>	<b>250.408.620.000</b>	<b>(4.978.781.453)</b>	<b>1.434.221.370</b>	<b>348.572.994.312</b>
						<b>244.123.957.468</b>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
		Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %
Công ty Cổ phần Giải trí 1000	Dịch vụ giải pháp số, phát hành trò chơi điện tử	21.253.734.206	-	30,00	21.253.734.206	-	30,00
Công ty Cổ phần 1Game (trước đây là "Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming")	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	8.100.000.000	(1.551.739.491)	18,00	8.100.000.000	(1.551.739.491)	18,00
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Dịch vụ giải pháp số	6.083.551.071	-	35,00	6.083.551.071	-	35,00
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSENC	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40
Công ty Cổ phần Garnify	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00
Công ty Cổ phần Shopiness	Công nghệ tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00
Công ty Cổ phần Lara Group	Lập trình máy tính	-	-	-	950.000.000	-	19,00
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>45.052.910.277</b>	<b>(11.167.364.491)</b>		<b>46.002.910.277</b>	<b>(11.167.364.491)</b>	

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÀN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần ZHoldings	53.422.546.042	-
Công ty TNHH STVProduction	45.112.400.002	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Number One	16.515.984.079	16.515.984.079
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	7.092.520.047	36.237.031.394
Khác	34.553.328.705	45.400.087.232
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>156.696.778.875</b>	<b>98.153.102.705</b>
<i>Trong đó:</i>		
Các bên khác	148.408.957.097	89.696.946.327
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	8.287.821.778	8.456.156.378

### 20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Phải nộp</b>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	14.427.238.053	300.133.080
Thuế thu nhập cá nhân (*)	5.121.405.998	166.667.128
Thuế giá trị gia tăng (*)	3.837.244.586	4.009.487
Thuế nhà thầu	3.067.560.803	-
Khác	5.876.732.290	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.330.181.730</b>	<b>470.809.695</b>
<b>Phải thu</b>		
Thuế giá trị gia tăng	13.954.750.488	1.245.247.988
Khác	12.624.784	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.967.375.272</b>	<b>1.245.247.988</b>
	<b>(18.388.741.390)</b>	<b>(3.171.858.952)</b>
	<b>14.617.578.569</b>	<b>7.834.042.903</b>
	<b>(2.056.454.841)</b>	<b>(373.197.535)</b>
	<b>(15.269.461.275)</b>	<b>(153.689.628)</b>
	<b>(346.636.140)</b>	<b>(196.004.884)</b>
	<b>(1.556.775)</b>	<b>6.004.476.212</b>
	<b>(3.171.858.952)</b>	<b>37.131.199.889</b>
	<b>(2.882.692.421)</b>	<b>11.175.899.643</b>
	<b>(181.670)</b>	<b>2.552.525</b>
	<b>(2.882.874.091)</b>	<b>11.178.452.168</b>

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty đang ghi nhận khoản thuế, phí phải nộp quá hạn ở các công ty con với số tiền là 26.295.062.685 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15.075.022.780 VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	13.785.540.280	10.379.620.700
Chi phí lãi chậm nộp thuế	6.523.927.415	5.298.545.646
Chi phí lãi vay	5.212.642.288	5.373.836.077
Lương tháng 13	230.000.776	2.030.064.776
Khác	6.840.974.566	4.366.607.998
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.593.085.325</b>	<b>27.448.675.197</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	<i>30.390.784.743</i>	<i>25.392.030.349</i>
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</i>	<i>2.202.300.582</i>	<i>2.056.644.848</i>

**22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	16.491.855.947	24.754.058.544
Các bên khác	8.730.850.211	4.401.307.337
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.222.706.158</b>	<b>29.155.365.881</b>

**23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	31.500.000.000	31.500.000.000
Phải trả do nhận chuyển nhượng cổ phần	22.857.600.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp (**)	4.854.989.218	3.175.245.581
Chi phí lãi vay	3.672.204.656	595.359.039
Phải trả về hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.147.650.000	2.147.650.000
Khác	3.965.718.392	7.657.570.639
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>68.998.162.266</b>	<b>45.075.825.259</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	<i>53.263.319.786</i>	<i>42.498.844.217</i>
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</i>	<i>15.734.842.480</i>	<i>2.576.981.042</i>

(\*) Đây là khoản vốn góp nhận từ VTCab liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đẹp gló rē sóng mùa 1". (Thuyết minh số 10)

(\*\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty đang khi nhận khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp quá hạn thanh toán với số tiền là 1.732.432.638 VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Phân loại lại	Tăng do hợp nhất công ty con	(Giảm) tăng do thoái vốn công ty con	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>171.352.690.912</b>	<b>188.953.105.320</b>	<b>(90.490.249.421)</b>	<b>14.345.096.884</b>	<b>15.496.209.605</b>	<b>(96.982.002.358)</b>	<b>202.674.850.942</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 24.1)	87.541.957.821	106.871.105.320	(57.509.759.737)	-	15.496.209.605	(67.997.002.358)	84.402.510.651
Vay cá nhân (Thuyết minh số 24.2)	27.859.909.091	57.772.000.000	(13.546.000.000)	-	-	(24.985.000.000)	47.100.909.091
Vay các tổ chức khác (Thuyết minh số 24.3)	34.200.824.000	4.930.000.000	(5.720.824.000)	-	-	-	33.410.000.000
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 24.4 và 35)	11.750.000.000	19.380.000.000	(7.892.808.874)	514.432.856	-	(4.000.000.000)	19.751.623.982
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24.1)	10.000.000.000	-	(5.820.856.810)	13.830.664.028	-	-	18.009.807.218
<b>Dài hạn</b>	<b>39.014.432.856</b>	<b>11.866.278.463</b>	<b>-</b>	<b>(14.345.096.884)</b>	<b>-</b>	<b>919.268.183</b>	<b>37.454.882.618</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 24.1)	37.500.000.000	9.850.278.463	-	(13.830.664.028)	-	-	33.519.614.435
Vay cá nhân (Thuyết minh số 24.2)	-	2.016.000.000	-	-	-	-	2.016.000.000
Vay các tổ chức khác (Thuyết minh số 24.3)	-	-	-	-	-	1.919.268.183	1.919.268.183
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	1.514.432.856	-	-	(514.432.856)	-	(1.000.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>210.367.123.768</b>	<b>200.819.383.783</b>	<b>(90.490.249.421)</b>	<b>-</b>	<b>15.496.209.605</b>	<b>(96.062.734.175)</b>	<b>240.129.733.560</b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.1 Vay ngân hàng

Nhóm Công ty vay các khoản vay ngân hàng từ các ngân hàng nhằm tài trợ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	<i>(VND)</i>		<i>%/năm</i>	
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định</b>				
Khoản vay 1	29.994.118.006	Từ ngày 2 tháng 6 năm 2025 đến ngày 24 tháng 6 năm 2025	8,2	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 2	19.739.971.071	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2024 đến ngày 25 tháng 12 năm 2024	8,2	Tin chấp
Khoản vay 3	19.179.892.555	Từ ngày 13 tháng 12 năm 2024 đến ngày 28 tháng 2 năm 2025	8,2	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 4	13.712.281.371	Ngày 28 tháng 2 năm 2025	9,5	Tin chấp
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố HCM</b>				
Khoản vay 1	1.776.247.648	Từ ngày 31 tháng 8 năm 2024 đến ngày 28 tháng 9 năm 2024	8,9 – 9,5	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>84.402.510.651</b>			

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 24. VAY (tiếp theo)

#### 24.1 Vay ngân hàng (tiếp theo)

Nhóm Công ty vay khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm thanh toán các khoản đầu tư mua tài sản cố định và hình là các chương trình phim ngân độc quyền phục vụ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm	Thế chấp
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định</b>				
Khoản vay 1	42.500.000.000	Từ ngày 15 tháng 8 năm 2024 đến ngày 15 tháng 8 năm 2028	11%/năm tính đến ngày 14 tháng 8 năm 2024	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 2	9.029.421.653	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2024 đến ngày 25 tháng 6 năm 2027	8	
	<b>51.529.421.653</b>			
Trong đó				
Vay dài hạn	33.519.614.435			
Vay dài hạn đến hạn trả	18.009.807.218			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2. Vay cá nhân

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
<b>Vay cá nhân ngắn hạn</b>			
Vũ Thị Tuyết Vân	39.000.000.000	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 19 tháng 6 năm 2025	8 – 10,5
Nguyễn Thị Khánh Hòa	6.455.000.000	Từ ngày 3 tháng 2 năm 2025 đến ngày 28 tháng 6 năm 2025	10,5
Trần Thanh Tân	1.117.909.091	Ngày 20 tháng 4 năm 2025	8
Trần Minh Việt	528.000.000	Ngày 6 tháng 4 năm 2025	6
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47.100.909.091</b>		
<b>Vay cá nhân dài hạn</b>			
Nguyễn Thị Khánh Hòa	2.016.000.000	Ngày 26 tháng 3 năm 2028	8

24.3. Vay các tổ chức khác

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
<b>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</b>			
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế	30.000.000.000	Theo yêu cầu	-
Công ty Cổ phần Ban Media	1.770.000.000	Từ ngày 14 tháng 3 năm 2025 đến ngày 14 tháng 6 năm 2025	10,5
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Giải pháp Đổi mới ICC VN	1.640.000.000	Ngày 24 tháng 9 năm 2024	10,5
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.410.000.000</b>		
<b>Vay dài hạn các tổ chức khác</b>			
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	1.919.268.183	Ngày 21 tháng 10 năm 2025	8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 35)

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
<b>Vay ngắn hạn các bên liên quan</b>			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	15.211.623.982	Ngày 27 tháng 12 năm 2024 đến ngày 14 tháng 6 năm 2025	10,5
Công ty TNHH Việt Nam Music Award	2.040.000.000	Từ ngày 30 tháng 3 năm 2025 đến ngày 29 tháng 5 năm 2025	10,5
Nguyễn Thị Thu Hương	1.600.000.000	Ngày 13 tháng 6 năm 2025	10,5
Công ty TNHH Tingting Network (trước đây là "Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng")	700.000.000	Từ ngày 23 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 5 năm 2025	10,5
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	200.000.000	Ngày 4 tháng 6 năm 2025	10,5
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.751.623.982</u></b>		



Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B08a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (liếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
VND				
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	312.799.680.000	550.873.478.254	30.555.633.680	894.228.791.934
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	9.969.594.703	9.969.594.703
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	312.799.680.000	550.873.478.254	40.525.228.383	904.198.386.637
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.313.532.640.000	140.518.254	57.414.341.843	1.371.087.500.097
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	29.135.069.765	29.135.069.765
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.313.532.640.000	140.518.254	86.549.411.608	1.400.222.569.862



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**25.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Vào ngày 1 tháng 1 và ngày 30 tháng 6	<u>1.313.532.640.000</u>	<u>312.799.680.000</u>

**25.3 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Cổ phiếu đang ký</b>	<b>131.353.264</b>	<b>131.353.264</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>131.353.264</b>	<b>131.353.264</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>131.353.264</i>	<i>131.353.264</i>
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>131.353.264</b>	<b>131.353.264</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>131.353.264</i>	<i>131.353.264</i>

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Nhóm Công ty được quyền hưởng cổ tức do Nhóm Công ty công bố. Mỗi cổ phần phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	29.135.069.765	9.969.594.703
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	131.353.264	31.279.968
Điều chỉnh cho số cổ phiếu phổ thông phát hành không thu tiền (cổ phiếu) (*)	5.648.190	28.232.327
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sử dụng để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm (cổ phiếu)	137.001.454	59.512.295
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	213	168

(\*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn này để phản ánh việc phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần với tỷ lệ 1.000:722 trong năm 2023 và việc phát hành 5.648.190 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm 2024 (Thuyết minh số 38).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Số đầu kỳ	12.211.638.962	12.551.387.798
Tăng do hợp nhất và thành lập công ty con	4.229.711.581	-
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(7.920.739.495)	-
Lỗ trong kỳ phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	<u>(7.680.618.504)</u>	<u>(829.807.421)</u>
Số cuối kỳ	<u>839.992.544</u>	<u>11.721.580.377</u>

**28. DOANH THU**

**28.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>284.036.464.970</b>	<b>143.294.334.475</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông</i>	<i>239.132.465.885</i>	<i>107.334.741.836</i>
<i>Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số</i>	<i>26.254.690.996</i>	<i>15.031.828.794</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông</i>	<i>17.981.419.489</i>	<i>20.609.126.926</i>
<i>Doanh thu về bán lẻ và bán hàng khác</i>	<i>667.888.600</i>	<i>318.636.919</i>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>(1.337.689.458)</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>-</i>	<i>(1.337.689.458)</i>
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>284.036.464.970</u></b>	<b><u>141.956.645.017</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông</i>	<i>239.132.465.885</i>	<i>105.997.052.378</i>
<i>Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số</i>	<i>26.254.690.996</i>	<i>15.031.828.794</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông</i>	<i>17.981.419.489</i>	<i>20.609.126.926</i>
<i>Doanh thu về bán lẻ và bán hàng khác</i>	<i>667.888.600</i>	<i>318.636.919</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	<i>238.552.671.039</i>	<i>120.393.774.560</i>
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</i>	<i>45.483.793.931</i>	<i>22.900.559.915</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. DOANH THU (tiếp theo)

28.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lãi do thanh lý khoản đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 4.2)	59.703.630.545	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.891.569.146	11.051.290.384
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.995.874.932	-
Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận tại thời điểm hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 4.1)	1.400.556.648	
Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	-	9.993.750.000
Khác	-	9.814.860
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>76.991.631.271</b>	<b>21.054.855.244</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	<i>75.462.983.690</i>	<i>19.102.713.872</i>
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</i>	<i>1.528.647.581</i>	<i>1.952.135.372</i>

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Giá vốn quảng cáo và tư vấn truyền thông	231.155.565.812	89.562.825.139
Giá vốn dịch vụ và thương mại truyền thông	12.460.316.018	19.406.567.750
Chi phí cung cấp bản quyền nội dung số	5.959.502.255	23.448.542.536
Giá vốn về bán lẻ và bán hàng khác	2.957.453.621	399.686.815
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho (Thuyết minh số 12)	(147.613.312)	(25.364.368.711)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>252.385.224.394</b>	<b>107.453.253.529</b>



= 2/1/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí lãi vay	8.306.578.721	10.046.072.400
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.444.065.891	-
Khác	6.248.292	181.078.022
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.756.892.904</b>	<b>10.229.150.422</b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Các bên khác</i>	<i>9.948.724.923</i>	<i>10.054.918.037</i>
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</i>	<i>808.167.981</i>	<i>174.232.385</i>

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>9.552.339.701</b>	<b>8.209.283.230</b>
Chi phí nhân viên	7.277.614.255	4.660.617.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	367.637.285	3.013.649.422
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.480.174	-
Chi phí khác	1.903.607.987	535.016.721
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>57.928.647.472</b>	<b>26.828.981.190</b>
Chi phí nhân viên	20.983.461.599	16.991.684.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.970.821.415	6.505.467.815
Chi phí (hoàn nhập) dự phóng	10.949.567.238	(3.334.093.204)
Phân bổ lợi thế thương mại	4.604.872.657	3.735.841.940
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.814.405.984	1.459.009.387
Chi phí khác	7.625.518.579	1.471.071.050
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>67.480.987.173</b>	<b>35.038.264.420</b>

**32. CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Tiền phạt thuế	1.226.381.769	4.526.264.010
Khác	968.274.579	719.280.183
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.193.656.348</b>	<b>5.245.544.193</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	265.734.726.289	129.426.187.565
Chi phí nhân viên	41.025.411.655	33.060.601.261
Chi phí khấu hao ( <i>Thuyết minh số 14 và 15</i> )	12.714.818.512	2.025.261.445
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	10.949.567.238	(3.334.093.205)
Phân bổ lợi thế thương mại ( <i>Thuyết minh số 17</i> )	4.604.872.657	3.735.841.940
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(147.613.312)	(25.364.368.711)
Khác	2.776.218.460	2.942.087.654
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>337.658.001.499</b>	<b>142.491.517.949</b>

**34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**34.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	434.455.909	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(3.929.753.635)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	434.455.909	(3.929.753.635)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	3.624.665.475	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.059.121.384</b>	<b>(3.929.753.635)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**34.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhận với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>25.513.572.645</b>	<b>5.210.033.647</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	5.102.714.529	1.042.006.729
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Lỗ thuế chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	3.237.388.433	2.561.384.445
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.546.510.732	1.023.600.918
Phân bổ lợi thế thương mại	920.974.531	747.168.388
Lỗ trong công ty liên kết	548.020.482	63.090.810
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	24.367.826	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(3.929.753.635)
Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết	(280.111.330)	-
Lỗ thuế từ năm trước chuyển sang	(2.354.811.789)	(5.437.251.290)
Lãi từ thanh lý công ty con	(7.685.932.030)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>4.059.121.384</b>	<b>(3.929.753.635)</b>

**34.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**34.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

				VND	
		<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>					
Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	(3.842.174.603)	(7.895.844.762)	4.053.670.159		-
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>					
Dự phòng đầu tư vào công ty con	29.031.819.259	29.460.823.943	(429.004.684)		-
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</b>			<b>3.624.665.475</b>		-

**34.4 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước**

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗi thuế sang các năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty có khoản lỗi lũy kế là 647.635.811.616 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 699.764.989.350 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

				VND	
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗi đến năm</i>	<i>Lỗi tính thuế</i>	<i>Sử dụng</i>	<i>Chưa chuyển lỗi tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	
2020	2025	383.107.399.146	(53.809.804.499)	329.297.594.647	
2021	2026	265.637.151.364	(3.202.920.170)	262.434.231.194	
2022	2027	26.533.593.746	(6.973.019.211)	19.560.574.535	
2023	2028	20.156.469.072	-	20.156.469.072	
2024	2029	16.186.942.168	-	16.186.942.168	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>711.621.555.496</b>	<b>(63.985.743.880)</b>	<b>647.635.811.616</b>	

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗi tính thuế nêu trên do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. **NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Nhóm Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty liên kết (đến ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Zmedia	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần 1Social	Công ty liên kết
Công ty TNHH Meta Blossom	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	Công ty liên kết (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty TNHH Big Cat	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Tingting Network	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần 1Game	Đầu tư khác
Công ty TNHH Tera Group	Đầu tư khác (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bô Công Anh	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty
Công ty Cổ phần Finbase	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT – Thành viên độc lập
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Chế Đoàn Viên	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Nam	Phó Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Bà Lê Thị Bích Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên BKS

Cá nhân liên quan đến nhân sự chủ chốt



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	34.519.709.573	-
	Vay	15.080.000.000	400.000.000
	Cho vay	1.800.000.000	17.050.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.725.000.000	12.314.234.577
	Mua dịch vụ	702.644.920	5.195.101.255
	Lãi vay	648.504.544	78.259.782
	Lãi cho vay	185.110.684	371.832.271
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	-	6.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	3.228.325.338
	Cho vay	-	2.328.800.000
	Lãi cho vay	-	46.603.398
	Mua dịch vụ	-	4.400.000
Lãi vay	-	657.534	
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	17.560.000.000	7.154.000.000
	Mua dịch vụ	4.333.333.334	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	2.216.523.810	-
	Lãi cho vay	988.325.015	139.333.562
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Vay	1.300.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	21.046.577	6.163.000.000
	Cho vay	-	1.250.000.000
	Lãi cho vay	20.288.167	990.164.282
Lãi vay	11.065.902	17.972.603	
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp bản quyền nội dung số	6.138.502.248	-
	Mua dịch vụ	987.600.000	1.291.070.000
	Cho vay	50.000.000	-
	Lãi cho vay	43.151	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	2.100.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	416.666.667	-
	Mua dịch vụ	198.375.000	-
	Lãi vay	43.012.602	-
	Lãi cho vay	2.617.809	-
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	1.525.000.000	450.000.000
	Lãi cho vay	117.321.908	5.490.411
	Cung cấp dịch vụ	102.000.000	-
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp bản quyền nội dung số	344.345.056	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty TNHH Tíngtíng Network	Vay Lãi vay	400.000.000 25.804.111	- -
Công ty Cổ phần Finbase	Cho vay Lãi cho vay Cung cấp dịch vụ Chi hộ	570.000.000 214.940.847 - -	7.010.000.000 368.958.024 1.195.000.000 53.378.600
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bò Công Anh	Tạm ứng mua dịch vụ	153.800.000.000	14.500.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Lãi vay	79.780.822	79.342.466
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng Thu hồi tạm ứng	86.000.000 40.000.000	- -
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng Thu hồi tạm ứng	236.111.639 126.348.251	72.654.874 40.593.474
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng Thu hồi tạm ứng	208.046.838 52.927.888	65.371.655 -
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.600.000.000	-
Ông Đào Phúc Trí	Thu hồi tạm ứng Tạm ứng	5.327.908.126 -	10.560.836.604 10.475.412.928
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	-	29.753.424



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. **NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Sổ dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	21.621.705.073	547.505.377
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Cung cấp dịch vụ	6.731.991.724	6.731.991.724
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp bản quyền nội dung số	4.358.340.000	-
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp bản quyền nội dung số	766.119.710	387.340.150
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Cung cấp dịch vụ	643.697.131	643.697.131
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Cung cấp dịch vụ	416.666.667	-
Công ty Cổ phần 1Game	Cung cấp dịch vụ	112.200.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Cung cấp dịch vụ	-	999.999.958
Công ty Cổ phần Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	87.902.530.164
Công ty Cổ phần Phục hợp Truyền thông T.H	Cung cấp dịch vụ	-	11.770.573.444
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cung cấp dịch vụ	-	8.080.206.311
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	-	1.154.383.491
		<b>34.650.720.305</b>	<b>118.218.227.750</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bô Công Ảnh	Mua dịch vụ	153.800.000.000	14.500.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua dịch vụ	224.750.000	24.750.000
		<b>154.024.750.000</b>	<b>14.524.750.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

**35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i></b>			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	5.030.000.000	-
Công ty Cổ phần Finbase	Cho vay	4.856.000.000	4.286.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Cho vay	1.960.214.647	-
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	550.000.000	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Cho vay	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	-	35.736.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	-	14.859.000.000
Công ty Cổ phần Phục hợp Truyền thông T.H	Cho vay	-	14.122.833.700
		<b>12.496.214.647</b>	<b>69.003.833.700</b>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>			
Công ty Cổ phần Finbase	Lãi cho vay	583.898.871	368.958.024
	Chi hộ	53.378.600	53.378.600
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi cho vay	409.745.333	213.178.763
Công ty Cổ phần 1Game	Lãi cho vay	155.134.098	33.410.819
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	155.118.950	-
Công ty Cổ phần Zmedia	Lãi cho vay	147.899.158	147.899.158
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	109.760.378	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Lãi cho vay	101.654.246	-
Chế Đoàn Viện	Tạm ứng	52.522.276	6.522.276
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Lãi cho vay	7.019.180	-
Công ty TNHH Big Cat	Lãi cho vay	1.654.110	1.610.959
Ông Đào Phúc Trí	Tạm ứng	-	5.327.908.126
Công ty Cổ phần Tera Group	Lãi cho vay	-	1.384.252.111
Công ty Cổ phần Phục hợp Truyền thông T.H	Lãi cho vay	-	554.536.312
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Lãi cho vay	-	531.123.083
		<b>1.777.785.200</b>	<b>8.622.778.231</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải thu về cho vay dài hạn</b>			
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	2.525.000.000	1.450.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	-	3.450.000.000
		<b>2.525.000.000</b>	<b>4.900.000.000</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Mua dịch vụ	5.849.789.534	5.849.789.534
Công ty TNHH Big Cat	Mua dịch vụ	1.242.574.276	2.270.759.876
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua dịch vụ	1.110.760.968	28.744.399
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Mua dịch vụ	25.000.000	84.450.744
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Mua dịch vụ	59.897.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Mua dịch vụ	-	222.411.825
		<b>8.287.821.778</b>	<b>8.456.156.378</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	15.059.511.102	21.310.867.823
	Cung cấp dịch vụ	-	137.093.401
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp bản quyền nội dung số	982.344.845	3.306.097.320
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Cung cấp dịch vụ	450.000.000	-
		<b>16.491.855.947</b>	<b>24.754.058.544</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b><i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i></b>			
Công ty TNHH Big Cat	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	1.173.700.000	1.173.700.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	384.914.280	191.788.886
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Lãi vay	320.438.356	240.657.534
	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	270.000.000	270.000.000
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Chi phí hoạt động quảng cáo	50.400.000	-
	Lãi vay	604.110	604.110
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Lãi vay	2.243.836	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	-	119.894.318
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	-	60.000.000
		<b>2.202.300.582</b>	<b>2.056.644.848</b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Phải trả chuyển nhượng cổ phần	13.070.000.000	-
	Lãi vay	664.842.480	16.241.979
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Phải trả hợp tác kinh doanh	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu tư Việt Nam Giải Trí	Lãi vay	-	207.573.065
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	-	183.945.200
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	-	148.150.685
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Lãi vay	-	13.705.730
Công ty TNHH Tingting Network	Lãi vay	-	7.364.383
		<b>15.734.842.480</b>	<b>2.576.981.042</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Sổ dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Vay ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	15.211.623.982	5.950.000.000
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	2.040.000.000	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.500.000.000	-
Công ty TNHH Tingting Network	Vay	700.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Vay	200.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	-	5.300.000.000
		<b>19.751.623.982</b>	<b>11.750.000.000</b>
<b>Vay dài hạn</b>			
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Vay	-	342.808.874
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	-	171.623.982
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Vay	-	1.000.000.000
		-	<b>1.514.432.856</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	1.500.000.000	750.000.000
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	708.871.800	354.435.900
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	-	1.699.338.000
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	502.449.000
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	-	123.981.550
Ông Yarn Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng BKS	-	-
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS	-	-
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.208.871.800</b>	<b>3.430.204.450</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**36. CÁC CAM KẾT**

**36.1 Cam kết thuê hoạt động (bên đi thuê)**

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dưới 1 năm	22.762.167.500	24.261.360.000
Từ 1 đến 5 năm	92.990.060.000	94.132.300.000
Trên 5 năm	64.650.474.000	67.729.068.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>180.402.701.500</b>	<b>186.122.728.000</b>

**36.2 Cam kết góp vốn**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

	VND		
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		
	Vốn cam kết	Vốn đã góp	Vốn còn phải góp
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
Công ty Cổ phần Eco Consumer	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty TNHH Meta Blossom	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	1.062.000.000	-	1.062.000.000
Công ty Cổ phần Gigagoods	918.000.000	-	918.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.310.060.000</b>	<b>22.000.000</b>	<b>26.288.060.000</b>

**37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là truyền thông và giải trí và cung cấp bản quyền nội dung số.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

### 37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

Cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Truyền thông và giải trí	Cung cấp bản quyền nội dung số	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	257.781.773.974	26.254.690.996	-	284.036.464.970
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	43.246.572.842	4.521.136.038	(47.767.708.880)	-
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>301.028.346.816</b>	<b>30.775.827.034</b>	<b>(47.767.708.880)</b>	<b>284.036.464.970</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận	11.682.403.394	22.605.515.255	(2.636.878.073)	31.651.240.576
Chi phí không phân bổ				(67.490.987.173)
Lợi nhuận từ công ty liên kết				(2.740.102.409)
Doanh thu tài chính				76.991.631.271
Chi phí tài chính				(10.756.892.904)
Lợi nhuận khác				(2.151.316.716)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>				<b>25.513.572.645</b>
Chi phí thuế TNDN				(434.455.909)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(3.624.665.475)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>21.454.451.261</b>
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>				
Chi phí hình thành tài sản cố định	(36.651.185.694)	(24.638.933.102)	-	(61.290.018.796)
Khấu hao và hao mòn	(2.253.654.707)	(10.461.163.805)	-	(12.714.818.512)
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	1.817.594.105.346	217.206.581.464	(323.649.217.601)	1.711.151.470.309
Tài sản không phân bổ				285.469.215.677
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.996.620.685.986</b>
Công nợ bộ phận	776.637.352.805	68.813.851.876	(321.810.738.497)	523.640.466.184
Công nợ không phân bổ				71.917.657.396
<b>Tổng công nợ</b>				<b>595.558.123.580</b>

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Truyền thông và giải trí	Cung cấp bản quyền nội dung số	Loại trừ	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>				
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	126.924.816.223	15.031.828.794	-	141.956.645.017
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	10.378.360.186	-	(10.378.360.186)	-
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>137.303.176.409</b>	<b>15.031.828.794</b>	<b>(10.378.360.186)</b>	<b>141.956.645.017</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận	40.401.602.987	(8.416.713.742)	2.518.502.243	34.503.391.488
Chi phí không phân bổ				(35.038.264.420)
Lợi nhuận từ công ty liên kết				(315.454.050)
Doanh thu tài chính				21.054.855.244
Chi phí tài chính				(10.229.150.422)
Lợi nhuận khác				(4.785.344.193)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>				<b>5.210.033.647</b>
Chi phí thuế TNDN				3.929.753.635
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>9.139.787.282</b>
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>				
Chi phí hình thành tài sản cố định	(1.332.114.959)	-	-	(1.332.114.959)
Khấu hao và hao mòn	(2.025.261.445)	-	-	(2.025.261.445)
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>				
Tài sản và công nợ	1.677.444.641.686	197.086.301.114	(368.751.341.730)	1.505.779.601.070
Tài sản bộ phận				354.618.441.298
Tài sản không phân bổ				1.860.398.042.369
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.505.779.601.070</b>
Công nợ bộ phận	788.628.515.649	76.010.711.754	(453.439.134.593)	410.200.092.810
Công nợ không phân bổ				66.898.810.500
<b>Tổng công nợ</b>				<b>477.098.903.310</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Vào ngày 8 tháng 7 năm 2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 616/2405/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 6 tháng 5 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 770/2407/NQ/HĐQT/YEG ngày 3 tháng 7 năm 2024. Vào ngày 25 tháng 7 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.313.532.640.000 VND lên 1.370.014.540.000 VND.

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2024, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 820/2407/NQ/HĐQT/YEG, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại một số công ty con, bao gồm Công ty Cổ phần Giải trí Ana, Công ty Cổ phần Tập đoàn Care và Công ty Cổ phần Công nghệ Thương Mai Giga1 trong quý III hoặc quý IV năm 2024. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, các công ty này sẽ không còn là công ty con của Công ty.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 45.380 cổ phần tương ứng với 18% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink Việt Nam") từ Công ty Cổ phần Tera Ventures với giá trị chuyển nhượng là 52.974.000.000 VND theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 898-2408-HDCNCP.NETLINK-VENTURES-YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Netlink Việt Nam tăng từ 51% lên 69%.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 3.886.500 cổ phần tương ứng với 34,55% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital") từ các bên với giá trị chuyển nhượng là 127.088.550.000 VND theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 896-2408-HDCNCP.Y1D-ANA-YEG, Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 897-2408-HDCNCP.Y1D-DPD-YEG, Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 899-2408-HDCNCP.Y1D-TVQ-YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Edigital tăng từ 35% lên 69,55% và Edigital trở thành công ty con của Công ty.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 911/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 19 tháng 8 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua chủ trương góp thêm vốn vào Công ty TNHH 1Production ("1Production") với số tiền 211.000.000.000 VND trong năm 2024 hoặc quý 1 năm 2025. Theo đó, sau khi hoàn tất góp vốn, vốn điều lệ của 1Production tăng từ 139.000.000.000 VND lên 350.000.000.000 VND.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 882/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 7 tháng 8 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 918/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 22 tháng 8 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc vay vốn từ các cá nhân với tổng số tiền là 227.480.150.000 VND nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(tiếp theo)

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

  
Lưu Anh Khoa  
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 8 năm 2024

  
Nguyễn Văn Tuấn  
Kế toán trưởng  
**CHỨNG THỰC BAN SẠO ĐÓNG VÀO BAN CHỈNH**  
Số chứng thực: 0.5...3.7...8.0  
Phó Tổng Giám đốc  
Mã số: 01 SCT/BS

Ngày: 23-12-2024

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC**



  
Lê Anh Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2024

)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2024**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	7
Thuyết minh cho báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	8

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 31 ngày 25 tháng 7 năm 2024.

#### Hội đồng Quản trị

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên
Ông Kim Min Soo	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)

#### Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)

#### Người đại diện theo pháp luật

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc

Ông Chế Đoàn Viên được bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền kí bảo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 và các văn bản giải trình liên quan theo Giấy Ủy Quyền số 102A-2404-GUQ-YEG có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024

#### Trụ sở chính

Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm từ trang 3 đến trang 48. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Chế Đoàn Viên  
Phó Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 25 tháng 10 năm 2024

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>686.425.922.568</b>	<b>550.345.281.762</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.382.011.091	6.392.544.437
111	Tiền		2.382.011.091	2.192.544.437
112	Các khoản tương đương tiền		-	4.200.000.000
<b>120</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>230.000.000</b>	<b>230.000.000</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		230.000.000	230.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>656.511.999.116</b>	<b>522.012.565.290</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	107.743.643.379	112.326.811.147
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		138.387.666.257	2.549.093.165
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	6(a)	301.537.900.044	270.238.767.925
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	131.947.979.209	159.015.726.054
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(23.105.189.773)	(22.117.833.001)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>25.144.368.554</b>	<b>18.471.428.571</b>
141	Hàng tồn kho		25.144.368.554	18.471.428.571
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.157.543.807</b>	<b>3.238.743.464</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	1.316.958.977	3.238.743.464
152	Thuế GTGT được khấu trừ		840.584.830	-

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.641.416.881.184</b>	<b>1.393.011.400.848</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>240.102.983.496</b>	<b>227.793.196.854</b>
215	Phải thu về cho vay dài hạn	6(b)	10.680.575.396	21.412.263.754
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	229.422.408.100	206.380.933.100
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>113.624.458.801</b>	<b>78.555.370.522</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	307.893.445	181.819.198
222	Nguyên giá		903.492.862	695.101.954
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(595.599.417)	(513.282.756)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	113.316.565.356	78.373.551.324
228	Nguyên giá		137.830.274.787	85.512.962.231
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(24.513.709.431)	(7.139.410.907)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>1.261.858.044.777</b>	<b>1.080.639.622.715</b>
251	Đầu tư vào công ty con	4(a)	1.723.883.212.233	1.342.337.412.233
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	2.000.000.000	231.761.250.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	17.715.625.000	17.715.625.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4	(481.740.792.456)	(511.174.664.518)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>20.831.394.110</b>	<b>1.023.210.757</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	20.831.394.110	1.023.210.757
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>2.327.842.803.752</b>	<b>1.943.356.682.610</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Tại ngày	
		30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>633.075.826.718</b>	<b>259.891.332.597</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>590.827.068.822</b>	<b>165.525.413.280</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	50.452.084.141	67.795.676.253
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10.623.529.848	24.616.965.143
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.707.516.717	1.537.872.433
314	Phải trả người lao động	4.226.735.761	1.529.147.261
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	17.381.425.844	5.287.267.886
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	3.218.448.094	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	165.036.199.048	41.747.660.304
320	Vay ngắn hạn	335.181.129.369	23.010.824.000
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>42.248.757.896</b>	<b>94.365.919.317</b>
338	Vay dài hạn	42.248.757.896	94.365.919.317
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>1.694.766.977.034</b>	<b>1.683.465.350.013</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.694.766.977.034</b>	<b>1.683.465.350.013</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	1.370.014.540.000	1.313.532.640.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.370.014.540.000	1.313.532.640.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	140.518.254	140.518.254
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	324.611.918.780	369.792.191.759
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước	313.310.291.759	317.666.606.594
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	11.301.627.021	52.125.585.165
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>2.327.842.803.752</b>	<b>1.943.356.682.610</b>

  
 Lưu Anh Khoa  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Khánh Trang  
 Kế toán trưởng

  
 Ông Đoàn Viên  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Ngày 25 tháng 10 năm 2024



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 02 – DN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024	30.09.2023	30.09.2024	30.09.2023
		VND	VND	VND	VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	86.887.787.766	16.991.194.509	192.321.706.882	45.788.473.082
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	86.887.787.766	16.991.194.509	192.321.706.882	45.788.473.082
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(50.012.175.087)	(12.722.187.645)	(129.058.419.629)	(33.797.030.863)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.875.612.679	4.269.006.864	63.263.287.253	11.991.442.219
21	Doanh thu hoạt động tài chính	6.087.102.527	10.616.903.129	19.959.695.359	44.230.501.994
22	Chi phí tài chính	(6.607.027.732)	(5.638.120.305)	(14.128.237.011)	(15.370.191.932)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(6.607.027.732)	(5.638.120.305)	(14.128.237.011)	(15.370.191.932)
25	Chi phí bán hàng	-	-	-	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(26.448.831.891)	(4.538.914.378)	(56.751.550.066)	(12.496.729.004)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.906.855.583	4.708.875.310	12.343.195.535	28.355.023.277
31	Thu nhập khác	-	-	280.407	-
32	Chi phí khác	(117.739.101)	(8.109.049)	(1.041.948.921)	(10.406.033)
40	Lỗ khác	(117.739.101)	(8.109.049)	(1.041.568.514)	(10.406.033)

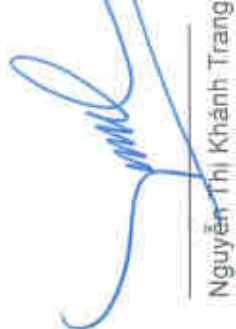
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024 VND	30.09.2023 VND	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.789.116.482	4.700.766.261	11.301.627.021	28.344.617.244
51	Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	-	-	-	-
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.789.116.482	4.700.766.261	11.301.627.021	28.344.617.244

  
 Lưu Anh Khoa  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Khánh Trang  
 Kế toán trưởng



  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Ngày 25 tháng 10 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 48 là một phần cấu thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	11,301.627.021	28.344.617.244
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại	17.456.615.185	133.953.216
03	Các khoản dự phòng	(28.446.515.290)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(19.857.100.677)	(17.109.827.585)
06	Chi phí lãi vay	14.128.237.011	15.370.191.932
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(5.417.136.750)	26.738.934.807
09	Tăng các khoản phải thu	(137.008.099.865)	(76.920.492.056)
10	Tăng hàng tồn kho	(6.672.939.983)	(383.218.133)
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	265.593.220.391	(47.289.560.804)
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	(17.886.398.866)	2.423.092.216
14	Tiền lãi vay đã trả	(4.020.560.693)	(12.450.057.448)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	94.588.084.234	(107.881.301.418)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	(96.570.534.908)	(113.204.714.853)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	80.203.091.147	166.176.879.955
25	Tiền chi mua cổ phần, góp vốn vào đơn vị khác	(468.023.800.000)	(513.071.250.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	99.144.000.000	13.983.200.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	24.595.482.233	26.492.526.074
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(358.651.761.528)	(419.623.358.824)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	-	450.000.000.000
33	Tiền thu từ vay	433.159.432.945	384.868.725.134
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(173.106.288.997)	(318.802.391.217)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	260.053.143.948	516.066.333.917
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ	(4.010.533.346)	(11.438.326.325)
60	Tiền và đương tương tiền đầu kỳ	6.392.544.437	17.365.013.108
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	2.382.011.091	5.926.686.783

  
 Lưu Anh Khoa  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Khánh Trang  
 Kế toán trưởng

  
 Chế Đoàn Viên  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Ngày 25 tháng 10 năm 2024



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2024**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKĐ") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 31 ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán – Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là YEG.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là truyền thông giải trí và quản lý.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí, sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty có 66 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 77 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty có 13 công ty con trực tiếp và 10 công ty con gián tiếp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 15 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp) được trình bày trong thuyết minh 4 – Đầu tư tài chính

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**2.5 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ. Dự phóng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

**2.7 Đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)**

**(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

**(c) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán khi đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

**2.8 Cho vay**

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phân ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

*Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	10% – 20%/năm
Phương tiện vận tải	10% – 33%/năm
Thiết bị quản lý	33%/năm
Bản quyền chương trình	10% – 20%/năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%/năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.10 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.12 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

**2.13 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ bên liên quan và các cá nhân.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

**2.14 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2.15 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập nhưng chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.16. Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2.17. Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**2.18. Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

**(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(d) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.20 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và chi phí lãi vay.

**2.21 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

**2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

**2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.24 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.25 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 4);
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 8); và

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30.09.2024</b>	<b>31.12.2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	21.912.000	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.360.099.091	2.192.544.437
Các khoản tương đương tiền	-	4.200.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.382.011.091</b>	<b>6.392.544.437</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Mẫu số B 09 – DN

**4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**(a) Đầu tư vào công ty con**

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	30.09.2024			31.12.2023				
				Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Giải Trí Ana (vi)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình truyền hình	99,00	29.700.000.000	(*)	28.700.000.000	99,00	29.700.000.000	(*)	29.700.000.000
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care (vi)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất phim	99,98	399.900.000.000	(*)	399.900.000.000	99,98	399.900.000.000	(*)	399.900.000.000
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại sự (i)	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	-	-	(*)	-	67,00	6.300.000.000	(*)	6.300.000.000
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1 (vi)	TP. Hồ Chí Minh	Các hoạt động sáng tạo, nghệ thuật và giải trí	99,99	588.167.412.233	(*)	-	99,99	588.167.412.233	(*)	-
5	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và tham dò dư luận	99,89	79.910.000.000	(*)	-32.352.924.293	99,89	79.910.000.000	(*)	32.352.924.293
6	Công ty Cổ phần YAG Entertainment (i)	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động chiếu phim, hoạt động hậu kỳ, ghi âm và xuất bản âm nhạc	-	-	(*)	-	85,00	15.640.000.000	(*)	15.640.000.000
7	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (i)	TP. Hà Nội	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	-	-	51,00	40.000.000.000	(*)	-
8	Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam (i)	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động hậu kỳ, chiếu phim, ghi âm và xuất bản âm nhạc	-	-	(*)	-	70,00	10.538.000.000	(*)	7.493.872.062
9	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	50,98	12.000.000	(*)	-	50,98	12.000.000	(*)	-
10	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Tỉnh Bến Tre	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00	10.000.000	(*)	-	51,00	10.000.000	(*)	-
11	Công ty TNHH 1Production	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00	139.000.000.000	(*)	-	100,00	139.000.000.000	(*)	-
12	Công ty TNHH Yeah1 Up	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	92,00	23.000.000.000	(*)	8.620.503.672	92,00	23.000.000.000	(*)	8.620.503.672

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Mẫu số B 09 – DN

**4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
**(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	30.09.2024				31.12.2023					
				Quyền sở hữu và biểu quyết	%	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu và biểu quyết	%	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	
													Dự phòng VND
13	Công ty TNHH STVProduction (i)	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	-	-	-	-	-	-	100,00	10.000.000.000	(*)	-
14	Công ty TNHH 1Brandlink	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	100,00	2.000.000.000	(*)	-	-	-	100,00	40.000.000	(*)	-
15	Công ty TNHH 1Talents	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	100,00	2.000.000.000	(*)	-	-	-	100,00	120.000.000	(*)	-
16	Công ty Cổ phần 1Latelai (ii)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00	1.020.000.000	(*)	-	-	-	-	-	-	-
17	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam (iv)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	69,00	203.319.000.000	(*)	-	-	-	-	-	-	-
18	Công ty Cổ phần Yeah1 Digital (v)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,05	255.844.800.000	(*)	-	-	-	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>1.723.883.212.233</b>		<b>470.573.427.965</b>		<b>1.342.337.412.233</b>		<b>500.007.300.027</b>		

(\*) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Vào ngày 18 tháng 6 năm 2024, HĐQT Tập đoàn đã ban hành Nghị quyết HĐQT số 746/2406/NQ/HĐQT/EG thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại các công ty con, bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sư Trẻ, Công ty Cổ phần YAG Entertainment và Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam. Tính đến ngày 28 tháng 06 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại các công ty con này, qua đó các công ty này không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

### 4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### (a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (ii) Vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn thành việc chuyển nhượng lại 100% vốn góp của Công ty TNHH STVProduction ("STVPro") cho Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV") theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 80-2403-HĐCN-YEG-STV ngày 15 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong STVPro giảm từ 100% xuống 51%. Tiếp đến vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, Tập đoàn đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51,19% của STV cho đối tác theo Hợp đồng chuyển nhượng có phần Số 125-2403-HĐCN-YEG-NNQ và được phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày, qua đó STV không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.
- (iii) Vào ngày 14 tháng 3 năm 2024, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn ban hành quyết định số 81/2403/QĐ/CTHĐQT/YEG thông qua việc góp vốn thành lập mới Công ty Cổ phần 1Label ("1Label") với vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng. Thông qua việc thành lập này, 1Label trở thành công ty con trực tiếp của Tập đoàn với tỷ lệ sở hữu 51,00% trên vốn chủ sở hữu.
- (iv) Vào ngày 19 tháng 4 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 40.320 cổ phần, tương ứng với 16% cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink") theo Nghị quyết HĐQT số 188/2404/NQ/HĐQT, qua đó nâng tổng tỷ lệ sở hữu tại Netlink lên thành 51,00%. Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam cũng trở thành công ty con trực tiếp của Tập đoàn kể từ ngày này.
- (v) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024, Tập đoàn cũng đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng thêm 45.360 cổ phần, tương ứng với 18% cổ phần Netlink, qua đó nâng tổng tỷ lệ sở hữu tại Netlink lên thành 69,00%.
- (v) Vào ngày 6 tháng 8 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 3.886.500 cổ phần tương ứng với 34,55% cổ phần của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Y1D") theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG, qua đó nâng tổng tỷ lệ sở hữu tại Y1D lên thành 69,55%. Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital cũng trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.
- (vi) Vào ngày 12 tháng 7 năm 2024, HĐQT Tập đoàn đã ban hành Nghị quyết HĐQT số 820/2407/NQ/HĐQT/YEG thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại các công ty con, bao gồm Công ty Cổ phần Giải trí Ana, Công ty Cổ phần Tập đoàn Care, Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1, thời gian thực hiện trong quý III hoặc quý IV năm 2024. Sau khi hoàn tất chuyển nhượng, các công ty này sẽ không còn là công ty con của Tập đoàn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Mẫu số B 09 – DN

**4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

Ngoài ra, Công ty có các công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	30.09.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
1	Công ty Cổ phần Gigagoods	TP. Hồ Chí Minh	Bán lẻ	51,00	51,00	51,00	51,00
2	Công ty Cổ phần Phần mềm Gigawin	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	59,00	59,00	59,00	59,00
3	Netlink Communication Technology Ltd	British Virgin Island	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	69,00	100,00	35,00	35,00
4	Công ty TNHH Yeah1 Publishing	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	64,66	94,00	32,90	32,90
5	Công ty TNHH Việt Nam Music Award	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	35,47	51,00	20,15	20,15
6	Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	69,55	100,00	39,51	39,51
7	Công ty TNHH Ting Ting Network	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55	100,00	39,51	39,51
8	Công ty TNHH Giải trí và Truyền thông Mango+	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	69,55	100,00	39,51	39,51
9	Công ty TNHH Big Cat	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	55,64	80,00	31,61	31,61
10	Công ty Cổ phần TStudio	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, hoạt động hậu kỳ	41,69	59,95	23,69	23,69
11	Công ty TNHH MTV Style TV	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	51,00	100,00

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Mẫu số B 09 – DN

**4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư vào công ty liên kết**

STT	Tên công ty	Tại ngày 30.09.2024				Tại ngày 31.12.2023			
		Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	40,00	40,00	2.000.000.000 (*)	-	-	-	-	-
2	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	-	-	-	39,50	39,50	128.756.250.000 (*)	-
3	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	-	-	-	35,00	35,00	103.005.000.000 (*)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2.000.000.000</b>				<b>231.761.250.000</b>	

(\*) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Mẫu số B 09 – DN

**4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	30.09.2024						31.12.2023					
			Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND		
1	Công ty Cổ phần Gamify Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000		15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000	
2	Công ty Cổ phần Ads Group Việt Nam	Công nghệ thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000		4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000	
3	Công ty Cổ phần Shopiness	Công nghệ thông tin xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	1.757.625.000		10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	1.757.625.000	
4	Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	18,00	18,00	8.100.000.000	(*)	1.551.739.491		18,00	18,00	8.100.000.000	(*)	1.551.739.491	
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>17.715.625.000</b>		<b>11.167.364.491</b>				<b>17.715.625.000</b>		<b>11.167.364.491</b>	

(\*) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	69.676.443.968	25.788.366.350
<i>Công ty Cổ phần Tera Group</i>	28.278.222.886	-
<i>Công ty Cổ phần Ban Media</i>	20.097.907.390	22.854.759.622
<i>Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV</i>	6.770.205.688	-
<i>Công ty Cổ phần King Production</i>	5.803.300.000	-
<i>Khác</i>	8.726.808.004	2.933.606.728
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	38.067.199.411	86.538.444.797
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>107.743.643.379</b>	<b>112.326.811.147</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8)	(1.798.983.363)	(1.158.799.295)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>105.944.660.016</b>	<b>111.168.011.852</b>

6 PHẢI THU VÉ CHO VAY

(a) Ngắn hạn

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	287.176.900.044	175.096.431.925
<i>Công ty Cổ phần Vital Investment Group</i>	114.106.821.919	119.000.000.000
<i>Ông Trần Minh Việt</i>	39.360.311.001	45.960.311.001
<i>Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV</i>	45.220.500.000	-
<i>Công ty Cổ phần Tera Group</i>	51.736.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần YAG Entertainment</i>	10.043.836.000	-
<i>Công ty Cổ phần Truyền thông Power</i>	9.090.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam     Trực tuyến</i>	5.067.000.000	2.140.000.000
<i>Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending</i>	5.134.862.703	6.316.138.099
<i>Các tổ chức khác</i>	7.417.568.421	1.679.982.825
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	14.361.000.000	95.142.336.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>301.537.900.044</b>	<b>270.238.767.925</b>

(b) Dài hạn

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	5.855.575.396	5.045.575.396
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam     Trực tuyến</i>	4.074.300.000	3.564.300.000
<i>Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending</i>	1.181.275.396	1.181.275.396
<i>Các tổ chức khác</i>	600.000.000	300.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	4.825.000.000	16.366.688.358
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.680.575.396</b>	<b>21.412.263.754</b>



## 7 PHẢI THU KHÁC

## (a) Ngắn hạn

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	67.786.413.793	67.911.013.887
Phải thu thu hộ theo hợp đồng	36.339.823.321	-
Phải thu lãi cho vay	12.362.289.810	21.952.487.777
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp	10.000.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.829.921.648	66.600.322.319
Đặt cọc	1.278.422.450	1.512.711.125
Khác	351.108.187	1.039.190.946
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>131.947.979.209</b>	<b>159.015.726.054</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8)	(21.306.206.410)	(20.959.033.706)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>110.641.772.799</b>	<b>138.056.692.348</b>
Trong đó:		
Bên thứ ba	108.117.418.080	112.705.987.423
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	23.830.561.129	46.309.738.631

## (b) Dài hạn

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	199.875.000.000	199.875.000.000
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp	24.000.000.000	-
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	5.547.408.100	6.505.933.100
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>229.422.408.100</b>	<b>206.380.933.100</b>

(\*) Số dư thể hiện khoản tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh về dự án đầu tư các start-up. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng, dự án vẫn đang trong quá trình triển khai.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Mẫu số B 09 – DN

**8 NỢ KHỔ ĐÓI**

	30.09.2024		31.12.2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
				Giá trị có thể thu hồi VND
				Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.163.801.860	1.364.818.497	(1.798.983.363)	2.005.002.565
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	2.490.070.000	1.245.035.000	(1.245.035.000)	1.743.049.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	523.907.131	119.783.497	(404.123.634)	261.953.565
Công ty TNHH Yeah1 Vision	149.824.729	-	(149.824.729)	-
Phải thu ngắn hạn khác	25.322.553.232	4.016.346.822	(21.306.206.410)	1.316.302.214
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	-
Công ty Cổ phần Phát triển UP	1.000.000.000	300.000.000	(700.000.000)	300.000.000
Khác	4.722.553.232	3.716.346.822	(1.006.206.410)	1.016.302.214
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>28.486.355.092</b>	<b>5.381.165.319</b>	<b>(23.105.189.773)</b>	<b>3.321.304.779</b>
				<b>(22.117.833.001)</b>

## 9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

## (a) Ngắn hạn

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Công cụ, dụng cụ	216.852.051	23.183.793
Chi phí dịch vụ trả trước	1.100.106.926	3.215.559.671
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.316.958.977</b>	<b>3.238.743.464</b>

## (b) Dài hạn

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí cải tạo văn phòng	18.399.099.359	411.547.424
Công cụ, dụng cụ	1.973.963.409	294.937.452
Chi phí dịch vụ trả trước	458.331.342	316.725.881
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.831.394.110</b>	<b>1.023.210.757</b>

## 10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

## (a) TSCĐ hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	695.101.954	695.101.954
Mua trong năm	208.390.908	208.390.908
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	<u>903.492.862</u>	<u>903.492.862</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	(513.282.756)	(513.282.756)
Khấu hao trong năm	(82.316.661)	(82.316.661)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	<u>(595.599.417)</u>	<u>(595.599.417)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	<u>181.819.198</u>	<u>181.819.198</u>
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	<u>307.893.445</u>	<u>307.893.445</u>

## 10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

## (b) TSCĐ vô hình

	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền nội dung VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.489.382.154	160.000.000	82.863.580.077	85.512.962.231
Mua trong năm	-	-	52.317.312.556	52.317.312.556
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	2.489.382.154	160.000.000	135.180.892.633	137.830.274.787
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	(769.332.656)	(13.333.335)	(6.356.744.916)	(7.139.410.907)
Khấu hao trong năm	(43.599.279)	(24.000.003)	(17.306.699.242)	(17.374.298.524)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	(812.931.935)	(37.333.338)	(23.663.444.158)	(24.513.709.431)
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.720.049.498	146.666.665	76.506.835.161	78.373.551.324
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	1.676.450.219	122.666.662	111.517.448.475	113.316.565.356

## 11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	27.364.696.585	4.263.249.709
<i>Công ty TNHH STVProduction</i>	20.576.400.002	-
<i>Khác</i>	6.788.296.583	4.263.249.709
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	23.087.387.556	63.532.426.544
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>50.452.084.141</b>	<b>67.795.676.253</b>

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	5.984.216.423	-
<i>Hunan Mgtv.com Interactive Entertainment     Media Co., Ltd.</i>	1.086.536.423	-
<i>Khác</i>	4.897.680.000	-
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	4.639.313.425	24.616.965.143
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.623.529.848</b>	<b>24.616.965.143</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Mẫu số B 09 – DN

**14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 01.01.2024 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30.09.2024 VND
<b>(a) Phải thu</b>				
Thuế GTGT được khấu trừ	-	15.848.902.168	(15.008.317.338)	840.584.830
<b>TỔNG CỘNG</b>	-	<u>15.848.902.168</u>	<u>(15.008.317.338)</u>	<u>840.584.830</u>
<b>(b) Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế GTGT	1.011.003.711	16.162.332.098	(16.628.715.853)	544.619.956
Thuế thu nhập cá nhân	292.770.733	4.365.682.736	(2.559.803.806)	2.098.649.663
Thuế khác	234.097.989	2.491.637.963	(661.488.854)	2.064.247.098
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>1.537.872.433</u>	<u>23.019.652.797</u>	<u>(19.850.008.513)</u>	<u>4.707.516.717</u>

## 15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	16.595.744.706	529.510.910
Lương và thưởng cho nhân viên	230.000.776	2.018.064.776
Chi phí lãi vay	26.169.452	1.967.531.800
Khác	529.510.910	772.160.400
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.381.425.844</b>	<b>5.287.267.886</b>
Trong đó:		
Bên thứ ba	17.366.302.967	3.319.563.483
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	15.122.877	1.967.704.403

## 16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Nhận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần	89.999.000.000	-
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	31.500.000.000	31.500.000.000
Phải trả về hợp đồng hợp tác kinh doanh	31.427.266.335	-
Chi phí lãi vay	6.795.505.095	4.677.816.755
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	987.660.556	928.353.799
Khác	4.326.767.062	4.641.489.750
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>165.036.199.048</b>	<b>41.747.660.304</b>
Trong đó:		
Bên thứ ba	131.866.999.843	38.826.473.587
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	33.169.199.205	2.921.186.717

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn không có khoản phải trả khác ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Mẫu số B 09 – DN

17	VAY	Tại ngày 01.01.2024 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 30.09.2024 VND	Lãi suất VND	Kỳ hạn trả nợ gốc VND
(a)	Ngắn hạn						
	Vay ngân hàng	10.000.000.000	118.642.861.292	(42.057.881.923)	86.584.979.369		
	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	10.000.000.000	118.642.861.292	(42.057.881.923)	86.584.979.369	8,2%	Ngày 31/01/2025
	Vay bên thứ ba	4.260.824.000	248.997.150.000	(18.115.824.000)	235.142.150.000		
	Bà Vũ Thị Tuyết Vân	-	117.147.080.000	-	117.147.080.000	8,0%	Từ ngày 24/04/2025 đến ngày 07/08/2025
	Ông Võ Xuân Huy	-	55.590.000.000	-	55.590.000.000	8,0%	Ngày 07/08/2025
	Bà Nguyễn Hải Tường Vi	-	54.743.070.000	-	54.743.070.000	8,0%	Ngày 07/08/2025
	Bà Nguyễn Thị Khánh Hòa	-	13.787.000.000	(7.655.000.000)	6.132.000.000	10,5%- 11%	Từ ngày 04/01/2025 đến ngày 07/06/2025
	Công ty Cổ phần Ban Media	2.260.824.000	7.730.000.000	(8.460.824.000)	1.530.000.000	10,5%	Từ ngày 10/05/2025 đến 14/06/2025
	Bà Vũ Thị Ngọc Trinh	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-	-	-
	Vay bên liên quan	8.750.000.000	95.683.842.260	(90.979.842.260)	13.454.000.000		
	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	5.950.000.000	24.050.000.000	(25.811.000.000)	4.189.000.000	10,5%	Từ ngày 27/12/2024 đến ngày 14/06/2025
	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	9.920.000.000	(5.900.000.000)	4.020.000.000	10,5%	Từ ngày 12/03/2025 đến ngày 11/05/2025
	Công ty TNHH Vietnam Music Award	200.000.000	2.100.000.000	(260.000.000)	2.040.000.000	10,5%	Từ ngày 29/03/2025 đến ngày 17/05/2025
	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	-	1.900.000.000	(400.000.000)	1.500.000.000	12,0%	Ngày 13/12/2024
	Công ty TNHH 1Talents	-	4.100.000.000	(3.000.000.000)	1.100.000.000	10,5%	Từ ngày 13/06/2025 đến ngày 31/06/2025
	Công ty TNHH Tinh Ting Network	300.000.000	400.000.000	(95.000.000)	605.000.000	10,5%	Từ ngày 25/10/2024 đến ngày 27/05/2025
	Công ty Cổ phần Giải Trí Ana	-	51.713.842.260	(51.713.842.260)	-	-	-
	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	2.300.000.000	-	(2.300.000.000)	-	-	-
	Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	1.500.000.000	(1.500.000.000)	-	-	-
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.010.824.000</b>	<b>463.323.853.552</b>	<b>(151.153.548.183)</b>	<b>335.181.129.369</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Mẫu số B 09 – DN

17	VAY (tiếp theo)	(b)	Đại hạn	Tại ngày	Tăng	Giảm	Tại ngày	Lãi suất	Kỳ hạn trả nợ gốc
				01.01.2024	VND	VND	30.09.2024	VND	VND
	Vay ngân hàng			37.500.000.000	9.029.421.653	(16.330.663.757)	30.198.757.896		
	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam			37.500.000.000	9.029.421.653	(16.330.663.757)	30.198.757.896	11,0%	Ngày 15/08/2028
	Vay bên liên quan			56.865.919.317	12.520.000.000	(57.335.919.317)	12.050.000.000		
	Công ty Cổ Phần Giải Trí Ana			54.603.842.260	-	(54.603.842.260)	-		
	Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam			1.919.268.183	-	(1.919.268.183)	-		
	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam			-	12.050.000.000	-	12.050.000.000	10,5%	Từ ngày 16/08/2026 đến 19/09/2026
	Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số			342.808.874	-	(342.808.874)	-		
	Công ty TNHH 1Production			-	470.000.000	(470.000.000)	-		
				<b>94.365.919.317</b>	<b>21.549.421.653</b>	<b>(73.666.583.074)</b>	<b>42.248.757.896</b>		

## 18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

## (a) Số lượng cổ phiếu

	30.09.2024	31.12.2023
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	137.001.454	131.353.264
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	137.001.454	131.353.264
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	137.001.454	131.353.264

## (b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.09.2024		31.12.2023	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Bà Lê Phương Thảo	7.892.748	5,76	7.232.400	5,51
Ông Chế Đoàn Viên	6.833.725	4,99	6.371.400	4,85
Cổ đông khác	122.274.981	89,25	117.749.464	89,64
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>137.001.454</b>	<b>100,00</b>	<b>131.353.264</b>	<b>100,00</b>

## (c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	31.279.968	31.279.968	31.279.968
Phát hành cho nhà đầu tư chiến lược	45.000.000	45.000.000	45.000.000
Phát hành cho cổ đông hiện hữu	55.073.296	55.073.296	55.073.296
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	131.353.264	131.353.264	131.353.264
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	5.648.190	5.648.190	5.648.190
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	137.001.454	137.001.454	137.001.454

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

19 TÍNH HÌNH TĂNG GIÁM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	312.799.680.000	550.873.478.254	317.666.606.594	1.181.339.764.848
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược	450.000.000.000	-	-	450.000.000.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	550.732.960.000	(550.732.960.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	52.125.585.165	52.125.585.165
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.313.532.640.000	140.518.254	369.792.191.759	1.683.465.350.013
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	11.301.627.021	11.301.627.021
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) (*)	56.481.900.000	-	(56.481.900.000)	-
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	1.370.014.540.000	140.518.254	324.611.918.780	1.694.766.977.034

(\*) Vào ngày 8 tháng 7 năm 2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 616/2405/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 6 tháng 5 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 770/2407/NQ/HDQT/YEG ngày 3 tháng 7 năm 2024. Vào ngày 25 tháng 7 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.313.532.640.000 VND lên 1.370.014.540.000 VND

## 20 DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024	30.09.2023
	VND	VND
Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông	111.700.575.301	4.873.889.657
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại	39.091.914.983	40.914.583.425
Doanh thu bản quyền nội dung	41.529.216.598	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>192.321.706.882</b>	<b>45.788.473.082</b>

## 21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024	30.09.2023
	VND	VND
Giá vốn quảng cáo và tư vấn truyền thông	103.630.484.129	2.285.205.608
Giá vốn cung cấp dịch vụ và thương mại	16.286.447.681	31.511.825.255
Giá vốn bản quyền nội dung	9.141.487.819	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>129.058.419.629</b>	<b>33.797.030.863</b>

## 22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024	30.09.2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.857.100.677	17.109.827.585
Lãi thoái vốn công ty con	100.872.062	-
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	1.722.620	194.969
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	14.990.625.000
Cổ tức được chia	-	12.129.854.440
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.959.695.359</b>	<b>44.230.501.994</b>

## 23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024	30.09.2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	14.128.237.011	15.370.191.932

## 24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024	30.09.2023
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.452.072.615	5.125.001.773
Chi phí nhân viên	25.154.182.736	7.329.072.587
Chi phí khấu hao TSCĐ	149.915.943	40.185.965
Khác	8.022.000	2.468.679
Dự phòng phải thu khó đòi	987.356.772	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>56.751.550.066</b>	<b>12.496.729.004</b>

## 25 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lỗ kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024	30.09.2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.301.627.021	28.344.617.244
Thuế tính ở thuế suất 20% (*)	2.260.325.404	5.668.923.449
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	208.369.784	2.081.207
Lỗ tính thuế được sử dụng	(2.468.695.188)	(5.671.004.655)
<b>Chi phí thuế TNDN (*)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

## 26 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024	30.09.2023
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.311.020.945	24.430.241.958
Chi phí nhân viên	32.905.466.974	19.436.130.155
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.456.615.185	133.953.216
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	987.356.772	-
Khác	8.022.000	8.228.930
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>176.668.481.876</b>	<b>44.008.554.259</b>

**27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Tập đoàn có giao dịch và số dư và giao dịch với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Công ty con trực tiếp
	(đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty TNHH 1Production	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Công ty con trực tiếp
	(đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Công ty con trực tiếp
	(đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Yeah1 Up	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH 1Talents	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH 1Brandlink	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần 1Label	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Yeah1 Publishing	Công ty con của công ty liên kết
	(đến ngày 18 tháng 4 năm 2024)
	Công ty con gián tiếp
	(từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Netlink Communication Technology Ltd	Công ty con của công ty liên kết
	(đến ngày 18 tháng 4 năm 2024)
	Công ty con gián tiếp
	(từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty Cổ phần Gigagoods	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Công ty con trực tiếp
	(đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty TNHH STV Production	Công ty con trực tiếp
	(đến ngày 15 tháng 3 năm 2024)
	Công ty con gián tiếp
	(đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty TNHH MTV Style TV	Công ty con gián tiếp
	(đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty liên kết
	(đến ngày 18 tháng 4 năm 2024)
	Công ty con trực tiếp
	(từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết
	(đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
	Công ty con trực tiếp
	(từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)

## 27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết của công ty con Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024) Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024) Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH BigCat	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024) Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024) Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH TingTing Network	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty Cổ phần 1Game	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Đầu tư khác của công ty con
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Đầu tư khác của công ty con
Công ty Cổ phần Tera Group	Đầu tư khác của công ty con (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (" HĐQT")
Ông Đào Phúc Trí	Phó chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)
Ông Đinh Hoài Nam	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Kim Min Soo	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Ngô Thị Văn Hạnh	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Chế Đoàn Viên	Tổng giám đốc
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Người liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	Công ty mà người nội bộ là thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bỏ Công Anh	Công ty mà người có liên quan của người nội bộ là Giám đốc



## 27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp dịch vụ	42.891.137.134	18.177.090.296
	Vay	24.050.000.000	7.000.000.000
	Lãi vay	820.054.604	4.027.397
	Mua dịch vụ	3.500.000	2.315.617.971
	Cho vay	-	13.600.000.000
	Lãi cho vay	-	290.493.231
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Cho vay	3.600.000.000	2.328.800.000
	Lãi vay	62.899.792	20.967.123
	Lãi cho vay	20.165.753	46.603.398
	Mua dịch vụ	2.200.000	220.000
	Cung cấp dịch vụ	-	4.988.559.103
	Vay	-	6.400.000.000
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Vay	51.713.842.260	59.703.842.260
	Lãi vay	2.785.993.536	2.329.803.164
	Cung cấp dịch vụ	9.090.909	81.818.181
	Cho vay	-	900.000.000
	Lãi cho vay	-	28.165.982
Công ty Cổ phần Tổng hợp Truyền thông STV	Cho vay	19.152.000.000	41.330.000.000
	Cung cấp dịch vụ	2.310.326.514	7.810.453.277
	Mua dịch vụ	2.210.809.524	-
	Lãi cho vay	1.002.878.961	1.036.540.486
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Cho vay	724.300.000	4.370.000.000
	Mua dịch vụ	142.170.068	-
	Lãi cho vay	118.972.191	99.459.448
	Lãi vay	-	227.391.781
	Cổ tức được chia	-	12.129.854.440
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	2.100.000.000	-
	Lãi vay	97.002.738	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Vay	21.970.000.000	4.900.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.876.000.000	4.977.246.346
	Lãi vay	311.579.586	3.969.863
	Cho vay	-	3.000.000.000
	Lãi cho vay	-	95.486.575
Công ty TNHH Yeah1 Up	Cho vay	8.492.000.000	12.600.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.963.000.000	2.408.345.006
	Lãi cho vay	583.701.568	287.901.285
	Mua dịch vụ	28.909.091	21.388.889

## 27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp dịch vụ	543.497.378	692.165.844
Công ty Cổ phần 1Label	Cung cấp dịch vụ	522.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Cung cấp dịch vụ	412.000.000	-
Công ty TNHH 1Talents	Vay	4.100.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	287.000.000	-
	Lãi vay	20.453.423	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Vay	1.500.000.000	342.808.874
	Lãi vay	12.446.724	4.633.034
	Cho vay	-	1.250.000.000
	Lãi cho vay	-	1.192.452.719
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Lãi cho vay	73.304.388	9.956.175
	Cho vay	-	490.090.853
	Lãi vay	-	5.228.754
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	Mua dịch vụ	250.000.000	-
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	17.560.000.000	10.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	2.216.523.810	1.758.363.556
	Lãi cho vay	674.030.959	240.406.848
Công ty TNHH 1Production	Mua dịch vụ	41.122.111.112	-
	Cho vay	2.000.000.000	1.665.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.275.000.000	-
	Vay	470.000.000	-
	Lãi cho vay	39.124.727	15.542.876
Lãi vay	2.163.288	-	
Công ty TNHH STVProduction	Mua hàng hóa, dịch vụ	15.506.172.840	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Lãi cho vay	749.494.386	1.124.241.584
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	2.465.000.000	730.000.000
	Lãi cho vay	199.606.697	16.719.589
	Cung cấp dịch vụ	170.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Cung cấp dịch vụ	1.905.000.000	-
	Cho vay	1.547.188.358	-
	Lãi cho vay	137.504.773	229.728.088

## 27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Công ty TNHH TìngTìng Network	Vay	400.000.000	-
	Lãi vay	44.029.524	-
	Cho vay	-	110.000.000
	Lãi cho vay	-	1.338.768
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Lãi vay	-	114.840.596
Công ty TNHH MTV Style TV	Cung cấp dịch vụ	-	1.900.000
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	324.083.204	250.462.693
	Thu hồi tạm ứng	235.730.160	109.141.043
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	390.379.789	92.817.405
	Thu hồi tạm ứng	276.307.959	-
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	345.425.046	9.000.000
	Thu hồi tạm ứng	345.425.046	9.000.000
Ông Đào Phúc Trí	Thu hồi tạm ứng	5.327.908.126	10.560.836.604
	Tạm ứng	-	10.702.878.573
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.900.000.000	-
	Lãi vay	60.032.875	-

## 27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

## Các khoản chi cho nhân sự quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức danh	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
<b>Thù lao thành viên HĐQT</b>			
Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	-
Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	-
Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT	-	-
Đình Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Kim Min Soo	Thành viên HĐQT	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<u>-</u>	<u>-</u>
<b>Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác</b>			
Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng giám đốc	2.025.000.000	1.500.000.000
Chê Đoàn Viên	Phó Tổng Giám Đốc	1.055.371.800	708.871.800
Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám Đốc	300.200.000	-
Kim Min Soo	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Đào Phúc Trí	Tổng giám đốc (đã miễn nhiệm)	-	2.549.007.000
Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	502.449.000
Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	123.981.550
<b>TỔNG CỘNG</b>		<u>3.380.571.800</u>	<u>5.384.309.350</u>

## 27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	27.453.074.929	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	3.874.700.782	2.375.535.228
Công ty TNHH Big Cat	2.466.893.498	-
Công ty TNHH 1Production	1.402.500.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	1.154.383.491	1.154.383.491
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	523.907.130	523.907.131
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	346.772.026	-
Công ty TNHH 1Talents	315.700.000	-
Công ty Cổ phần Tstudio	219.067.555	387.340.148
Công ty Cổ phần 1Game	187.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	123.200.000	-
Công ty Cổ phần Tera Group	-	52.456.952.000
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	-	22.360.890.888
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	-	6.467.782.550
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	408.922.194
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	-	312.731.387
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	-	90.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.067.199.411</b>	<b>86.538.444.797</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 6(a))</b>		
Công ty TNHH Yeah1 Up	10.185.000.000	2.880.000.000
Công ty Cổ phần Finbase	2.126.000.000	2.160.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	1.600.000.000	-
Công ty Cổ phần 1Game	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	-	36.118.500.000
Công ty Cổ phần Tera Group	-	23.730.000.000
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	-	20.663.836.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	-	9.090.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.361.000.000</b>	<b>95.142.336.000</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bò Công Anh	14.500.000.000	-

## 27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
<b>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 6(b))</b>		
Công ty Cổ phần 1Game	3.015.000.000	1.450.000.000
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Care	930.000.000	930.000.000
Công ty TNHH 1Production	480.000.000	1.735.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	400.000.000	3.680.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	-	3.309.688.358
Công ty TNHH Yeah1 Up	-	3.136.000.000
Công ty Cổ phần Finbase	-	2.126.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.825.000.000</b>	<b>16.366.688.358</b>

**Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))**

Công ty TNHH 1Production	20.821.428.023	59.709.040
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	2.268.000.000	37.964.381
Công ty Cổ phần 1Game	233.017.516	33.410.819
Công ty TNHH Yeah1 Up	160.159.929	264.884.189
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	114.071.830	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	107.634.948	34.330.560
Bà Lê Phương Thảo	88.350.034	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	20.165.753	-
Ông Chế Đoàn Viên	6.522.276	6.522.276
Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1	5.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	4.384.109	208.163.761
Công ty TNHH Big Cat	1.610.958	1.610.959
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	215.753	215.753
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	-	27.109.745.263
Công ty TNHH STV Production	-	7.773.261.957
Ông Đào Phúc Trí	-	5.327.908.126
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	-	3.323.051.162
Công ty Cổ phần Tera Group	-	689.243.013
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	-	658.136.912
Công ty Cổ phần Finbase	-	422.336.624
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	-	359.243.836
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.830.561.129</b>	<b>46.309.738.631</b>

## 27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)</b>		
Công ty TNHH 1Production	18.267.580.000	-
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bò Công Anh	4.239.310.835	-
Công ty TNHH Big Cat	322.596.003	2.270.759.876
Công ty Cổ phần 1Label	147.708.709	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	110.192.009	-
Công ty TNHH STV Production	-	41.866.666.668
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	-	19.395.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.087.387.556</b>	<b>63.532.426.544</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 13)</b>		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	4.423.513.425	-
Công ty Cổ phần 1Label	215.800.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	21.310.867.823
Công ty TNHH Big Cat	-	3.306.097.320
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.639.313.425</b>	<b>24.616.965.143</b>
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 15)</b>		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	11.161.644	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	3.357.123	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	604.110	172.603
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	1.967.531.800
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.122.877</b>	<b>1.967.704.403</b>

## 27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16)</b>		
Công ty TNHH 1Production	24.964.262.732	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	5.960.245.107	4.660.274
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	826.012.645	9.315.164
Công ty Cổ phần 1Label	765.608.205	
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	321.777.045	13.705.730
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	139.654.570	2.627.159.124
Công ty TNHH Vietnam Music Award	96.571.231	-
Công ty TNHH TingTing Network	51.393.907	7.364.383
Công ty TNHH 1Talents	20.453.423	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	15.320.548	
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	7.899.792	63.661.644
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	-	192.242.316
Công ty TNHH STV Production	-	3.078.082
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.169.199.205</b>	<b>2.921.186.717</b>

**Vay ngắn hạn (Thuyết minh 17(a))**

Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	4.189.000.000	5.950.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	4.020.000.000	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	2.040.000.000	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	1.500.000.000	-
Công ty TNHH 1Talents	1.100.000.000	-
Công ty TNHH TingTing Network	605.000.000	300.000.000
Công ty Cổ Phần Giải trí Ana	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	2.300.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.454.000.000</b>	<b>8.750.000.000</b>



27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
<b>Vay dài hạn (Thuyết minh 17(b))</b>		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	12.050.000.000	-
Công ty Cổ Phần Giải trí Ana	-	54.603.842.260
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	342.808.874
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	-	1.919.268.183
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.050.000.000</b>	<b>56.865.919.317</b>

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 25 tháng 10 năm 2024.

  
 \_\_\_\_\_  
 Lưu Anh Khoa  
 Người lập

  
 \_\_\_\_\_  
 Nguyễn Thị Khánh Trang  
 Kế toán trưởng

  
  
 \_\_\_\_\_  
 Chế Đoàn Viên  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Ngày 25 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2024

...

...

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2024

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	7
Thuyết minh cho báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	8

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 31 ngày 25 tháng 7 năm 2024.

#### Hội đồng Quản trị

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên
Ông Kim Min Soo	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)

#### Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chế Đoan Viên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)

#### Người đại diện theo pháp luật

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc

Ông Chế Đoan Viên được bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền kí báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 và các văn bản giải trình liên quan theo Giấy Ủy Quyền số 102A-2404-GUQ-YEG có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

#### Trụ sở chính

Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm từ trang 3 đến trang 55. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Chế Đoàn Viên  
Phó Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 25 tháng 10 năm 2024

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.230.791.218.278</b>	<b>947.639.699.363</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	16.748.532.915	8.461.339.357
111	Tiền		16.748.532.915	4.261.339.357
112	Các khoản tương đương tiền		-	4.200.000.000
<b>120</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>230.000.000</b>	<b>230.000.000</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		230.000.000	230.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.132.569.610.483</b>	<b>845.395.421.575</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	320.344.513.844	239.558.303.914
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	343.993.016.060	80.957.663.203
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	8(a)	311.764.900.044	266.334.265.625
136	Phải thu ngắn hạn khác	9(a)	244.143.425.410	340.356.202.385
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(87.676.244.875)	(81.811.013.552)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>11</b>	<b>53.682.386.266</b>	<b>29.168.608.393</b>
141	Hàng tồn kho		88.013.570.313	63.724.327.379
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(34.331.184.047)	(34.555.718.986)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>27.560.688.614</b>	<b>64.384.330.038</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	12(a)	6.865.325.307	50.416.954.766
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	17	18.375.878.722	13.954.750.488
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	2.319.484.585	12.624.784

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.192.285.230.469</b>	<b>912.758.343.006</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>472.250.683.853</b>	<b>389.469.485.495</b>
215	Phải thu về cho vay dài hạn	8(b)	104.018.575.396	44.329.575.396
216	Phải thu dài hạn khác	9(b)	368.232.108.457	345.139.910.099
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>177.184.794.519</b>	<b>86.305.316.088</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	13(a)	7.543.383.033	1.324.037.529
222	Nguyên giá		14.494.295.824	14.438.805.810
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(6.950.912.791)	(13.114.768.281)
227	Tài sản cố định vô hình	13(b)	169.641.411.486	84.981.278.559
228	Nguyên giá		212.116.679.331	102.179.503.617
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(42.475.267.845)	(17.198.225.058)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>16.920.578.873</b>	<b>13.367.018.518</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		16.920.578.873	13.367.018.518
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>138.800.985.158</b>	<b>383.408.540.098</b>
252	Đầu tư vào công ty liên kết	5(a)	104.915.439.372	348.572.994.312
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(b)	45.052.910.277	46.002.910.277
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5(b)	(11.167.364.491)	(11.167.364.491)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>387.128.188.066</b>	<b>40.207.982.807</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	12(b)	86.425.834.741	1.484.504.008
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.694.285.714	7.895.844.762
269	Lợi thế thương mại	14	297.008.067.611	30.827.634.037
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>2.423.076.448.747</b>	<b>1.860.398.042.369</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
300	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>988.370.218.475</b>	<b>477.098.903.310</b>
310	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>927.123.641.320</b>	<b>408.623.646.511</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	15	166.366.273.176	98.153.102.705
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	16.645.470.682	29.155.365.881
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	48.765.440.726	32.330.181.730
314	Phải trả người lao động		9.962.442.179	5.107.804.827
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	18	41.935.390.293	27.448.675.197
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		9.996.856.650	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	19	131.913.835.766	45.075.825.259
320	Vay ngắn hạn	20(a)	498.686.814.040	171.352.690.912
322	Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.851.117.808	-
330	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>61.246.577.155</b>	<b>68.475.256.799</b>
338	Vay dài hạn	20(b)	32.214.757.896	39.014.432.856
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		29.031.819.259	29.460.823.943
400	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.434.706.230.272</b>	<b>1.383.299.139.059</b>
410	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.434.706.230.272</b>	<b>1.383.299.139.059</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	21,22	1.370.014.540.000	1.313.532.640.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.370.014.540.000	1.313.532.640.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	22	140.518.254	140.518.254
418	Quỹ đầu tư phát triển		10.913.360.672	-
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	22	4.129.032.828	57.414.341.843
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		932.441.843	30.555.633.680
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		3.196.590.985	26.858.708.163
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22	49.508.778.518	12.211.638.962
440	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.423.076.448.747</b>	<b>1.860.398.042.369</b>

  
Lưu Anh Khoa  
Người lập

  
Nguyễn Thị Khánh Trang  
Kế toán trưởng

  
Chế Đoàn Viên  
Phó Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 10 năm 2024





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024 VND	30.09.2023 VND	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	345.034.035.848	111.509.776.815	629.070.500.818	254.804.111.290
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	(1.337.689.458)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	345.034.035.848	111.509.776.815	629.070.500.818	253.466.421.832
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(265.879.426.987)	(89.559.836.123)	(518.264.651.381)	(197.013.089.652)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.154.608.861	21.949.940.692	110.805.849.437	56.453.332.180
21	Doanh thu hoạt động tài chính	24.509.238.436	10.763.981.555	101.500.869.707	31.818.836.799
22	Chi phí tài chính	(9.718.769.139)	(7.105.559.421)	(20.475.662.043)	(17.334.709.843)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(8.044.891.313)	(6.895.386.329)	(16.351.470.034)	(16.943.458.729)
24	Phản lỗ trong công ty liên kết	(11.390.634.698)	(3.486.648.015)	(14.130.737.107)	(3.802.102.065)
25	Chi phí bán hàng	(7.083.564.942)	(4.056.522.842)	(16.635.904.643)	(12.265.805.072)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(39.384.437.102)	(15.411.356.745)	(97.313.084.574)	(42.240.337.935)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	36.086.441.416	2.653.835.224	63.751.330.777	12.629.213.064
31	Thu nhập khác	1.403.477	605.464.451	43.743.109	1.085.664.451
32	Chi phí khác	(2.077.959.173)	(48.038.504)	(4.271.615.521)	(5.293.582.697)
40	Lỗ khác	(2.076.555.696)	557.425.947	(4.227.872.412)	(4.207.918.246)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Mẫu số B 02 – DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024	30.09.2023	30.09.2024	30.09.2023
		VND	VND	VND	VND
50	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>34.009.885.720</b>	<b>3.211.261.171</b>	<b>59.523.458.365</b>	<b>8.421.294.818</b>
51	Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	434.455.909	-	-	3.929.753.635
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(147.888.889)	-	(3.772.554.364)	-
60	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>34.296.452.740</b>	<b>3.211.261.171</b>	<b>55.750.904.001</b>	<b>12.351.048.453</b>
<b>Phân bổ cho</b>					
61	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	26.075.448.752	6.127.106.507	55.210.518.517	16.096.701.210
62	Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	8.221.003.988	(2.915.845.336)	540.385.484	(3.745.652.757)
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	190	62	403	230
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	190	62	403	230

  
 Lưu Anh Khoa  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Khánh Trang  
 Kế toán trưởng



  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Ngày 25 tháng 10 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	59.523.458.365	8.421.294.818
02	Điều chỉnh cho các khoản: Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại	31.536.317.622	7.154.269.631
03	Các khoản dự phòng	5.640.696.384	(28.459.683.869)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(7.412.396.791)	(13.003.587.555)
06	Chi phí lãi vay	16.351.470.034	16.943.458.729
08	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	105.639.545.614	(8.944.248.246)
09	Tăng các khoản phải thu	(302.872.792.439)	(239.191.883.154)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(24.289.242.934)	19.692.180.157
11	Tăng các khoản phải trả	147.154.288.191	140.683.514.752
12	Tăng chi phí trả trước	(41.389.701.274)	(12.769.102.236)
14	Tiền lãi vay đã trả	(11.944.334.011)	(14.543.993.920)
15	Thuế TNDN đã nộp	(65.736.084)	(7.300.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(127.767.972.937)	(122.393.532.647)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(56.689.425.275)	(69.355.287.528)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	35.307.455	1.084.472.728
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	(157.925.336.689)	(200.249.624.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	86.828.890.628	108.627.156.127
25	Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	(216.335.070.000)	(343.361.250.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	99.144.000.000	37.231.370.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25.135.981.445	18.649.552.023
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(219.805.652.436)	(447.373.610.650)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	450.000.000.000
33	Tiền thu từ vay	497.287.515.301	461.569.657.664
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(141.426.696.370)	(358.582.296.808)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	355.860.818.931	552.987.360.856
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ	8.287.193.558	(16.779.782.441)
60	Tiền và đương tương tiền đầu kỳ	4	8.461.339.357
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	16.748.532.915

  
Lưu Anh Khoa  
Người lập

  
Nguyễn Thị Khánh Trang  
Kế toán trưởng

  
Chế Đoàn Viên  
Phó Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 10 năm 2024



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2024**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 31 ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán – Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là YEG.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") là hoạt động tư vấn, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại, bán lẻ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động hậu kỳ, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động viễn thông khác..

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Tập đoàn có 315 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 193 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Tập đoàn có 23 công ty con và 5 công ty liên kết (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 18 công ty con và 8 công ty liên kết) được trình bày như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

STT	Tên	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	30.09.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
I	Công ty con trực tiếp						
1	Công ty Cổ phần Giải trí Ana	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,00	99,00	99,00	99,00
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,98	99,98	99,98	99,98
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ, bán buôn	99,99	99,99	99,99	99,99
4	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thám dò dư luận	100,00	100,00	100,00	100,00
5	Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	50,98	50,98	50,98	50,98
6	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyên đổi số	TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00	51,00	51,00	51,00
7	Công ty TNHH Yeah1 Up	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,99	100,00	99,99	100,00
8	Công ty TNHH 1Talents	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	100,00	100,00	100,00	100,00
9	Công ty TNHH 1Brandlink	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	100,00	100,00	100,00	100,00
10	Công ty TNHH 1Production	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00	100,00	100,00	100,00
11	Công ty Cổ phần 1Label	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00	51,00	-	-
12	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	69,00	69,00	35,00	35,00
13	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55	69,55	39,51	39,55
14	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại Sư Trẻ	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	-	-	67,00	67,00
15	Công ty Cổ phần YAG Entertainment	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	-	-	95,00	95,00
16	Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	-	-	70,00	70,00
17	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	TP. Hà Nội	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	51,00	51,00
18	Công ty TNHH STV/Production	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	-	-	100,00	100,00

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)**

STT	Tên	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	30.09.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
<b>II</b>	<b>Công ty con gián tiếp</b>						
1	Công ty Cổ phần Gigagoods	TP. Hồ Chí Minh	Bán lẻ	51,00	51,00	51,00	51,00
2	Công ty Cổ phần Phần phối Gigawin	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	59,00	59,00	59,00	59,00
3	Netlink Communication Technology Ltd	British Virgin Island	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	69,00	100,00	35,00	35,00
4	Công ty TNHH Yeah1 Publishing	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	64,86	94,00	32,90	32,90
5	Công ty TNHH Việt Nam Music Award	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	35,47	51,00	20,15	20,15
6	Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	69,55	100,00	39,51	39,51
7	Công ty TNHH TING TING Network	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55	100,00	39,51	39,51
8	Công ty TNHH Giải trí và Truyền thông Mango+	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	69,55	100,00	39,51	39,51
9	Công ty TNHH Big Cat	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	55,64	80,00	31,61	31,61
10	Công ty Cổ phần TStudio	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, hoạt động hậu kỳ	41,69	59,95	23,69	23,69
11	Công ty TNHH MTV Style TV	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	51,00	100,00
<b>III</b>	<b>Công ty liên kết</b>						
1	Công ty Cổ phần Zmedia	TP. Hà Nội	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	25,00	25,00	25,00	25,00
2	Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	TP. Hồ Chí Minh	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	50,00	50,00	50,00	50,00
3	Công ty Cổ phần Eco Consumer	TP. Hồ Chí Minh	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	50,00	50,00	49,99	50,00
4	Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	40,00	40,00	-	-
5	Công ty Cổ phần 1Social	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	49,00	49,00	-	-
6	Công ty Cổ phần Công nghệ TING TING Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ thông tin	-	-	20,00	20,00
7	Công ty Cổ phần Yeah1 Digital	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	39,51	39,55
8	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	-	-	35,00	35,00
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư, sản xuất phim và các dịch vụ liên quan	-	-	13,40	20,00
10	Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	TP. Hà Nội	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính	-	-	17,96	35,21

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh giữa niên độ như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

### 2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ 9 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 30 tháng 09 năm 2024.

### 2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"). Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và các công ty con được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu, và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty và các công ty con còn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán để huy động các nguồn lực tài chính và thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

Khi hợp nhất giữa niên độ báo cáo tài chính hợp nhất, nếu báo cáo tài chính của các công ty con được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền trên báo cáo tài chính của Công ty, Công ty phải chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con sang đồng tiền báo cáo của Công ty theo nguyên tắc sau:

- Tài sản, nợ phải trả, và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ;
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;
- LNST/(lỗ lũy kế) chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty được trình bày tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày trong chỉ tiêu "Lợi ích cổ đông không kiểm soát". Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết cuối kỳ được tính toán bộ cho Công ty;

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ****Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất giữa niên độ chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất giữa niên độ.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất giữa niên độ phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Tập đoàn. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các kỳ.



## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán ghi nhận tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

#### Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

### 2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.6 Lợi thế thương mại (tiếp theo)**

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

**2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.8 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tới ngày đến hạn thu hồi.

**2.9 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.10 Đầu tư tài chính****(a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động.

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

**(c) Đầu tư vào công ty liên kết**

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Thuyết minh 2.5).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.10 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tập đoàn nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán từ khi đầu tư. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

**2.11 Cho vay**

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ đến ngày tới hạn thu hồi.

**2.12 Tài sản cố định ("TSCĐ")***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phân ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

*Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của dự án nếu ngắn hơn. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	10% – 20%/năm
Phương tiện vận tải	10% – 33%/năm
Thiết bị quản lý	10% – 17%/năm
Phần mềm máy tính, nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%/năm
Bản quyền chương trình	10% – 20%/năm

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.12 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)**

TSCĐ khác 10% – 20%/năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.13 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.14 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.15 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.16 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**2.17 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

**2.18 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

**2.19 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tập đoàn phát hành và được mua lại bởi chính Tập đoàn, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

LNST chưa phân phối/(lỗ sau thuế lũy kế): phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.20 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST-TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập quỹ sau:

**Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ này được trích lập nhằm chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và khen thưởng cán bộ, công nhân viên.

**2.21 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

**(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.21 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(d) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.22 Khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại. Khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí làm nội dung quảng cáo, chi phí sản xuất chương trình, chi phí thuê đường truyền phát sóng, chi phí truyền thông, chi phí hợp tác chia sẻ hoạt động quảng cáo, các chi phí khác và được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.24 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay; chiết khấu thanh toán và lỗ tỷ giá hối đoái.

**2.25 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

**2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

**2.27 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.27 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.28 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.29 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tập đoàn một cách toàn diện.

**2.31 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.31 Ước tính kế toán (tiếp theo)

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng đầu tư tài chính (Thuyết minh 5);
- Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 10);
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 11); và

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

## 3 HỢP NHẤT KINH DOANH

### 3.1 Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH STVProduction ("STVPro") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV")

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn thành việc chuyển nhượng lại 100% vốn góp của STVPro cho STV với giá chuyển nhượng là 10.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 80-2403-HĐCN-YEG-STV ngày 15 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong STVPro giảm từ 100% xuống 51%.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, Tập đoàn đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51,19% của STV cho đối tác theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 125-2403-HĐCN-YEG-NNQ và được phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày. Qua đó, STV không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

### 3.2 Thành lập mới Công ty Cổ phần 1Label

Vào ngày 14 tháng 3 năm 2024, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn ban hành quyết định số 81/2403/QĐ/CTHĐQT/YEG thông qua việc góp vốn thành lập mới Công ty Cổ phần 1Label ("1Label") với vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng. Thông qua việc thành lập này, 1Label trở thành công ty con trực tiếp của Tập đoàn với tỷ lệ sở hữu 51,00%.

### 3.3 Thành lập mới Công ty Cổ phần 1Social

Vào ngày 23 tháng 4 năm 2024, Tập đoàn ban hành quyết định số 196/2404/QĐ/CSH/YEG thông qua việc Công ty TNHH 1Talents góp vốn thành lập mới Công ty Cổ phần 1Social ("1Social") với vốn điều lệ 1.000.000.000 đồng. Thông qua việc thành lập này, 1Social trở thành công ty liên kết của Tập đoàn với tỷ lệ sở hữu 49,00%.

### 3.4 Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam

Vào ngày 19 tháng 4 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 40.320 cổ phần, tương ứng với 16% cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink") theo Nghị quyết HĐQT số 188/2404/NQ/HĐQT, qua đó nâng tổng tỷ lệ sở hữu tại Netlink lên thành 51,00%. Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam cũng trở thành công ty con trực tiếp của Tập đoàn kể từ ngày này.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024, Tập đoàn cũng đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng thêm 45.360 cổ phần, tương ứng với 18% cổ phần Netlink, qua đó nâng tổng tỷ lệ sở hữu tại Netlink lên thành 69,00%.

**3.5 Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại các công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ, Công ty Cổ phần YAG Entertainment và Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam**

Vào ngày 18 tháng 6 năm 2024, HĐQT Tập đoàn đã ban hành Nghị quyết HĐQT số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại các công ty con, bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại Sứ Trẻ, Công ty Cổ phần YAG Entertainment và Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam. Tính đến ngày 28 tháng 06 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại các công ty con này, qua đó các công ty này không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

**3.6 Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại các công ty: Công ty Cổ phần Giải trí Ana, Công ty Cổ phần Tập đoàn Care, Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1**

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2024, HĐQT Tập đoàn đã ban hành Nghị quyết HĐQT số 820/2407/NQ/HĐQT/YEG thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại các công ty con, bao gồm Công ty Cổ phần Giải trí ANA, Công ty Cổ phần Tập đoàn Care, Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1, thời gian thực hiện trong quý III hoặc quý IV năm 2024. Sau khi hoàn tất chuyển nhượng, các công ty này sẽ không còn là công ty con của Tập đoàn.

**3.7 Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital**

Vào ngày 6 tháng 8 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 3.886.500 cổ phần tương ứng với 34,55% cổ phần của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Y1D") theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG, qua đó nâng tổng tỷ lệ sở hữu tại Y1D lên thành 69,55%. Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital cùng với các công ty con trực thuộc bao gồm:

- Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số ;
- Công ty TNHH Ting Ting Network ;
- Công ty TNHH Giải trí và Truyền thông Mango+ ;
- Công ty TNHH Big Cat ;
- Công ty Cổ phần Tstudio; và
- Công ty TNHH Việt Nam Music Award

cũng trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

**4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.694.682.528	4.261.339.357
Tiền mặt	53.850.387	-
Các khoản tương đương tiền	-	4.200.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.748.532.915</b>	<b>8.461.339.357</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Tại ngày 30.09.2024						Tại ngày 31.12.2023					
	Quyền sở hữu %		Quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu %		Quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1 Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	49,99	50,00	88.919.324.504	(*)	-	-	49,99	50,00	89.353.759.880	(*)	-	-
2 Công ty Cổ phần Zmedia	24,99	25,00	13.506.114.868	(*)	-	-	24,99	25,00	13.883.969.991	(*)	-	-
3 Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	40,00	40,00	2.000.000.000	(*)	-	-	-	-	-	-	-	-
4 Công ty Cổ phần 1Social	49,00	49,00	490.000.000	(*)	-	-	-	-	-	-	-	-
5 Công ty Cổ phần Eco Consumer	49,99	49,99	-	(*)	-	-	49,99	49,99	-	(*)	-	-
6 Công ty Cổ phần Công nghệ Trng Việt Nam	-	-	-	-	-	-	20,00	20,00	-	(*)	-	-
7 Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	-	-	-	-	-	39,50	39,50	142.863.793.064	(*)	-	-
8 Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	-	-	-	-	-	35,00	35,00	102.348.970.294	(*)	-	-
9 Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	-	-	-	-	-	-	13,40	20,00	-	(*)	-	-
10 Công ty Cổ phần Sóng Toàn Cầu	-	-	-	-	-	-	17,96	35,21	124.481.083	(*)	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>104.915.439.372</b>						<b>348.572.994.312</b>			

(\*) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## 5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## (a) Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Biến động về đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ/năm như sau:

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Số dư đầu kỳ/năm	348.572.994.312	132.247.514.642
Đầu tư tăng thêm trong kỳ/năm	2.490.000.000	248.516.720.000
Giảm do thoái vốn trong kỳ	(124.491.083)	-
Lỗ từ các công ty liên kết	(14.130.737.107)	(4.853.955.053)
Chuyển từ công ty liên kết thành công ty con/đầu tư khác	(231.892.326.750)	(27.337.285.277)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>104.915.439.372</b>	<b>348.572.994.312</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	30.09.2024						31.12.2023					
			Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND		
1	Công ty Cổ phần Giải trí 1000 (*)	Dịch vụ giải pháp số, phát hành trò chơi điện tử	30,00	30,00	21.253.734.205	(**)	-	30,00	30,00	21.253.734.205	(**)	-		
2	Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	18,00	18,00	8.100.000.000	(**)	(1.551.739.491)	18,00	18,00	8.100.000.000	(**)	(1.551.739.491)		
3	Công ty Cổ phần Công nghệ	Dịch vụ giải pháp số	35,00	35,00	6.083.551.071	(**)	-	35,00	35,00	6.083.551.071	(**)	-		
4	Tập đoàn Kolorlife (*) Công ty Cổ phần Ads Group Việt Nam	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	4,40	4,40	6.000.000.000	(**)	(6.000.000.000)	4,40	4,40	6.000.000.000	(**)	(6.000.000.000)		
5	Công ty Cổ phần Gamfly	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	15,00	15,00	1.858.000.000	(**)	(1.858.000.000)	15,00	15,00	1.858.000.000	(**)	(1.858.000.000)		
6	Công ty Cổ phần Shopiness	Công thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	10,00	10,00	1.757.625.000	(**)	(1.757.625.000)	10,00	10,00	1.757.625.000	(**)	(1.757.625.000)		
7	Công ty Cổ phần Terra Group	Lắp trình máy tính	-	-	-	-	-	19,00	19,00	950.000.000	(**)	-		
					45.052.910.277	(11.167.364.491)						46.002.910.277	(11.167.364.491)	

(\*) Vào ngày 20 tháng 11 năm 2023, Công ty cam kết chuyển nhượng 30% cổ phần tại Công ty Cổ phần Giải trí 1000 ("1000 Đò") và 35% cổ phần tại Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife ("Kolorlife") với tổng giá chuyển nhượng là 28.000.000.000 VND, theo Biên bản ghi nhớ số 2011/2023/CARE/BBGN cùng ngày và phê duyệt của Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty số 3112B/2020/YEG/QĐ-CTHĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo đó, khoản đầu tư vào 100 Đò và Kolorlife được phân loại lại từ đầu tư vào công ty liên kết sang đầu tư vào công ty khác kể từ ngày này.

(\*\*) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

## 6 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	312.781.824.990	121.340.076.166
<i>Google Asia Pacific Pte. Ltd</i>	82.812.304.071	-
<i>Công ty Cổ phần Tera Group</i>	28.305.101.105	-
<i>Công ty TNHH BanMedia</i>	20.097.907.390	26.327.695.034
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng</i>	13.939.220.078	13.939.220.078
<i>Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV</i>	7.087.640.621	-
<i>Khác</i>	160.539.651.725	81.073.161.054
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	7.562.688.854	118.218.227.748
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>320.344.513.844</b>	<b>239.558.303.914</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn (Thuyết minh 10)	(33.572.916.117)	(26.716.111.468)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>286.771.597.727</b>	<b>212.842.192.446</b>

## 7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	204.693.016.060	66.432.913.203
<i>Công ty Cổ phần Tera Group</i>	131.760.000.000	-
<i>Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế</i>	48.126.704.193	48.126.704.193
<i>Something Big SAS</i>	8.160.450.000	8.160.450.000
<i>Khác</i>	16.645.861.867	10.145.759.010
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	139.300.000.000	14.524.750.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>343.993.016.060</b>	<b>80.957.663.203</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 10)	(18.524.575.338)	(18.449.320.801)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>325.468.440.722</b>	<b>62.508.342.402</b>

## 8 PHẢI THU VÉ CHO VAY

## (a) Ngắn hạn

	30.09.2024	31.12.2023
	VND	VND
Bên thứ ba	309.088.900.044	197.330.431.925
<i>Công ty Cổ phần Vital Investments Group</i>	114.106.821.919	119.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV</i>	59.045.500.000	-
<i>Công ty Cổ phần Tera Group</i>	52.797.000.000	-
<i>Ông Trần Minh Việt</i>	39.360.311.001	45.960.311.001
<i>Khác</i>	43.779.267.124	32.370.120.924
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	2.676.000.000	69.003.833.700
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>311.764.900.044</b>	<b>266.334.265.625</b>

## (b) Dài hạn

	30.09.2024	31.12.2023
	VND	VND
Bên thứ ba	101.003.575.396	39.429.575.396
<i>Công ty Cổ phần YAG Entertainment</i>	54.600.000.000	-
<i>Công ty TNHH Media Kingdom Việt Nam</i>	25.608.000.000	23.708.000.000
<i>Ông Đinh Tấn Danh</i>	8.550.000.000	8.550.000.000
<i>Khác</i>	12.245.575.396	7.171.575.396
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	3.015.000.000	4.900.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>104.018.575.396</b>	<b>44.329.575.396</b>

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn không có khoản phải thu vé cho vay nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.



## 9 PHẢI THU KHÁC

## (a) Ngắn hạn

	30.09.2024	31.12.2023
	Giá trị VND	Giá trị VND
Tạm ứng cho nhân viên (*)	88.796.669.178	213.316.402.472
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	75.906.413.793	64.767.165.202
Phải thu từ chuyển nhượng công ty con	10.000.000.000	-
Đặt cọc mua cổ phần	30.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu lãi vay	12.756.345.152	19.750.861.017
Phải thu thu hộ chương trình	13.335.593.860	-
Phải thu cổ tức	7.213.579.158	7.213.579.158
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	3.277.805.350	1.701.978.525
Khác	2.857.018.919	3.606.216.011
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>244.143.425.410</b>	<b>340.356.202.385</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 10)	(35.502.753.420)	(36.569.581.283)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>208.640.671.990</b>	<b>303.786.621.102</b>
Trong đó:		
Bên thứ ba	243.553.564.596	331.733.424.154
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	589.860.814	8.622.778.231

(\*) Đây là các khoản tạm ứng nhân viên chủ yếu liên quan đến việc thực hiện các dự án sản xuất nội dung truyền hình và nội dung số trên nền tảng internet.

## 9 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

## (b) Dài hạn

	30.09.2024	31.12.2023
	Giá trị VND	Giá trị VND
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	338.533.000.000	338.533.000.000
Phải thu từ chuyển nhượng công ty con	24.000.000.000	-
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	4.478.710.925	6.606.910.099
Phải thu lãi vay dài hạn	1.220.397.532	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>368.232.108.457</b>	<b>345.139.910.099</b>
Dự phòng phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 10)	(76.000.000)	(76.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>368.156.108.457</b>	<b>345.063.910.099</b>
Trong đó:		
Bên thứ ba	368.222.442.701	345.139.910.099
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	9.665.756	-

(\*) Chi tiết số dư tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	30.09.2024	31.12.2023
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Unicorn Venture (i)	199.875.000.000	199.875.000.000
Công ty Cổ phần Giải trí TKK (ii)	138.658.000.000	138.658.000.000
	<b>338.533.000.000</b>	<b>338.533.000.000</b>

- (i) Số dư thể hiện khoản tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh về dự án đầu tư các start-up. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất, dự án vẫn đang trong quá trình triển khai.
- (ii) Số dư thể hiện khoản tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh về dự án đầu tư xây dựng phim trường. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất, dự án vẫn đang trong quá trình triển khai.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**10 NỢ KHÓ ĐÓI**

	30.09.2024		31.12.2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi (*) VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>46.596.717.729</b>	<b>13.023.801.612</b>	<b>(33.572.916.117)</b>	<b>7.436.237.959</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng	13.939.220.078	4.181.766.023	(9.757.454.055)	(9.757.454.055)
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ	6.731.991.724	-	(6.731.991.724)	(6.731.991.724)
Khác	25.925.505.927	8.842.035.589	(17.083.470.338)	3.254.471.936
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>59.997.870.077</b>	<b>41.473.294.739</b>	<b>(18.524.575.338)</b>	<b>41.538.070.275</b>
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế	48.126.704.193	40.625.760.223	(7.500.943.970)	40.625.760.223
Something Big SAS	8.160.450.000	-	(8.160.450.000)	-
Khác	3.710.715.884	847.534.516	(2.863.181.368)	912.310.052
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>42.398.174.245</b>	<b>6.895.420.825</b>	<b>(35.502.753.420)</b>	<b>1.402.090.107</b>
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	-
Công ty TNHH Travellet Tech Việt Nam	8.120.000.000	-	(8.120.000.000)	-
Khác	14.678.174.245	6.895.420.825	(7.782.753.420)	1.402.090.107
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>76.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(76.000.000)</b>	<b>-</b>
CÔNG TY TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn Villaja	76.000.000	-	(76.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>149.068.762.051</b>	<b>61.392.517.176</b>	<b>(87.676.244.875)</b>	<b>50.376.398.341</b>

(\*) Giá gốc, giá trị có thể thu hồi và dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh phân loại lại cho phù hợp theo bản chất giao dịch và mục đích so sánh số liệu.

## 11 HÀNG TỒN KHO

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Hàng hóa	35.149.240.017	35.698.707.333
Chương trình	52.864.330.296	28.025.620.046
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>88.013.570.313</b>	<b>63.724.327.379</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(34.331.184.047)	(34.555.718.986)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>53.682.386.266</b>	<b>29.168.608.393</b>

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Số đầu kỳ	34.555.718.986	69.956.019.873
Hoàn nhập dự phòng	(224.534.939)	(25.400.300.887)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>34.331.184.047</b>	<b>34.555.718.986</b>

## 12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

## (a) Ngắn hạn

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Công cụ, dụng cụ	215.452.054	608.505.819
Chương trình	-	48.828.389.284
Khác	6.649.873.253	980.059.663
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.865.325.307</b>	<b>50.416.954.766</b>

## (b) Dài hạn

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Chương trình nội dung	62.886.337.423	-
Chi phí cải tạo văn phòng	18.399.099.359	411.547.424
Công cụ, dụng cụ	2.711.595.579	669.341.309
Khác	2.428.802.380	403.615.275
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>86.425.834.741</b>	<b>1.484.504.008</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) TSCĐ hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.723.883.210	9.394.605.283	2.536.668.774	783.648.543	14.438.805.810
Mua trong năm	-	2.107.615.067	-	-	2.107.615.067
Tặng do hợp nhất	-	9.086.165.598	181.818.182	-	9.267.983.780
Giảm do thoái vốn công ty con	(1.723.883.210)	(8.077.102.850)	(934.577.865)	(584.544.908)	(11.320.108.833)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	-	12.511.283.098	1.783.909.091	199.103.635	14.494.295.824
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	(1.723.883.210)	(9.106.375.066)	(1.621.111.333)	(663.398.672)	(13.114.768.281)
Khấu hao trong năm	-	(332.223.529)	(10.096.970)	-	(342.320.499)
Tặng do hợp nhất	-	(3.849.654.288)	(181.818.182)	-	(4.031.472.470)
Giảm do thoái vốn công ty con	1.723.883.210	7.816.167.908	491.391.837	506.205.504	10.537.648.459
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	-	(5.472.084.975)	(1.321.634.648)	(157.193.168)	(6.950.912.791)
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	-	288.230.217	915.557.441	120.249.871	1.324.037.529
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	-	7.039.198.123	462.274.443	41.910.467	7.543.383.033



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**13 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) TSCĐ vô hình**

	Bản quyền nội dung VND	Phần mềm máy tính VND	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	82.828.580.077	16.164.958.910	3.185.964.630	102.179.503.617
Mua trong năm	54.581.810.208	-	-	54.581.810.208
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(1.112.648.000)	-	(1.112.648.000)
Tăng do đầu tư công ty con	48.300.545.506	8.167.468.000	-	56.468.013.506
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	185.710.935.791	23.219.778.910	3.185.964.630	212.116.679.331
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	(6.356.744.916)	(9.600.796.611)	(1.240.883.531)	(17.198.225.058)
Khấu hao trong năm	(18.671.401.391)	(1.424.550.898)	(142.836.654)	(20.238.788.943)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	504.313.396	-	504.313.396
Tăng do đầu tư công ty con	(3.778.210.917)	(1.764.366.323)	-	(5.542.567.240)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	(28.806.357.224)	(12.285.390.436)	(1.383.520.185)	(42.475.267.845)
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	76.471.835.161	6.564.162.299	1.945.281.099	84.981.278.559
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	156.904.578.567	10.934.388.474	1.802.444.445	169.641.411.486

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

14 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Biến động về lợi thế thương mại trong kỳ/năm như sau:

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Số dư đầu kỳ/năm	30.827.634.037	70.954.414.512
Phân bổ trong kỳ/năm	(10.955.208.180)	(3.626.780.475)
Tăng do mua công ty con	307.056.580.673	-
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(29.920.938.919)	-
Giảm do điều chỉnh giá mua	-	(36.500.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>297.008.067.611</b>	<b>30.827.634.037</b>

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	156.277.172.807	89.696.946.327
<i>NMP Network Corporation</i>	<i>37.046.110.784</i>	-
<i>JF Global LLC</i>	<i>29.402.421.066</i>	-
<i>Công ty TNHH STV Production</i>	<i>20.576.400.002</i>	-
<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Number One</i>	<i>16.515.984.079</i>	<i>16.515.984.079</i>
<i>Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam</i>	-	<i>36.237.031.394</i>
<i>Khác</i>	<i>52.736.256.876</i>	<i>36.943.930.854</i>
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	10.089.100.369	8.456.156.378
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>166.366.273.176</b>	<b>98.153.102.705</b>

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba	16.645.470.682	4.401.307.337
<i>Công ty TNHH Truyền Thông WPP</i>	<i>6.349.275.121</i>	-
<i>Khác</i>	<i>10.296.195.561</i>	<i>4.401.307.337</i>
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	-	24.754.058.544
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.645.470.682</b>	<b>29.155.365.881</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nợ Nhà nước như sau:

	Tại ngày		Tăng trong kỳ		Tăng do		Giảm trong kỳ		Giảm do		Tại ngày 30.09.2024 VND
	1.1.2024	VND	VND	VND	hợp nhất công ty con	VND	VND	VND	thoái vốn công ty con	VND	
<b>(a) Phải thu</b>											
Thuế GTGT được khấu trừ	13.954.750.488		38.893.330.015		3.656.513.656		(31.785.162.533)		(6.343.552.904)		18.375.878.722
Thuế khác	12.624.784		1.421.750.716		1.156.579.878		(219.609.490)		(51.861.303)		2.319.464.585
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.967.375.272</b>		<b>40.315.080.731</b>		<b>4.813.093.534</b>		<b>(32.004.772.023)</b>		<b>(6.395.414.207)</b>		<b>20.695.363.307</b>
<b>(b) Phải nợ</b>											
Thuế TNDN	14.427.238.053		-		967.585.051		(65.736.084)		-		15.329.087.020
Thuế thu nhập cá nhân	5.121.405.998		14.042.855.975		2.906.534.278		(10.828.909.227)		(1.910.350.194)		9.331.536.830
Thuế GTGT	3.837.244.586		46.473.192.680		2.996.006.217		(39.601.743.127)		(1.023.124.716)		12.681.575.640
Thuế nhà thầu và thuế khác	8.944.293.093		2.392.061.592		1.347.210.068		(1.025.717.430)		(234.606.087)		11.423.241.236
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.330.181.730</b>		<b>62.908.110.247</b>		<b>8.217.335.614</b>		<b>(51.522.105.868)</b>		<b>(3.168.080.997)</b>		<b>48.765.440.726</b>



## 18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	26.748.416.848	10.379.620.700
Lãi chậm nộp thuế	6.532.663.523	5.298.545.646
Chi phí lãi vay	6.108.077.462	5.373.836.077
Lương và thưởng cho nhân viên	628.197.619	2.030.064.776
Khác	1.918.034.841	4.366.607.998
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>41.935.390.293</b>	<b>27.448.675.197</b>
Trong đó:		
Bên thứ ba	41.584.732.759	25.392.030.349
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	350.657.534	2.056.644.848

## 19 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Nhận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần	89.999.000.000	-
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	31.500.000.000	31.500.000.000
Chi phí lãi vay	5.863.750.020	595.359.039
Khác	4.551.085.746	12.980.466.220
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>131.913.835.766</b>	<b>45.075.825.259</b>
Trong đó:		
Bên thứ ba	129.906.210.560	42.498.844.217
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	2.007.625.206	2.576.981.042

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn không có khoản phải trả khác ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

20	VAY	Tại ngày 1.1.2024 VND	Vay trong kỳ VND	Trả nợ vay trong kỳ VND	Phân loại lại VND	Điều chỉnh do thay đổi tỉ lệ sở hữu công ty con VND	Tại ngày 30.09.2024 VND	Lãi suất	Kỳ hạn trả nợ gốc
(a)	<b>Ngắn hạn</b>								
	Vay ngân hàng	97.541.957.821	205.289.943.648	(101.913.938.774)	13.009.807.218	(2.389.014.964)	214.538.764.949	8,25%	Từ ngày 11/12/2024 đến ngày 28/02/2025
	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	95.781.108.821	203.454.000.000	(97.185.170.126)	13.009.807.218	(2.389.014.964)	212.670.730.949		Ngày 28/02/2024
	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TPHCM	1.760.849.000	4.835.943.648	(4.728.768.648)	-	-	1.868.024.000	11,5%	
	<b>Vay cá nhân</b>	<b>27.859.909.091</b>	<b>248.952.150.000</b>	<b>(16.569.000.000)</b>	-	<b>(24.985.000.000)</b>	<b>235.258.059.091</b>	8,0%	Từ ngày 24/04/2025 đến ngày 07/08/2025
	Bà Võ Thị Tuyết Vân	800.000.000	119.447.080.000	(3.100.000.000)	-	-	117.147.080.000		
	Ông Võ Xuân Huy	-	55.590.000.000	-	-	-	55.590.000.000	8,0%	Ngày 07/08/2025
	Bà Nguyễn Hải Tường Vy	-	54.743.070.000	-	-	-	54.743.070.000	8,0%	Ngày 07/08/2025
	Bà Nguyễn Thị Khánh Hòa	11.314.000.000	13.787.000.000	(10.969.000.000)	-	(8.000.000.000)	6.132.000.000	10,5%	Từ ngày 04/01/2025 đến ngày 07/08/2025
	Ông Trần Thanh Tân	1.117.909.091	-	-	-	-	1.117.909.091	11%	Ngày 20/04/2025
	Ông Trần Minh Việt	528.000.000	-	-	-	-	528.000.000	8,0%	Ngày 08/04/2025
	Ông Lưu Anh Khoa	-	5.385.000.000	-	-	(5.385.000.000)	-		
	Ông Lê Đình Trọng	10.100.000.000	-	-	-	(10.100.000.000)	-		
	Ông Nguyễn Minh Đức	2.000.000.000	-	(500.000.000)	-	(1.500.000.000)	-		
	Bà Võ Thị Ngọc Trinh	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-	-	-		
	<b>Vay các tổ chức khác</b>	<b>34.200.824.000</b>	<b>7.730.000.000</b>	<b>(8.460.824.000)</b>	-	<b>13.430.000.000</b>	<b>46.900.000.000</b>	-	Trên thuận
	Công ty TNHH Phần phối NKG Quốc tế	30.000.000.000	-	-	-	-	30.000.000.000		
	Công ty Cổ phần Vital Investments Group	-	-	-	-	10.530.000.000	10.530.000.000	8,0%	Ngày 01/01/2025
	Công ty Cổ phần Finbase	-	-	-	-	3.200.000.000	3.200.000.000	8,0%	Ngày 11/09/2025
	Công ty TNHH BanMedia	2.560.824.000	7.730.000.000	(8.460.824.000)	-	(300.000.000)	1.530.000.000	10,5%	Từ ngày 10/05/2025 đến 14/06/2025
	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Giải pháp E&I m&I /CC Việt Nam	1.640.000.000	-	-	-	-	1.640.000.000	10,5%	Ngày 24/09/2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**20 VAY (tiếp theo)**

**(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

	Tại ngày 1.1.2024	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Phân loại lại	Điều chỉnh do thay đổi tỉ lệ sở hữu công ty con	Tại ngày 30.09.2024	Lãi suất	Kỳ hạn trả nợ gốc
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Vay bán liên quan</b>	<b>11.750.000.000</b>	<b>21.270.000.000</b>	<b>(8.906.000.000)</b>	<b>171.623.982</b>	<b>(22.301.623.982)</b>	<b>1.990.000.000</b>	<b>12,0%</b>	<b>Ngày 13/12/2024</b>
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	-	1.900.000.000	(400.000.000)	-	-	1.500.000.000	8,0%	Ngày 22/07/2025
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	490.000.000	-	-	-	490.000.000	-	-
Công ty Cổ phần iSocial	-	15.000.000.000	(5.990.000.000)	171.623.982	(15.211.623.982)	-	-	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Digital	5.950.000.000	2.100.000.000	(260.000.000)	-	(2.040.000.000)	-	-	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	200.000.000	400.000.000	-	-	(700.000.000)	-	-	-
Công ty TNHH TING TING Network	300.000.000	1.300.000.000	(1.100.000.000)	-	(200.000.000)	-	-	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	-	(1.150.000.000)	-	(4.150.000.000)	-	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	5.300.000.000	-	-	-	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>171.352.690.912</b>	<b>488.242.093.648</b>	<b>(135.843.762.774)</b>	<b>13.181.431.200</b>	<b>(36.245.638.946)</b>	<b>498.686.814.040</b>		

**(b) Dài hạn**

	Tại ngày 1.1.2024	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Phân loại lại	Điều chỉnh do thay đổi tỉ lệ sở hữu công ty con	Tại ngày 30.09.2024	Lãi suất	Kỳ hạn trả nợ gốc
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>37.500.000.000</b>	<b>9.029.421.653</b>	<b>(3.320.856.539)</b>	<b>(13.009.807.219)</b>	<b>-</b>	<b>30.198.757.896</b>	<b>11,0%</b>	<b>Ngày 15/05/2028</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	37.500.000.000	9.029.421.653	(3.320.856.539)	(13.009.807.219)	-	30.198.757.896	11,0%	Ngày 15/05/2028
<b>Vay cá nhân</b>	<b>-</b>	<b>2.016.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.016.000.000</b>	<b>8,0%</b>	<b>Ngày 26/03/2028</b>
Bà Nguyễn Thị Khánh Hòa	-	2.016.000.000	-	-	-	2.016.000.000	8,0%	Ngày 26/03/2028
<b>Vay các tổ chức khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(1.918.268.183)</b>	<b>-</b>	<b>1.919.268.183</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	-	-	(1.918.268.183)	-	1.919.268.183	-	-	-
<b>Vay bán liên quan</b>	<b>1.514.432.856</b>	<b>-</b>	<b>(342.808.874)</b>	<b>(171.623.982)</b>	<b>(1.000.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	1.000.000.000	-	(342.808.874)	(171.623.982)	(1.000.000.000)	-	-	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Digital	171.623.982	-	-	(171.623.982)	-	-	-	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	342.808.874	-	(342.808.874)	-	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.014.432.856</b>	<b>11.045.421.653</b>	<b>(5.582.933.596)</b>	<b>(13.181.431.200)</b>	<b>919.268.183</b>	<b>32.214.757.896</b>		

## 21 VỐN CHỦ SỞ HỮU

## (a) Số lượng cổ phiếu

	30.09.2024	31.12.2023
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	137.001.454	131.353.264
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	137.001.454	131.353.264
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	137.001.454	131.353.264

## (b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.09.2024		31.12.2023	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Bà Lê Phương Thảo	7.892.748	5,76	7.232.400	5,51
Ông Chế Đoàn Viên	6.833.725	4,99	6.371.400	4,85
Cổ đông khác	122.274.981	89,25	117.749.464	89,64
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>137.001.454</b>	<b>100,00</b>	<b>131.353.264</b>	<b>100,00</b>

## (c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	31.279.968	31.279.968	31.279.968
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược	45.000.000	45.000.000	45.000.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	55.073.296	55.073.296	55.073.296
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	131.353.264	131.353.264	131.353.264
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	5.648.190	5.648.190	5.648.190
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024	137.001.454	137.001.454	137.001.454

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu

## 22 TÍNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích có đồng không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	312.799.680.000	550.873.478.254	-	30.555.633.680	12.551.387.798	906.780.179.732
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược	450.000.000.000	-	-	-	-	450.000.000.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	550.732.960.000	(550.732.960.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	26.858.708.163	(339.748.836)	26.518.959.327
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>1.313.532.640.000</b>	<b>140.518.254</b>	<b>-</b>	<b>57.414.341.843</b>	<b>12.211.638.962</b>	<b>1.383.299.139.059</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	55.210.518.517	540.385.484	55.750.904.001
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) (*)	56.481.900.000	-	-	(56.481.900.000)	-	-
Thay đổi tỉ lệ sở hữu công ty con	-	-	10.913.360.672	(52.013.927.532)	-36.756.754.072	(4.343.812.787)
<b>Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024</b>	<b>1.370.014.540.000</b>	<b>140.518.254</b>	<b>10.913.360.672</b>	<b>4.129.032.828</b>	<b>49.508.778.518</b>	<b>1.434.706.230.272</b>

(\*) Vào ngày 8 tháng 7 năm 2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 616/2405/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 6 tháng 5 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 770/2407/NQ/HDQT/YEG ngày 3 tháng 7 năm 2024. Vào ngày 25 tháng 7 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.313.532.640.000 VND lên 1.370.014.540.000 VND

**23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND (trình bày lại)
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	55.210.518.517	16.096.701.210
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau điều chỉnh (cổ phiếu)	137.001.454	70.014.603 (*)
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)</b>	<b>403</b>	<b>230</b>

(\*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn này để phản ánh việc phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần với tỷ lệ 1.000:722 trong năm 2023 và việc phát hành 5.648.190 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm 2024.

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****Ngoại tệ các loại**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 382.792,23 Đô la Mỹ, 77.013,89 Đô la Singapore và 231,57 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 434,79 Đô la Mỹ và 5,88 Đô la Singapore).

## 25 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông	560.659.065.607	176.048.979.251
Doanh thu bản quyền nội dung	39.822.919.957	44.737.100.482
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại điện tử	28.887.745.801	34.018.031.557
	<b>629.369.731.365</b>	<b>254.804.111.290</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	(299.230.547)	(1.337.689.458)
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần quảng cáo và tư vấn truyền thông	560.359.835.060	174.711.289.793
Doanh thu thuần bản quyền nội dung	39.822.919.957	44.737.100.482
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và thương mại điện tử	28.887.745.801	34.018.031.557
	<b>629.070.500.818</b>	<b>253.466.421.832</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>		

## 26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Giá vốn quảng cáo và tư vấn truyền thông	484.673.563.506	149.996.553.261
Giá vốn bản quyền nội dung	16.051.682.541	40.627.173.207
Giá vốn cung cấp dịch vụ và thương mại điện tử	17.539.405.334	31.645.206.083
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho	-	(25.255.842.900)
	<b>518.264.651.381</b>	<b>197.013.089.652</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>		

## 27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.543.133.898	16.805.689.620
Lãi từ việc thoái vốn công ty con	59.602.758.484	-
Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm hợp nhất kinh doanh	16.624.393.250	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.730.584.075	22.522.179
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	14.990.625.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>101.500.869.707</b>	<b>31.818.836.799</b>

## 28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Chi phí lãi vay	16.351.470.034	16.943.458.729
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.124.192.009	1.735.961
Chiết khấu thanh toán	-	389.515.153
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.475.662.043</b>	<b>17.334.709.843</b>

## 29 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Chi phí nhân viên	12.646.897.342	6.440.773.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.976.454.267	5.434.236.486
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.406.472	16.495.500
Chi phí khác	1.146.562	374.300.454
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.635.904.643</b>	<b>12.265.806.072</b>

## 30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Chi phí nhân viên	30.690.936.356	23.155.848.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.263.528.799	14.070.386.514
Lợi thế thương mại phân bổ	10.955.208.180	5.603.762.910
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.257.630.672	1.534.011.222
Chi phí khác	44.199.111	118.370.257
(Hoàn nhập)/dự phòng phải thu khó đòi	11.101.581.456	(2.242.040.968)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>97.313.084.574</b>	<b>42.240.337.935</b>



## 31 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024	30.09.2023
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ thanh lý tài sản	35.307.455	1.084.472.728
Khác	8.435.654	1.191.723
	<u>43.743.109</u>	<u>1.085.664.451</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản bị phạt	1.425.785.366	4.724.420.138
Khác	2.845.830.155	569.162.559
	<u>4.271.615.521</u>	<u>5.293.582.697</u>
<b>Lỗ khác</b>	<b><u>(4.227.872.412)</u></b>	<b><u>(4.207.918.246)</u></b>

## 32 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên sổ kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024	30.09.2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	59.523.458.365	8.421.294.818
Thuế tính ở thuế suất 20%	11.904.691.673	1.684.258.964
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	854.323.104	1.017.989.272
Thu nhập không chịu thuế	(9.696.830.699)	873.412.795
Phân bổ lợi thế thương mại	2.191.041.636	1.120.752.582
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(9.828.634.913)	(8.437.271.938)
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	8.347.963.563	3.740.858.325
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(3.929.753.635)
<b>Chi phí thuế TNDN (*)</b>	<b><u>3.772.554.364</u></b>	<b><u>(3.929.753.635)</u></b>
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thu nhập thuế TNDN - hiện hành	-	(3.929.753.635)
Chi phí thuế TNDN - hoãn lại	3.772.554.364	
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>3.772.554.364</u></b>	<b><u>(3.929.753.635)</u></b>

(\*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

## 33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	<u>Kỳ 9 tháng kết thúc ngày</u>	
	<u>30.09.2024</u>	<u>30.09.2023</u>
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	546.192.562.149	241.773.555.552
Chi phí nhân viên	43.337.833.698	29.596.621.632
Phân bổ lợi thế thương mại	10.955.208.180	5.603.762.910
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.581.109.442	1.550.506.721
(Hoàn nhập)/Dự phòng phải thu khó đòi	11.101.581.456	(2.242.040.968)
(Hoàn nhập)/Dự phòng hàng tồn kho	-	(25.255.842.900)
Khác	45.345.673	492.670.711
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>632.213.640.598</b>	<b>251.519.233.659</b>

## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tập đoàn có giao dịch và số dư và giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết (đến ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Zmedia	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần 1Social	Công ty liên kết
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Big Cat	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH TingTing Network	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần 1Game	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Tera Group	Đầu tư khác (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HDQT")
Ông Đào Phúc Trí	Phó chủ tịch HDQT (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)
Ông Đinh Hoài Nam	Phó chủ tịch HDQT
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HDQT
Ông Kim Min Soo	Thành viên HDQT (miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HDQT Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Chế Đoàn Viên	Tổng giám đốc
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Người liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bò Công Anh	Công ty mà người có liên quan của người nội bộ là Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	Công ty mà người nội bộ là thành viên HDQT

## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp dịch vụ	38.323.181.293	18.992.685.746
	Vay	15.580.000.000	7.400.000.000
	Cho vay	1.800.000.000	17.050.000.000
	Mua dịch vụ	808.316.235	4.168.746.530
	Lãi vay	703.954.262	78.855.301
	Lãi cho vay	217.908.081	463.139.119
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	115.010.959	108.908.219
	Mua dịch vụ	11.505.000	307.626.886
	Cung cấp dịch vụ	-	4.988.559.103
	Cho vay	-	2.328.800.000
	Lãi cho vay	-	46.603.398
	Vay	-	7.700.000.000
Công ty Cổ phần 1Social	Vay	-	490.000.000
	Lãi vay	7.625.206	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	Mua dịch vụ	250.000.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Vay	1.500.000.000	342.808.874
	Lãi cho vay	26.947.526	1.192.452.719
	Cung cấp dịch vụ	21.046.577	5.869.523.810
	Lãi vay	12.446.724	-
	Cho vay	-	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	17.560.000.000	22.860.000.000
	Mua dịch vụ	4.333.333.334	-
	Cung cấp dịch vụ	2.216.523.810	1.758.363.556
	Lãi cho vay	988.325.015	617.639.342
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp dịch vụ	6.309.502.248	755.674.247
	Cho vay	320.000.000	-
	Lãi cho vay	819.863	-
	Mua dịch vụ	-	1.743.196.501
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	2.465.000.000	730.000.000
	Lãi cho vay	204.871.082	16.719.589
	Cung cấp dịch vụ	170.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Lãi vay	-	119.671.233
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	14.958.903	44.876.711
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp dịch vụ	344.345.056	5.492.165.844

## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Công ty TNHH TingTing Network	Vay	400.000.000	-
	Lãi vay	32.046.577	-
	Cho vay	-	110.000.000
	Lãi cho vay	-	1.338.768
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	2.100.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	601.851.852	-
	Mua dịch vụ	147.975.000	-
	Lãi vay	61.204.930	-
	Lãi cho vay	3.509.590	-
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	324.083.204	250.462.693
	Thu hồi tạm ứng	235.730.160	109.141.043
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	390.379.789	101.994.803
	Thu hồi tạm ứng	276.307.959	-
Ông Chế Đoán Viên	Thu hồi tạm ứng	345.425.046	9.000.000
	Tạm ứng	345.425.046	9.000.000
Ông Đào Phúc Trí	Thu hồi tạm ứng	5.327.908.126	10.560.836.604
	Tạm ứng	-	10.702.878.573
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.900.000.000	-
	Lãi vay	60.032.875	-

## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Các khoản chi cho nhân sự quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức danh	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
<b>Thủ lao thành viên HĐQT</b>			
Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	-
Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	-
Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT	-	-
Đình Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Kim Min Soo	Thành viên HĐQT	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<u>-</u>	<u>-</u>
<b>Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác</b>			
Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng giám đốc	2.025.000.000	1.500.000.000
Chê Đoàn Viên	Phó Tổng Giám Đốc	1.055.371.800	708.871.800
Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám Đốc	300.200.000	-
Kim Min Soo	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Đào Phúc Trí	Tổng giám đốc (đã miễn nhiệm)	-	2.549.007.000
Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	502.449.000
Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	123.981.550
<b>TỔNG CỘNG</b>		<u>3.380.571.800</u>	<u>5.384.309.350</u>

## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)</b>		
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Đô	6.731.991.724	6.731.991.724
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	643.697.130	643.697.131
Công ty Cổ phần 1Game	187.000.000	-
Công ty Cổ phần Tera Group	-	87.902.530.164
Công ty Cổ phần Phục hợp Truyền thông T.H	-	11.770.573.444
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	-	8.080.206.311
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	999.999.958
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	547.505.377
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	1.154.383.491
Công ty Cổ phần Tstudio	-	387.340.148
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.562.688.854</u></b>	<b><u>118.218.227.748</u></b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 7)</b>		
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bò Công Anh	139.300.000.000	14.500.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	24.750.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>139.300.000.000</u></b>	<b><u>14.524.750.000</u></b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9(a))</b>		
Công ty Cổ phần 1Game	233.017.516	33.410.819
Công ty Cổ phần Zmedia	147.899.158	147.899.158
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	114.071.830	-
Bà Lê Phương Thảo	88.350.034	-
Ông Chế Đoàn Viên	6.522.276	6.522.276
Ông Đào Phúc Trí	-	5.327.908.126
Công ty Cổ phần Tera Group	-	1.384.252.111
Công ty Cổ phần Phục hợp Truyền thông T.H	-	554.536.312
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	-	531.123.083
Công ty Cổ phần Finbase	-	422.336.624
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	213.178.763
Công ty TNHH BigCat	-	1.610.959
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>589.860.814</u></b>	<b><u>8.622.778.231</u></b>

## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 8(a))</b>		
Công ty Cổ phần Finbase	2.126.000.000	4.286.000.000
Công ty Cổ phần 1Game	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Tera Group	-	35.736.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	-	14.859.000.000
Công ty Cổ phần Phục hợp Truyền thông T.H	-	14.122.833.700
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.676.000.000</b>	<b>69.003.833.700</b>
<b>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 8(b))</b>		
Công ty Cổ phần 1Game	3.015.000.000	1.450.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	3.450.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.015.000.000</b>	<b>4.900.000.000</b>
<b>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 9(b))</b>		
Công ty Cổ phần 1Game	9.665.756	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 15)</b>		
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	5.849.789.534	5.849.789.534
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bỏ Công Anh	4.239.310.835	-
Công ty TNHH BigCat	-	2.270.759.876
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	222.411.825
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	84.450.744
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	28.744.399
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.089.100.369</b>	<b>8.456.156.378</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 16)</b>		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	21.447.961.224
Công ty TNHH BigCat	-	3.306.097.320
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>24.754.058.544</b>



## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 18)</b>		
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	350.657.534	510.657.534
Công ty TNHH BigCat	-	1.173.700.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	191.788.886
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	119.894.318
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	-	60.000.000
Công ty TNHH Vietnam Music Award	-	604.110
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>350.657.534</b>	<b>2.056.644.848</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 19)</b>		
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần 1Social	7.625.206	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải Trí	-	207.573.065
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	-	183.945.200
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	148.150.685
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	16.241.979
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	13.705.730
Công ty TNHH TingTing Network	-	7.364.383
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.007.625.206</b>	<b>2.576.981.042</b>
<b>Vay ngắn hạn (Thuyết minh 20(a))</b>		
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần 1Social	490.000.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	5.950.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	5.300.000.000
Công ty TNHH TingTing Network	-	300.000.000
Công ty TNHH Vietnam Music Award	-	200.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.990.000.000</b>	<b>11.750.000.000</b>
<b>Vay dài hạn (Thuyết minh 20(b))</b>		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	171.623.982
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	342.808.874
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>1.514.432.856</b>

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 25 tháng 10 năm 2024.



\_\_\_\_\_  
Lưu Anh Khoa  
Người lập



\_\_\_\_\_  
Nguyễn Thị Khánh Trang  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
Chế Đoàn Viên  
Phó Tổng Giám đốc





# BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

TỪ NGÀY 13 THÁNG 9 NĂM 2023  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2024

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1



## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Báo cáo tình hình sử dụng vốn từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024	7 - 9
5. Bản thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024	10 - 11

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024 (sau đây gọi tắt là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn").

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592171, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 29 ngày 02 tháng 11 năm 2023 và đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 11 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 29: 762.799.680.000 VND  
Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 30: 1.313.532.640.000 VND

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Tổng Giám đốc HOSE.

### Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : Tầng 7, Toà nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 7300 6071
- Fax : 08 3910 1073

### Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Nghiên cứu thị trường.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bầu
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	Bầu ngày 15 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch	Bầu ngày 15 tháng 6 năm 2022
Ông Đào Phúc Tri	Phó Chủ tịch	Bầu ngày 15 tháng 6 năm 2022
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên	Bầu ngày 21 tháng 12 năm 2022
Ông Kim Min Soo	Thành viên	Bầu ngày 02 tháng 6 năm 2023

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bầu/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban	Bầu ngày 15 tháng 6 năm 2022
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên	Bầu ngày 15 tháng 6 năm 2022
Ông Vương Hồ Chí Dũng	Thành viên	Bầu ngày 02 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2023

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Đào Phúc Tri	Phó Tổng Giám đốc điều hành	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Chế Đoàn Viên	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2024
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc đầu tư	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc chiến lược	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2022
Bà Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023
Ông Lê Minh Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc điều hành	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2023
	Phó Tổng Giám đốc công nghệ	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2023

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 01 tháng 11 năm 2023:

- Bà Lê Phương Thảo – Chủ tịch HĐQT (bầu ngày 15 tháng 6 năm 2022);
- Ông Đào Phúc Tri – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 2012).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 02 tháng 11 năm 2023 đến nay:

- Bà Lê Phương Thảo – Chủ tịch HĐQT (bầu ngày 15 tháng 6 năm 2022);
- Bà Ngô Thị Vân Hạnh – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023).

Ông Chế Đoàn Viên được Bà Ngô Thị Vân Hạnh uỷ quyền ký Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo theo Giấy ủy quyền số 102B-2404-GUQ-YEG ngày 15 tháng 4 năm 2024.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm Báo cáo tình hình sử dụng vốn phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Xây dựng và duy trì các kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không còn các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn tuân thủ theo các nguyên tắc được trình bày tại thuyết minh số III.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Phê duyệt Báo cáo tình hình sử dụng vốn**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tình hình sử dụng vốn đính kèm. Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024, phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại thuyết minh số III.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,  
  


**Chế Đoàn Viên**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 02 tháng 5 năm 2024





Số: 1.1029/24/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024 (sau đây gọi tắt là “Báo cáo tình hình sử dụng vốn”) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 02 tháng 5 năm 2024, từ trang 07 đến trang 11 đính kèm, bao gồm Báo cáo tình hình sử dụng vốn và Bản thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập theo cơ sở kế toán như mô tả tại thuyết minh số III.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty theo cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại thuyết minh số III.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1, phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như mô tả tại thuyết minh số III.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

**Cơ sở kế toán và giới hạn về đối tượng nhận Báo cáo kiểm toán**

Không phù hợp nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý đến thuyết minh số III.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn về cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Báo cáo này chỉ được sử dụng để tổng hợp tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND của Công ty, không mở rộng ra cho toàn bộ Báo cáo tài chính. Báo cáo này được lập để giúp Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước làm cơ sở phát hành, niêm yết cổ phiếu và công bố thông tin theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư. Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**



**Nguyễn Chí Dũng**

**Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1

Người được ủy quyền



**Võ Thành Công**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1033-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 5 năm 2024

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024

### I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

#### 1. Cơ sở phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) được thực hiện theo:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) số 125/2303/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc thông qua Tờ trình số 93/2023/YEG/TT-ĐHĐCĐ của Hội đồng quản trị về phương án chào bán cổ phần riêng lẻ để tăng vốn điều lệ;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 204/2305/NQ/HĐQT/YEG ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc triển khai phương án chào bán riêng lẻ cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 284/2306/YEG/BBH/ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 279/2306/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023.

#### 2. Thông tin về đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ

- Tên cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu chào bán : 45.000.000 cổ phiếu
- Giá chào bán : 10.000 VND/cổ phiếu
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá : 450.000.000.000 VND
- Phương thức chào bán : Chào bán riêng lẻ
- Hạn chế chuyển nhượng : 3 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
- Đối tượng phát hành : Là nhà đầu tư chiến lược, các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức có năng lực (bao gồm nhưng không giới hạn người nội bộ và người có liên quan của Công ty) có thể hỗ trợ, đồng hành và hợp tác với Công ty trong quản trị điều hành, quá trình kinh doanh và tăng cạnh tranh trên thị trường đồng thời có cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với Công ty tối thiểu 03 năm
- Số lượng nhà đầu tư : 15 nhà đầu tư
- Thời gian thực hiện : Trong năm 2023 sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản chấp thuận
- Mục đích phát hành : Tăng quy mô vốn hoạt động, đầu tư, mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty

#### Kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm:

STT	Phương án sử dụng	Số tiền (VND)	Thời gian giải ngân dự kiến	Phương thức sử dụng
1	Góp vốn vào Công ty TNHH 1Production theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 95/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 28/02/2023 (không giới hạn việc góp vốn trực tiếp và/hoặc hoàn trả tiền đi vay để thực hiện việc góp vốn theo đúng quy định)	137.000.000.000	Quý II và/hoặc quý III/2023	Thanh toán tiền góp vốn và/hoặc thanh toán nợ vay

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1**

Địa chỉ: Tầng 7, Toà nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN**

Từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024

**Báo cáo tình hình sử dụng vốn (tiếp theo)**

STT	Phương án sử dụng	Số tiền (VND)	Thời gian giải ngân dự kiến	Phương thức sử dụng
2	Góp vốn vào Công ty TNHH Yeah1 Up theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 83/0223/NQ/HĐQT/YEG ngày 24/02/2023 (không giới hạn việc góp vốn trực tiếp và/hoặc hoàn trả tiền đi vay để thực hiện việc góp vốn theo đúng quy định)	23.000.000.000	Quý II và/hoặc quý III/2023	Thanh toán tiền góp vốn và/hoặc thanh toán nợ vay
3	Bổ sung vốn lưu động	290.000.000.000		
3.1	Thanh toán Hợp đồng cho vay số 48/2302/HĐCV/LG/YEG/NVĐ ngày 03/02/2023	70.000.000.000	Quý II và/hoặc quý III/2023	Thanh toán nợ vay
3.2	Thanh toán Hợp đồng cho vay số 49/2302/HĐCV/LG/YEG/ĐTD ngày 03/02/2023 và Phụ lục	58.756.250.000	Quý II và/hoặc quý III/2023	Thanh toán nợ vay
3.3	Thanh toán Hợp đồng cho vay số 50/2302/HĐCV/LG/YEG/PTH ngày 03/02/2023	103.005.000.000	Quý II và/hoặc quý III/2023	Thanh toán nợ vay
3.4	Thanh toán Hợp đồng cho vay tiền số 1507/2022/YEG/HDV ngày 15/7/2022 và Hợp đồng cho vay tiền số 03/27062022/HDV ngày 27/6/2022 và phụ lục	28.000.000.000	Quý II và/hoặc quý III/2023	Thanh toán nợ vay
3.5	Vốn lưu động khác	30.238.750.000	Năm 2023 và quý I/2024	Thanh toán bổ sung vốn lưu động
	<b>Cộng</b>	<b>450.000.000.000</b>		

**3. Thực tế thực hiện**

Dựa trên phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong khoảng thời gian từ ngày 11 tháng 9 năm 2023 đến ngày 12 tháng 9 năm 2023. Ngày 12 tháng 9 năm 2023 Công ty đã gửi Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với các thông tin chi tiết như sau:

- Số lượng cổ phiếu đã phân phối : 45.000.000 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Giá chào bán : 10.000 VND/cổ phiếu
- Tổng số nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu : 15 cá nhân trong nước
- Tổng số tiền thu được : 450.000.000.000 VND
- Tổng chi phí : -
- Tổng thu ròng : 450.000.000.000 VND

*Trong đó:*

- Vốn góp của chủ sở hữu : 450.000.000.000 VND
- Thặng dư vốn cổ phần : -

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty. Ngày 02 tháng 11 năm 2023 Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 29 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành thêm cổ phiếu này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024

Báo cáo tình hình sử dụng vốn (tiếp theo)

### II. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2024


Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ 450.000.000.000 VND đã được Công ty sử dụng như sau:


Mục đích sử dụng	Theo phương án phát hành (VND)	Thực tế sử dụng	
		Số tiền sử dụng (VND)	Thời gian sử dụng
Góp vốn vào Công ty TNHH J Production	137.000.000.000	137.000.000.000	14/9/2023
Góp vốn vào Công ty TNHH Yeah1 Up	23.000.000.000	23.000.000.000	14/9/2023
Chuyển trả tiền gốc vay cho Ông Nguyễn Văn Đài theo Hợp đồng cho vay số 48/2302/HĐCV/LG/YEG/NVD ngày 03/02/2023	70.000.000.000	70.000.000.000	14/9/2023
Chuyển trả tiền gốc vay cho Ông Đinh Tấn Danh theo Hợp đồng cho vay số 49/2302/HĐCV/LG/YEG/ĐTD ngày 03/02/2023	58.756.250.000	58.756.250.000	14/9/2023
Chuyển trả tiền gốc vay cho Ông Phan Thái Huy theo Hợp đồng cho vay số 50/2302/HĐCV/LG/YEG/PTH ngày 03/02/2023	103.005.000.000	103.005.000.000	14/9/2023
Chuyển trả tiền gốc vay cho Công ty Cổ phần Vital Investments Group theo Hợp đồng cho vay tiền số 03/27062022/HĐV ngày 27/6/2022	8.000.000.000	8.000.000.000	14/9/2023
Chuyển trả tiền gốc vay cho Công ty Cổ phần Vital Investments Group theo Hợp đồng cho vay tiền số 1507/2022/YEG/HĐV ngày 15/7/2022	20.000.000.000	20.000.000.000	14/9/2023
Vốn lưu động khác <sup>(1)</sup>	30.238.750.000	30.238.750.000	
Chi lãi vay		11.259.368.000	14/9/2023
Chi cho hoạt động kinh doanh (tạm ứng, chi lương, chi nộp bảo hiểm xã hội, chi nộp thuế, chi sửa chữa văn phòng...)		18.979.382.000	Từ 9/2023 đến 3/2024
<b>Cộng</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>450.000.000.000</b>	

- <sup>(1)</sup> Số tiền Công ty bổ sung vốn lưu động khác dùng một phần để thanh toán lãi vay cho các Hợp đồng cho vay số 48/2302/HĐCV/LG/YEG/NVD, Hợp đồng cho vay số 49/2302/HĐCV/LG/YEG/ĐTD, Hợp đồng cho vay số 50/2302/HĐCV/LG/YEG/PTH, Hợp đồng cho vay số 1507/2022/YEG/HĐV và Hợp đồng cho vay số 03/27062022/HĐV. Ngoài ra một phần dùng để tạm ứng cho nhân viên Công ty - Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu theo Quyết định số 528-2309-QĐ-YEG ngày 14 tháng 9 năm 2023 với mục đích để tạm ứng chi phí thực hiện các chương trình Content của Công ty, tuy nhiên, do việc thực hiện chậm tiến độ nên Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu đã hoàn ứng lại đủ cho Công ty trong thời gian từ ngày 16 tháng 10 năm 2023 đến ngày 02 tháng 11 năm 2023. Công ty đã sử dụng khoản tiền hoàn ứng này để chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm: chi lương, nộp bảo hiểm xã hội, nộp thuế, chi sửa chữa văn phòng... trong thời gian từ tháng 10 năm 2023 đến tháng 3 năm 2024.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 5 năm 2024



  
Đặng Phương Dung  
Người lập

  
Nguyễn Thị Khánh Trang  
Kế toán trưởng

  
Chế Đoán Viên  
Phó Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### II. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập phù hợp với quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tình hình sử dụng vốn này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Công ty, phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại thuyết minh số III.1 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc chào bán, sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu.

### III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN VÀ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG BÁO CÁO

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) được lập trên cơ sở thực chi và là một bộ phận trong dòng tiền chi của Công ty.

Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu trong kỳ được tổng hợp trên cơ sở các nghiệp vụ giải ngân lần đầu thông qua tài khoản số 1190580180 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

Thông tin về tình hình sử dụng vốn được trình bày phù hợp và nhất quán với sổ sách kế toán, Báo cáo tài chính và các tài liệu có liên quan của Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Từ ngày 13 tháng 9 năm 2023 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn (tiếp theo)

### 2. Kỳ báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) được lập sau khi Công ty hoàn thành việc sử dụng vốn theo phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đã được phê duyệt.

### 3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn là Đồng Việt Nam (VND).

### 4. Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 450.000.000.000 VND (từ 312.799.680.000 VND lên 762.799.680.000 VND) chỉ được sử dụng để báo cáo tình hình sử dụng vốn theo kế hoạch sử dụng vốn được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) 125/2303/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2023 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 279/2306/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 cũng như đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước, không mở rộng ra cho toàn bộ Báo cáo tài chính của Công ty. Vì thế Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

## IV. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2024

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 5 năm 2024

Đặng Phương Dung  
Người lập

Nguyễn Thị Khánh Trang  
Kế toán trưởng

Chế Đoàn Viên  
Phó Tổng Giám đốc

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 052316... Quyền số: 01SCT/BS

Ngày: 13-12-2024

**CÔNG CHỨNG VIÊN  
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC**

*Vũ Thu Hải*